



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Cao su - Dòng chảy cuộc sống

VRG

**PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VÌ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC



CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM..... 2 - 3

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	4
- Thông tin khái quát.....	6
- Giới thiệu Tập đoàn.....	7
- Lịch sử hình thành và phát triển.....	18 -19
- Những hoạt động, sự kiện nổi bật năm 2023.....	20
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.....	26
- Định hướng phát triển.....	28 - 29

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 30 - 31

- Hội đồng Quản trị.....	32
- Ban Tổng Giám đốc.....	36
- Ban Kiểm soát.....	40



CHƯƠNG III: BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO42 - 43

- Thông tin tài chính cơ bản qua các năm..... 44
- Đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 48
- Định hướng phát triển năm 202450
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc53
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị54
- Báo cáo của Ban Kiểm soát.....56
- Quản lý rủi ro..... 60
- Những điểm sáng.....62

CHƯƠNG IV: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....96 - 97

- Chương trình phát triển bền vững - Chiến lược tăng trưởng xanh 98
- Tập đoàn và trách nhiệm với cộng đồng xã hội, chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững..... 100
- “Triển khai thực hiện PTBV của VRG gắn với mục tiêu PTBV của Việt Nam và Liên hợp quốc” 104
- Chuyển đổi số - Nâng cao hiệu quả hoạt động 108

CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....110

- Báo cáo tài chính hợp nhất

1.

GIỚI THIỆU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM







Ông Trần Công Kha – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn

QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2023 là một năm có rất nhiều khó khăn, trở ngại và thách thức đối với hoạt động SXKD của các Doanh nghiệp nói chung và ngành cao su nói riêng, do tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến khó lường, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, cuộc chiến Israel - Hamas tại Dải Gaza bùng nổ và căng thẳng tại Biển Đỏ trở thành các điểm nóng mới đã tạo ra một cuộc khủng hoảng lớn, giá dầu, lạm phát tăng cao, nhu cầu đối với hàng hóa, tiêu dùng trên thế giới suy giảm, tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngoài ra, các yếu tố như thời tiết, khí hậu diễn biến cực đoan, bệnh hại trên cây cao su, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, lao động thiếu ổn định, chi phí sản xuất tăng và đặc biệt giá bán mủ cao su và gỗ cao su giảm sâu... ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Trong bối cảnh khó khăn đó, Tập đoàn đã phát huy truyền thống quý báu của ngành cao su Việt Nam, đoàn kết, thống nhất, tạo nên sức mạnh tổng hợp, vượt qua thách thức, khó khăn ra sức thi đua, góp phần giúp Tập đoàn hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 để ra, từng bước khẳng định “Thương hiệu Cao su Việt Nam” trên thị trường khu vực và thế giới; phát triển giá trị chuỗi sản phẩm cao su. Đồng thời, thực hiện tốt công tác an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và vùng biên giới góp phần thực hiện công tác chính trị, ngoại giao giữa Việt Nam với Lào và Campuchia; bảo đảm môi trường sinh thái, ổn định, việc làm đời sống, an sinh, xã hội cho người lao động, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại các vùng núi, vùng biên giới còn khó khăn và người dân bản địa trong vùng dự án tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

Các kết quả cụ thể đạt được như: Sản lượng cao su khai thác đạt: 450.500 tấn, bằng 106% KH năm, so với cùng kỳ năm trước đạt 105%; Sản lượng cao su tiêu thụ đạt: 520.290 tấn, bằng 102,4% KH năm, so với cùng kỳ năm trước đạt 103,8%; Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt 24.699 tỷ đồng bằng 101,9% KH năm; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 4.113 tỷ đồng bằng 104% KH năm; Lợi nhuận sau thuế 3.372 tỷ đồng bằng 100,3% KH năm. Riêng Công ty Mẹ - Tập đoàn, doanh thu và thu nhập khác 3.979 tỷ đồng (vượt 4,9% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế 1.433 tỷ đồng (vượt 2,7% kế hoạch); Lợi nhuận sau thuế 1.433 tỷ đồng (vượt 2,7% kế hoạch). Duy trì việc làm ổn định cho hơn 83.000 lao động với mức thu nhập bình quân 8,24 triệu đồng/người/tháng, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số trên 20.500 người, lao động là người nước ngoài (Lào, Campuchia) trên 21.500 người.

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2024 tiếp tục được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức cả trong nước và quốc tế làm ảnh hưởng không nhỏ đến Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Về phía Tập đoàn trên cơ sở phân tích, nhận định những khó khăn, thách thức, Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể đối với từng lĩnh vực/khu vực, những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024, cụ thể:

Thứ nhất, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tập trung quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, các bộ ngành hữu quan nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ công tác năm 2024.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, khai thác đảm bảo đạt và vượt kế hoạch năm 2024; theo dõi sát tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng để kịp thời có phương án phù hợp. Tăng cường công tác thu mua để tăng doanh thu, phát huy công suất các nhà máy chế biến, giảm giá thành và tăng việc làm, thu nhập cho người lao động.

Thứ ba, tiếp tục theo dõi diễn biến của thị trường để điều hành giá sàn phù hợp, kịp thời nhằm mang lại hiệu quả và quản trị hàng tồn kho của toàn Tập đoàn ở mức phù hợp. Tiếp tục đẩy mạnh tiếp thị, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ mủ cao su và các sản phẩm của Tập đoàn.

Thứ tư, chủ động rà soát tình hình hoạt động của các công ty gỗ để có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hoạt động SXKD lĩnh vực gỗ ổn định và phát triển trong thời gian tới. Bảo đảm khả năng cung ứng nguyên liệu cao su, gỗ cao su của Tập đoàn cho ngành công nghiệp cao su, ngành chế biến gỗ trong nước và xuất khẩu; thực hiện tốt vai trò chuyển giao kỹ thuật, dẫn dắt thị trường đối với các lĩnh vực Tập đoàn đang chiếm tỷ trọng lớn, có thế mạnh.

Thứ năm, đầu tư, khai thác có hiệu quả quỹ đất đủ điều kiện để phát triển các KCN/CCN và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo động lực tăng trưởng mới cho Tập đoàn, phấn đấu là doanh nghiệp đứng đầu cả nước trong lĩnh vực phát triển KCN/CCN, nâng cao hiệu quả và giá trị vốn hoá của Tập đoàn. Tăng cường tiếp thị, thu hút các nhà đầu tư vào các KCN/CCN, đổi mới mô hình quản lý, quản trị hiện đại trong công tác đầu tư, tổ chức và hoạt động kinh doanh các KCN/CCN đầu tư mới của Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn.

Thứ sáu, triển khai thực hiện Chiến lược phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035, kế hoạch SXKD và ĐTPT 05 năm 2021-2025 của Tập đoàn được UBQLVNN tại DN phê duyệt tại Công văn số 2789/UBQLV-NN ngày 27/12/2023; Đề án cơ cấu lại Tập đoàn đến hết năm 2025 tại Công văn số 2833/UBQLV-NN ngày 22/12/2023. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường vào sản xuất, kinh doanh và quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, quản lý, điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD toàn ngành.

Thứ bảy, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Người đại diện vốn, Người đứng đầu và Ban điều hành tại doanh nghiệp khi thực thi các nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai có hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước... Tiếp tục thực hiện chính sách tiết giảm đầu tư;

Phát huy truyền thống 95 năm của ngành cao su Việt Nam và kết quả đạt được trong năm 2023, Tập đoàn tập trung xây dựng phương án khai thác hiệu quả nguồn lực và tiềm năng hiện có, tạo động lực tăng trưởng mới, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 2024 ở mức cao nhất. Bảo đảm hiệu quả, lợi ích của chủ sở hữu Nhà nước và cổ đông, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

tăng cường thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

Thứ tám, tiếp tục phát triển Tập đoàn bền vững trên nền tảng 3 trụ cột: Phát triển kinh tế – Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội. Tiếp tục thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của Tập đoàn năm 2023 - 2030, tầm nhìn 2050. Tiếp tục nâng cao vai trò của Tập đoàn trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân; kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, ngoại giao trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn.

Thứ chín, triển khai thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu VRG trong toàn Tập đoàn nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và định vị thương hiệu của Tập đoàn trên thị trường trong nước và quốc tế, nghiên cứu xây dựng nền tảng thương mại điện tử, tiếp thị trên môi trường điện tử số để tăng tính quảng bá, tiếp thị về các sản phẩm của Tập đoàn.

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2023 và giá trị truyền thống 95 năm của ngành cao su Việt Nam, Tập đoàn tiếp tục quyết tâm nỗ lực vượt khó, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn năm 2024 và những năm tiếp theo.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến lãnh đạo cơ quan ban ngành Trung ương và địa phương – nơi có các đơn vị trực thuộc Tập đoàn đứng chân, các đối tác và hơn 83.000 người lao động đã đóng góp công sức vào sự phát triển của Tập đoàn. Đặc biệt xin được cảm ơn quý cổ đông và các nhà đầu tư đã đồng hành. Chúng tôi mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành và hợp tác của quý vị trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) thành lập từ năm 1975, sau nhiều lần thay đổi mô hình tổ chức và tên gọi; ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Ngày 22/05/2018, Tập đoàn tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, ra mắt **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN** và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần (doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác giữ quyền chi phối các Công ty con thông qua chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư kinh doanh, quản lý, điều phối vốn, thương hiệu, thị trường, kiểm soát quy trình, định mức trong toàn Tập đoàn...; trực tiếp kinh doanh và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị thành viên của Tập đoàn gồm các Doanh nghiệp cấp II và Doanh nghiệp cấp III được tổ chức, hoạt động dưới các hình thức Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Liên doanh liên kết.

Tên Công ty bằng tiếng Việt:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **Viet Nam Rubber Group**

Tên viết tắt: **VRC**

Trụ sở làm việc: 177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
(84-28) 39 325 234

www.vnrubbergroup.com

Mã cổ phiếu: **GVR**

Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng

MST: 0301266564

Giấy phép ĐKKD: 0301266564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/06/2018.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Quảng Ninh

27 Đại lộ Hòa Bình, phường Trần Phú, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Campuchia

7B, 466 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Campuchia

Văn phòng đại diện tại Lào

Vientiane, Lào

Văn phòng đại diện tại Trung Quốc

12F Liangfeng mansion No. 8 Dongfang Pudong Shanghai, China PC. 200120

Văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ

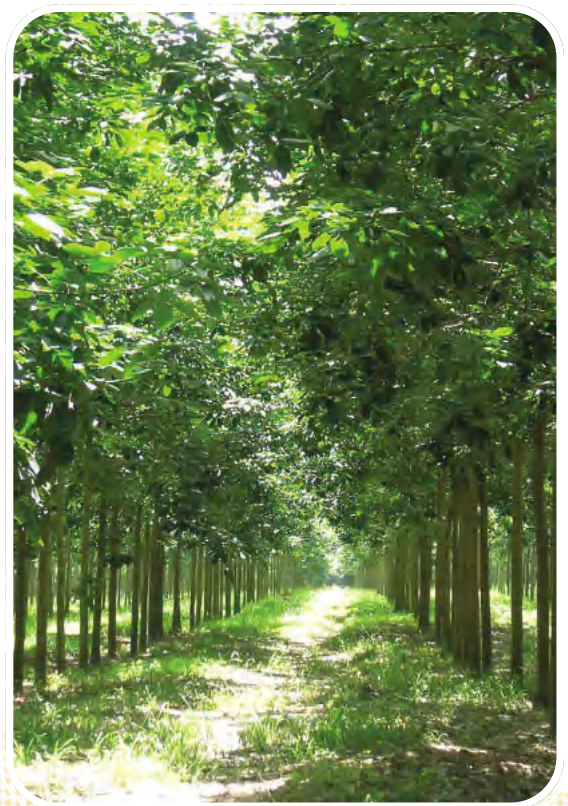
1120 Avenue of the America 4 th floor, New York NY 10036 USA

Văn phòng đại diện tại Nga

Moscow-Russia 123056. Gruzinsky Pereulok. 3/201

Văn phòng đại diện tại Ukraine

96 Krasnozvesdny, Kiev City, Ukraine





VRG

Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp về hiệu quả, quy mô, chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường ở Việt Nam, trong khu vực và khẳng định thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới.



Cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước những sản phẩm nông, công nghiệp và dịch vụ có giá cả cạnh tranh, an toàn với người dùng, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

Xây dựng và phát triển văn hóa Doanh nghiệp: kế thừa, đoàn kết, hài hòa lợi ích và tôn trọng pháp luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động có tính cạnh tranh, luôn đổi mới và gắn bó với Doanh nghiệp.

Thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng; luôn chú trọng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm cao su theo nhu cầu khách hàng; liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế; thực hiện chính sách bán hàng chuyên nghiệp, hậu mãi chu đáo; đề cao uy tín thương hiệu VRG.

Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý và các Quy trình, Quy chuẩn sản xuất để đảm bảo cung cấp các sản phẩm luôn bảo đảm chất lượng, ổn định và bền vững.

Đầu tư phát triển, tổ chức sản xuất trên quan điểm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.



Đại diện vốn phần vốn Nhà nước tại Tập đoàn: đến thời điểm hiện nay gồm có 05 người; trong đó có Chủ tịch HĐQT Tập đoàn là Người đại diện phụ trách chung nhóm người đại diện, 02 Thành viên HĐQT và 02 Phó Tổng Giám đốc.

STT	Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trần Công Kha	1.032.224.751	25,81	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Thanh Hưng	1.290.280.940	32,26	TV HĐQT - TGD
3	Hà Văn Khương	516.112.376	12,90	TV HĐQT
4	Lê Đình Bửu Trí	516.112.376	12,90	Phó TGD
5	Đỗ Hữu Phước	516.112.376	12,90	Phó TGD
Cộng		3.870.842.819	96,77	

BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

- Hội đồng Quản trị (có 08 người; trong đó có 03 thành viên đại diện vốn Nhà nước, 02 thành viên không đại diện vốn (năm 2023 đã thôi đại diện vốn nhà nước, nghỉ hưu theo chế độ), 01 đại diện cổ đông ngoài, 02 thành viên HĐQT độc lập).
- Ban Tổng Giám đốc (gồm có 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc).
- Ban Kiểm soát có 03 thành viên (gồm 01 Trưởng Ban là chuyên trách và 02 thành viên Ban Kiểm soát là kiêm nhiệm).
- Bộ máy giúp việc: Ban Quản trị và tham mưu tổng hợp trực thuộc HĐQT, 14 Ban nghiệp vụ và cơ quan gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức Cán bộ; Ban Pháp chế Thanh tra; Ban Lao động Tiền lương; Ban Tài chính Kế toán; Ban Kế hoạch Đầu tư; Ban Công nghiệp; Ban Thị trường Kinh doanh; Ban Quản lý Kỹ thuật; Ban Xây dựng Cơ bản – Khu công nghiệp; Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy, Văn Phòng Đảng ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.
- Các Văn phòng Đại diện tại: Hà Nội, Campuchia, Lào...



1



TRỒNG, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CAO SU

Mỗi năm Tập đoàn sản xuất bình quân 500.000 tấn cao su. Tuy chỉ chiếm khoảng 30% diện tích và sản lượng cao su cả nước, nhưng Tập đoàn giữ vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy ngành cao su Việt Nam phát triển. Tập đoàn hiện có 59 nhà máy, xưởng chế biến mũ với tổng công suất thiết kế 636.400 tấn, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến. Không chỉ đủ năng lực chế biến hết lượng mũ khai thác, các nhà máy của Tập đoàn còn chế biến và gia công cho khối cao su tiêu điển bình quân hơn 80.000 tấn/năm.

Cơ cấu sản phẩm cao su của Tập đoàn đa dạng, có chất lượng cao và ổn định, phù hợp với nhu cầu thị trường. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn tập trung vào 3 nhóm chủ lực: Cao su định chuẩn kỹ thuật, cao su ly tâm và cao su tờ xông khói. Bên cạnh đó, Tập đoàn đang phát triển sản phẩm cao su thương hiệu Tập đoàn có chất lượng sản phẩm cao hơn, **Sản lượng tiêu thụ năm 2023 là 520.290 tấn, đạt 102,4% kế hoạch năm và bằng 103,8% thực hiện cùng kỳ 2022.** Chất lượng sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu của Tập đoàn. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn luôn đảm bảo chất lượng cao, đồng đều và ổn định, thông qua hệ thống quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt, đạt các tiêu chuẩn khắt khe trong nước và quốc tế. Để quản lý sản xuất chế biến cao su, Tập đoàn đã ban hành 15 tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) và dự kiến trong thời gian tới tiếp tục soát xét 7 TCCS và ban hành mới 5 TCCS. Quy trình kiểm soát chất lượng yêu cầu khi xây dựng nhà máy chế biến phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ, đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và đầu tư phòng quản lý chất

lượng đạt chứng nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017 (đạt chứng nhận Vilas). Đến nay Tập đoàn đã có 46 nhà máy chế biến có hệ thống quản lý chất lượng đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 26 Phòng QLCL đạt chứng nhận Vilas. Sản phẩm cao su thiên nhiên Tập đoàn hiện xuất khẩu tới hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và đang tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ. Tập đoàn tự hào là nhà cung cấp sản phẩm cao su cho những khách hàng lớn trên thế giới, như: Goodyear, Bridgestone, Michelin, Yokohama, Kumho, Sailun...



TỔNG DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU NĂM 2023

Tổng diện tích toàn Tập đoàn:

373.182,54
ha

Trong nước: **259.449,72 ha**
Nước ngoài: **113.732,82 ha**

ST T	Vùng	Diện tích (ha)			CỘNG	TỶ TRỌNG (%)	Cơ cấu (%)	
		Kinh doanh	TC-TM	KTCB			Kinh doanh	TCTM và KTCB
	TẬP ĐOÀN	280.861,97	4.723,88	87.596,69	373.182,54	100,0	75,3	24,7
<i>I</i>	<i>Trong nước</i>	<i>173.106,11</i>	<i>4.723,88</i>	<i>81.619,72</i>	<i>259.449,72</i>	<i>69,5</i>	<i>66,7</i>	<i>33,3</i>
<i>II</i>	<i>Ngoài nước</i>	<i>107.755,86</i>	<i>-</i>	<i>5.976,96</i>	<i>113.732,82</i>	<i>30,5</i>	<i>94,7</i>	<i>5,3</i>
1	ĐNB	91.537,20	3.507,98	44.079,86	139.125,04	37,3	65,8	34,2
2	Tây Nguyên	40.167,39	1.215,90	20.140,79	61.524,08	16,5	65,3	34,7
3	DHMT	20.122,26	-	10.343,07	30.465,33	8,2	66,1	33,9
4	MNPB	21.279,27	-	7.056,00	28.335,27	7,5	75,1	24,9
5	Campuchia	85.281,93	-	2.490,27	87.772,20	23,5	97,2	2,8
6	Lào	22.473,93	-	3.486,69	25.960,62	7,0	86,6	13,4





2 CÔNG NGHIỆP CAO SU

Tập đoàn hiện có 5 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp: Công ty CPCS Bến Thành, Công ty CP VRG Khải Hoàn, Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru, Công ty CP Chỉ sợi Cao su SADO, Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú và sản phẩm lốp xe mang thương hiệu **★★★ VRG**.

Các sản phẩm công nghiệp cao su của Tập đoàn hiện nay gồm: Sản xuất lốp xe thương hiệu **★★★ VRG**; nệm gối cao su (DORUFOAM); găng tay Khải Hoàn (Vglove); bóng thể thao (Geru Star); chỉ sợi cao su (SADO); dây chuyền băng tải (Cao su Bến Thành)... Các sản phẩm này đã, đang khẳng định được uy tín trên thị trường, được khách hàng trong nước và quốc tế tin cậy.

Riêng sản phẩm lốp xe, Tập đoàn đi theo hướng xây dựng thương hiệu trước lúc thực hiện đầu tư nhà máy, đã phát triển sản phẩm lốp xe tải mang thương hiệu **★★★ VRG**, sản phẩm đạt tiêu chuẩn JIS D4230 của Nhật Bản và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7533:2005. Từ năm 2018 đến năm 2023, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ **5.363 bộ** lốp xe tải thương hiệu **★★★ VRG** (bao gồm chủng loại 8.25-16 và 9.00-20). Ngoài ra, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ 10 chủng loại lốp xe 2 bánh thương hiệu **★★★ VRG** với số lượng **31.300 chiếc**. Qua quá trình sử dụng, sản phẩm lốp xe thương hiệu **★★★ VRG** được khách hàng đánh giá là sản phẩm có chất lượng tốt, đúng quy chuẩn, đạt chất lượng về độ bám đường, khả năng chống mài mòn, chịu lực và có giá cả hợp lý.





CAO SU TỜ (RSS)

RSS được xếp theo chất lượng giảm dần từ RSS1, RSS2, RSS3, RSS4, RSS5.



CAO SU LY TÂM

Mủ latex cô đặc theo công nghệ ly tâm và tạo kem, mủ ly tâm HA và LA.

Mủ latex ly tâm cô đặc có hàm lượng Protein thấp ULPL HA, ULPL LA.



CAO SU ĐỊNH CHUẨN KỸ THUẬT (TSR)

Cao su thiên nhiên dưới dạng khối (cổm) được ép thành hình chữ nhật với trọng lượng và kích cỡ như sau: 670mm x 330mm x 170mm và cân nặng 33,3 kg hoặc 35 kg \pm 0,5%.





3

LĨNH VỰC CHẾ BIẾN GỖ



Tập đoàn có thế mạnh và nguồn lực lớn về đất đai để phát triển trồng rừng nguyên liệu. Ngoài ra, với diện tích cao su thành lý bình quân dao động 10.000 – 12.000 ha/năm, Tập đoàn có lợi thế lớn trong việc đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu để chế biến, sản xuất các sản phẩm gỗ. Những năm qua lĩnh vực chế biến gỗ của Tập đoàn ngày càng được mở rộng về quy mô và doanh thu.

Trong những năm tới, Tập đoàn tiếp tục tăng công suất các nhà máy chế biến gỗ hiện có, đầu tư các dự án khác; đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm có chứng chỉ, sản xuất những sản phẩm mới phù hợp với khả năng vùng nguyên liệu và thị trường.



Tính đến nay, Tập đoàn có

18

nhà máy sản xuất gỗ

(14 nhà máy sơ chế, ghép tấm và tinh chế; 4 nhà máy MDF)

Mặc dù thị trường tiêu thụ trên thế giới tiếp tục giảm sâu, cộng với thực trạng giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh... nhưng ngành chế biến gỗ VRG đã từng bước khắc phục khó khăn, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu như: tổng sản lượng sản xuất gần 1,076 triệu m³ gỗ các loại. Tổng doanh thu trên 5.510 tỷ đồng. Thu nhập người lao động bình quân trên 9,2 triệu đồng/người/tháng.



4

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP



Khu công nghiệp là lĩnh vực rất quan trọng của VRG, Tập đoàn đang đầu tư vào 11 công ty hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN (Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh, Bình Long, Cộng Hòa, Thống Nhất, VRG Long Thành, Nam Pleiku). Với 16 dự án, tổng diện tích hơn 6.566 ha, nằm tập trung tại các tỉnh/thành: TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Gia Lai. Những năm qua, các KCN chia cổ tức bình quân trên 40%, một số KCN trên 60%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân trên 60%.

Năm 2023, tình hình kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn khó khăn cũng như sự bất ổn chính trị tại một số khu vực trên thế giới gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD, thu hút đầu tư. Mặc dù còn nhiều khó khăn, tuy nhiên, các đơn vị KCN đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu SXKD. Doanh thu ước 2.177 tỷ đồng, bằng 88,4% kế hoạch (do không có quỹ đất để cho thuê mới nên nguồn thu chủ yếu đến từ thu phí dịch vụ, lãi tiền gửi, phân bổ doanh thu dài hạn); lợi nhuận gần 1.175 tỷ đồng (vượt 12% KH). Đơn vị đạt doanh thu cao nhất 116% KH; lợi nhuận sau thuế đơn vị đạt cao nhất 126% KH. Các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ; chỉ tiêu về thu nhập của NLĐ; tỷ lệ chia cổ tức nhìn chung đều đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra, cụ thể: tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 64% (vượt 6,9% KH); thu nhập bình quân 16 triệu đồng/người/tháng (vượt 10,5% KH).

Trong giai đoạn 2021 – 2025, bên cạnh việc tập trung thực hiện thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư các KCN/CCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang xin chấp thuận chủ trương đầu tư với diện tích 2.921 ha (bao gồm 1.734.53 ha đang triển khai thủ tục) thì Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cấp thẩm quyền địa phương và bộ ngành để làm tiền đề cho việc triển khai phát triển thêm 16.592 ha. Trong đó, Tập đoàn làm chủ đầu tư 10.977 ha tại tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu, các đơn vị đầu tư 5.615 ha. Tổng diện tích phát triển KCN/CCN cho tầm nhìn năm 2025 dự kiến là 23.444 ha.

Ngày 1/3/2024, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã ký Quyết định 214/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Hiệp Thạnh - giai đoạn 1, tỉnh Tây Ninh cho VRG. Dự án được thực hiện tại ấp Đá Hàng và ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Tổng vốn đầu tư của dự án là 2.350 tỷ đồng, quy mô sử dụng đất của dự án là 495,17 ha.



5

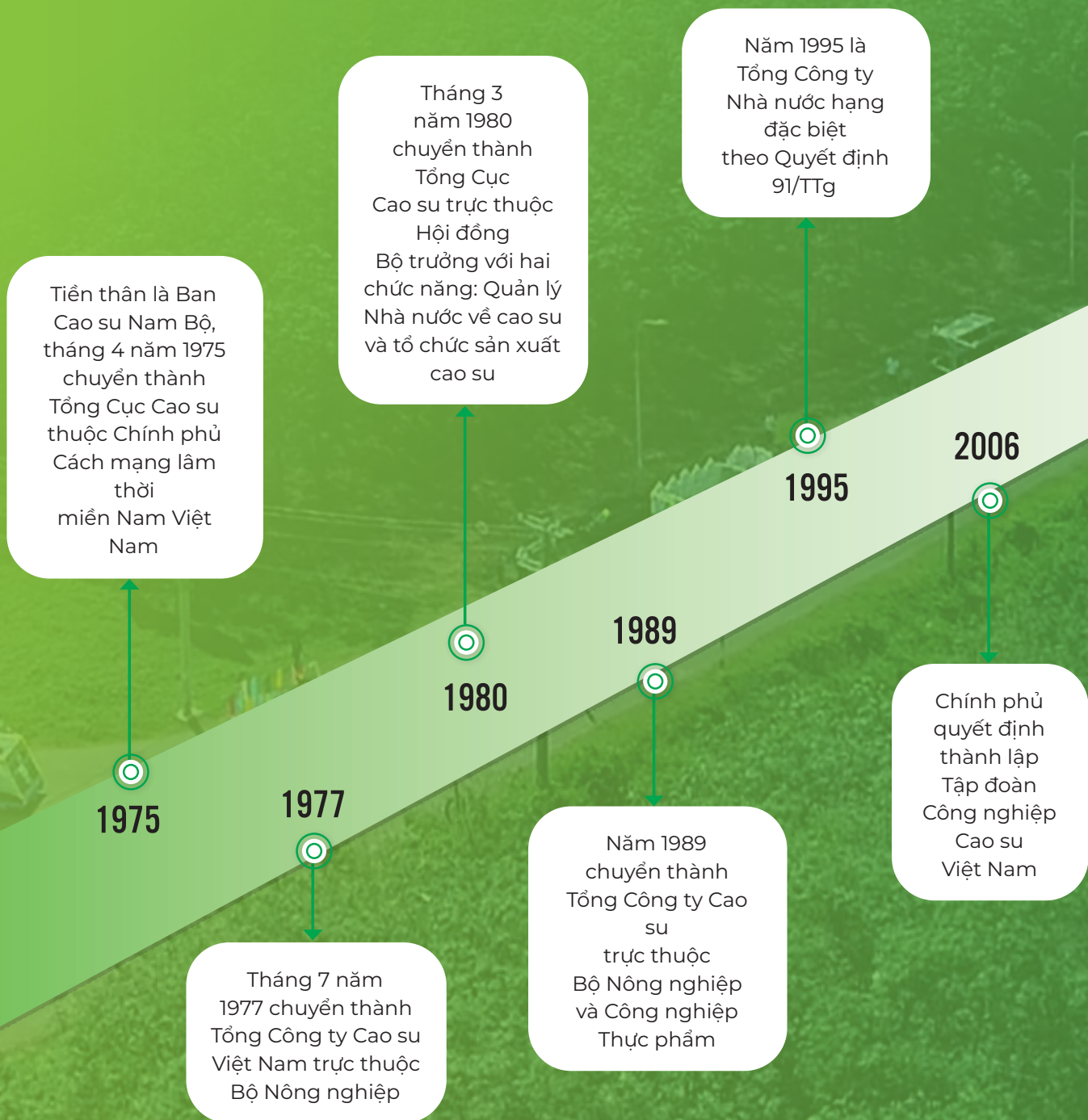


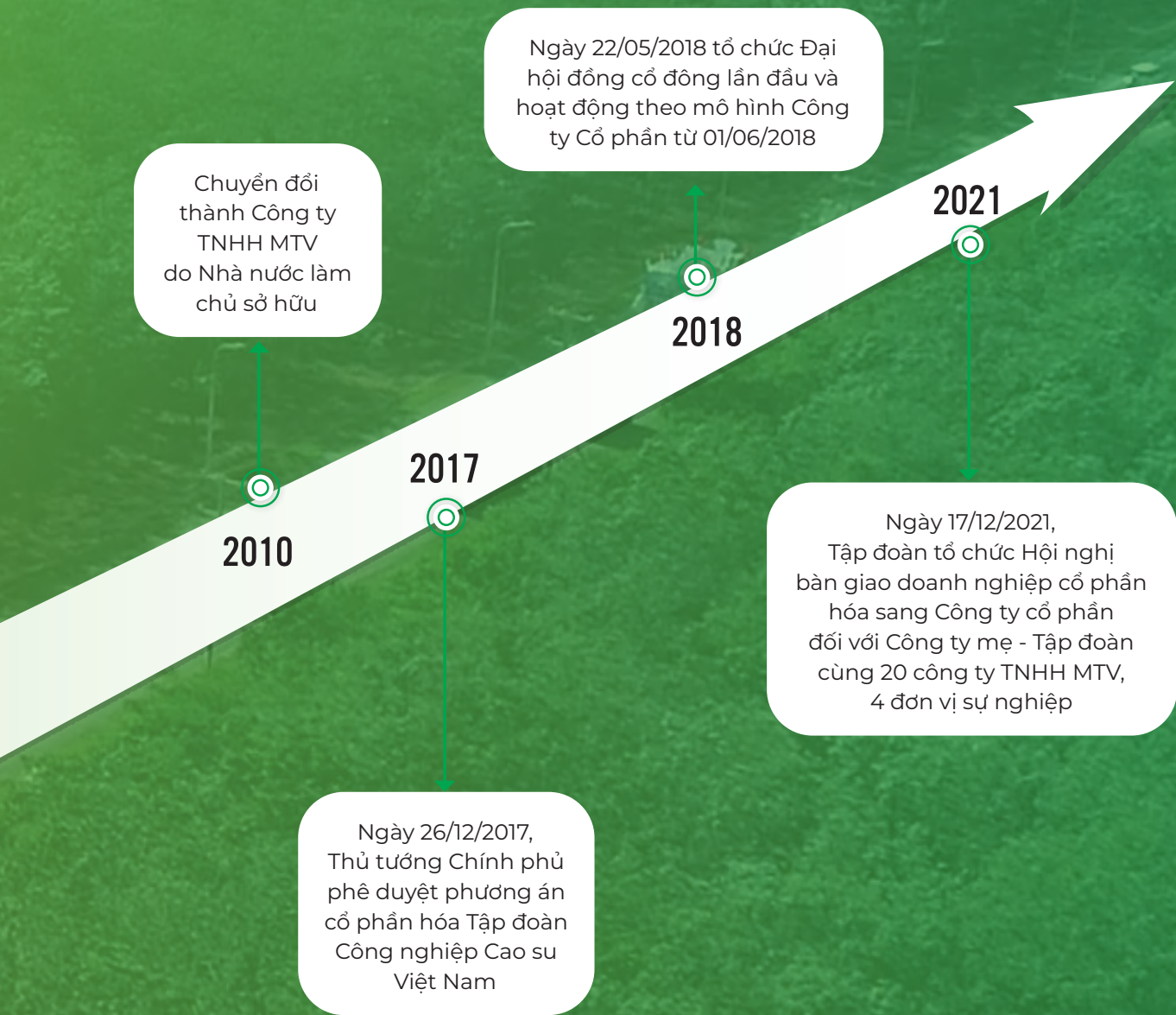
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng là định hướng chiến lược của VRG nhằm tận dụng nguồn đất dồi dào, tăng hiệu quả sử dụng đất. Tập đoàn đang triển khai thực hiện 12 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích là 3.776,67 ha (đã trồng 1.455,90 ha, chiếm 38,55%). Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ yếu là trồng chuối hoặc cây có múi (mít, bưởi, sầu riêng...) do một số đơn vị khu vực miền Đông Nam Bộ hợp tác, liên kết triển khai với đối tác có trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm và thị trường. Dự kiến, Tập đoàn sẽ tiếp tục chuyển những khu vực có nguồn nước, thuận lợi cơ sở hạ tầng sang lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 40.000 đến 50.000 ha.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN







NHỮNG SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA VRG



Các doanh nghiệp được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2023 (CSI)

VRG BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG; 18 DOANH NGHIỆP ĐƯỢC VINH DANH TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

Ngày 25/9, HĐQT VRG ban hành Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của VRG – Công ty Cổ phần giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn 2050.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững VRG là tiếp tục phát huy các hoạt động phát triển bền vững đã triển khai thành công trong bốn năm từ năm 2019 – 2023; mở rộng từng bước một số hoạt động phù hợp đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia đã cam kết với Chương trình nghị sự của Liên hiệp quốc đến năm 2030; tuân thủ chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đạt được tăng trưởng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, tiến tới góp phần nền kinh tế các-bon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính.

Tại Lễ công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2023 được tổ chức vào ngày 13/12, VRG có 18 công ty được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2023, trong đó Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng xuất sắc nằm trong Top 10 Doanh nghiệp bền vững.

THẮNG LỢI TRONG CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP, VRG VỀ TRƯỚC KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG 14 NGÀY

Năm 2023, VRG triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện thuận lợi, khó khăn đan xen. Tuy nhiên, phát huy truyền thống hào hùng của ngành cao su, tập thể NLĐ đã đoàn kết, thống nhất, ra sức thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Và công tác nông nghiệp là một trong những kết quả nổi bật nhất trong năm 2023 của VRG. VRG được giao sản lượng khai thác 425.000 tấn mủ cao su, tính đến ngày 17/12, VRG đã hoàn thành chỉ tiêu này và về trước kế hoạch 14 ngày.

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI THI TIẾNG HÁT CÔNG NHÂN CAO SU

Hội thi tiếp tục phát động và duy trì phong trào văn hóa, văn nghệ trong toàn Tập đoàn, tạo không khí thi đua sôi nổi, tăng cường tình đoàn kết, giao lưu, học hỏi, trao đổi lẫn nhau giữa CB.CNV LĐ của các công ty, đơn vị; tạo động lực đẩy mạnh phong trào thi đua nước rút 3 tháng cuối năm và phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023. Thông qua Hội thi nhằm tìm kiếm, phát hiện và bồi dưỡng các tài năng, hạt nhân làm nòng cốt cho đội tuyển văn nghệ các đơn vị trong toàn ngành. Hội thi được tổ chức theo hình thức tham gia bằng video clip, do Công đoàn Cao su Việt Nam trực tiếp tổ chức.

VRG TIẾP TỤC NHẬN ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM, CHỈ ĐẠO SÁT SAO CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG, ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP; ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI VRG – CTCP ĐẾN NĂM 2025 ĐƯỢC THÔNG QUA



Ông Nguyễn Hoàng Anh – Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (thứ 2 từ trái sang) nghe lãnh đạo VRG giới thiệu về các dự án của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, vào ngày 30/8/2023

Ngày 30/8, ông Nguyễn Hoàng Anh - Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cùng đoàn công tác đã đến thăm Công ty CP KCN Nam Tân Uyên và làm việc với VRG về vấn đề đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của Tập đoàn. Tại đây ông Nguyễn Hoàng Anh đánh giá cao sự chuyển đổi cơ cấu, phát huy thế mạnh, đẩy mạnh đầu tư phát triển KCN của Tập đoàn mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Từ ngày 7 – 9/11 ông Đỗ Hữu Huy – Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

cũng đã có chuyến thăm, động viên CB.CNV LĐ các công ty cao su trực thuộc VRG tại CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia. Trước đó, trong chuyến công tác tại nước CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia, từ ngày 16 - 21/10, Đoàn công tác Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương (DNTW) do ông Nguyễn Đức Phong - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Khối DNTW làm Trưởng đoàn đã đến thăm và làm việc với các công ty cao su trực thuộc VRG. Tại các buổi làm việc, lãnh đạo Đảng ủy Khối DNTW và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã biểu dương, đánh giá cao hiệu quả của các dự án phát triển cao su của VRG tại nước bạn.

Ngày 2/11, Công đoàn Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Công đoàn Cao su Việt Nam cũng đã tổ chức Lễ ký kết quy chế phối hợp giữa hai đơn vị giai đoạn 2023 – 2028, phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động, hướng tới mục tiêu chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên và người lao động.

Ngày 22/12, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã thông qua Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP đến năm 2025 (theo Công văn số 2833/UBQLV-NN). Đây là cơ sở căn bản, quan trọng để Tập đoàn khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung cơ cấu lại Tập đoàn từ nay đến năm 2025.



TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CAO SU VIỆT NAM LẦN THỨ IX, NHIỆM KỲ 2023 – 2028



Ông Trần Công Kha – UV BTV Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT VRG (thứ 3 từ phải sang) tặng bức thư chúc mừng Đại hội Công đoàn Cao su Việt Nam, vào ngày 31/8/2023

VRG VÀ CÁC ĐƠN VỊ TIẾP TỤC NHẬN ĐƯỢC CÁC GIẢI THƯỞNG UY TÍN



Ngày 20/10, tại Hà Nội, Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế đã tổ chức Hội nghị biểu dương doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu giai đoạn 2020 – 2022. Có 138 doanh nghiệp được ngành thuế tôn vinh vì thành tích tốt trong thực thi chính sách thuế, tạo được nhiều việc làm cho người lao động trong bối cảnh kinh tế khó khăn. VRG và Công ty

Ông Nguyễn Văn Tước – TGD Cao su Phước Hòa đại diện công ty nhận cúp vinh danh Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2023, vào ngày 26/10/2023



KỶ NIỆM 126 NĂM CÂY CAO SU DI NHẬP VÀO VIỆT NAM (1897 – 2023); 94 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM (28/10/1929 – 28/10/2023); THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM 5 NĂM THÀNH LẬP ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (2018-2023)

Đại hội Công đoàn Cao su Việt Nam nhiệm kỳ 2023 – 2028 diễn ra trong 2 ngày 30 & 31/8 đã bầu Ban Chấp hành gồm 34 người. Ông Huỳnh Kim Nhứt – Phó TGD VRG được tín nhiệm bầu tiếp tục giữ chức Chủ tịch Công đoàn; ông Nguyễn Ngọc Mùi – Bí thư Đảng ủy, TGD Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận và ông Lê Văn Thủy – Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long giữ chức Phó Chủ tịch Công đoàn Cao su Việt Nam khóa IX.



Ông Nguyễn Mạnh Cường – UV BCH TW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước (thứ 4 từ trái sang) và ông Đỗ Hữu Huy – Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trao Huân chương Lao động hạng Ba cho 2 tập thể và 4 cá nhân tại lễ kỷ niệm 94 năm truyền thống ngành cao su Việt Nam, vào ngày 27/10/2023

TNHH MTV Cao su Phú Riêng, Công ty CPCS Phước Hòa đã được tuyên dương.

Ngày 29/10, Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh đã vinh dự nhận giải thưởng “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động” năm 2023 do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp tổ chức.

Cũng trong tháng 10, Công ty CPCS Phước Hòa (PHR) được vinh danh Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2023 (PROFIT500). Chương trình do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet tổ chức.

Ngày 27/10, tại hội trường Công ty CPCS Đồng Phú, VRG đã tổ chức kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng; ngày truyền thống ngành cao su Việt Nam (28/10/1929 – 28/10/2023). Các đại biểu đã ôn lại truyền thống 94 năm thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng và ngày truyền thống ngành cao su Việt Nam. Sự kiện thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng vào đêm 28/10/1929, tại Làng 3 của đồn điền cao su Phú Riêng đánh dấu mốc son lịch sử hào hùng của ngành cao su Việt Nam.

Tại đây, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tặng bằng khen cho 12 tập thể, 13 cá nhân “Đã có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác” và 6 tập thể, 7 cá nhân “Đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong giai đoạn 2018 – 2022”. VRG đã trao giải thưởng “Phú Riêng Đỏ” cho 6 cá nhân; giải thưởng “Cao su Việt Nam” cho 1 tập thể, 17 cá nhân; giải thưởng “Sao Vàng Cao su” cho 31 cá nhân và giải thưởng “Thanh niên tiêu biểu ngành cao su” cho 32 cá nhân.



KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU C.R.C.K TẠI CAMPUCHIA, NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU LAI CHÂU ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG; SẢN XUẤT THÀNH CÔNG DÒNG SẢN PHẨM MỦ MIX



Ông Lê Thanh Hùng – TGD VRG (bên trái) và ông Nguon Ratanak – Tỉnh trưởng tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia tham quan Nhà máy chế biến cao su C.R.C.K tại Campuchia, vào ngày 28/7/2023

Ngày 28/7, Công ty Phát triển Cao su C.R.C.K đã tổ chức khánh thành Nhà máy chế biến mủ cao su tại tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia. Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su C.R.C.K được Tập đoàn chấp thuận đầu tư với tổng số vốn 77,4 tỷ đồng (tương đương 3,4 triệu USD). Nhà máy được xây dựng trên diện tích đất 7,1 ha và được khởi công vào ngày 29/4/2022 tại xã Doncampech, huyện San Dan, tỉnh Kampong Thom. Sau gần 1 năm triển khai xây dựng, Nhà máy chế biến mủ cao su C.R.C.K đã đưa vào chạy thử thành công ngày 27/4/2023. Nhà máy có công suất chế biến 6.000 tấn/năm, công suất lò sấy 2 tấn/giờ, với chủng loại mủ SVR 10, 20.

Công ty CP Cao su Lai Châu

VRG KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC VỚI TRUNG ƯƠNG ĐOÀN GIAI ĐOẠN 2023 – 2027; VỚI HỘI NHÀ BÁO TP. HCM GIAI ĐOẠN 2023 – 2025



Lãnh đạo VRG và Hội Nhà báo TP.HCM ký kết hợp tác giai đoạn 2023 – 2025, vào ngày 19/6/2023

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và VRG đã tổ chức Tổng kết Chương trình phối hợp giai đoạn 2017 – 2022 và Ký kết Thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2023 – 2027, vào ngày 29/5. Chương trình hợp tác giai đoạn 2023 – 2027 có tính toàn diện với các nội dung cụ thể như: Xây dựng lực lượng đoàn viên thanh niên Tập đoàn giàu lòng yêu nước, có hoài bão, khát vọng vươn lên. Nâng cao chất lượng các hoạt động chăm lo, hỗ trợ, đồng hành ĐVTN công nhân và đặc biệt là tăng cường phát huy tinh thần tiên phong chuyển đổi số, xung kích, sáng tạo của ĐVTN công nhân nhằm nâng cao hiệu quả lao động, SXKD, đóng góp tích cực cho sự phát triển của Tập đoàn.

đã xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su với các sản phẩm ban đầu là SVR10, 20 có tổng công suất thiết kế 5.000 tấn/năm. Nhà máy chế biến được xây dựng tại xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ.

Sau khi sản xuất thử nghiệm trong năm 2022, năm 2023 VRG đã phân bổ kế hoạch sản xuất sản phẩm SVR 3L Mix và SVR 10 Mix 6 đơn vị triển khai. Trong đó, có 4 đơn vị có sản phẩm Mix với tổng sản lượng chế biến trên 4.465 tấn và 2 đơn vị đã lắp đặt xong thiết bị sản xuất Mix tại nhà máy chế biến. Mủ Mix là dòng sản phẩm cao su hỗn hợp, phối trộn một tỷ lệ nhất định cao su tổng hợp với cao su tự nhiên theo yêu cầu của khách hàng để tạo ra dòng sản phẩm cao su hỗn hợp. Việc triển khai phát triển dòng sản phẩm Mix sẽ nâng cao hiệu quả sản xuất, đa dạng sản phẩm; tăng khả năng cạnh tranh, đem lại hiệu quả trong SXKD của VRG và các đơn vị.

Theo nội dung thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2023 – 2025, Hội Nhà báo TP. HCM sẽ hỗ trợ kết nối VRG với các cơ quan báo chí TP.HCM trong việc truyền thông các chương trình, hoạt động của VRG và các đơn vị trực thuộc trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Song song đó, hai bên sẽ phối hợp tổ chức giải báo chí viết về ngành cao su vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống của ngành. Phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, truyền thông cho đội ngũ cán bộ trong VRG nói chung và cán bộ làm công tác truyền thông nói riêng. Đồng thời, hỗ trợ tổ chức các hoạt động xã hội từ thiện, vì cộng đồng. Hai bên cũng sẽ đẩy mạnh tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao...

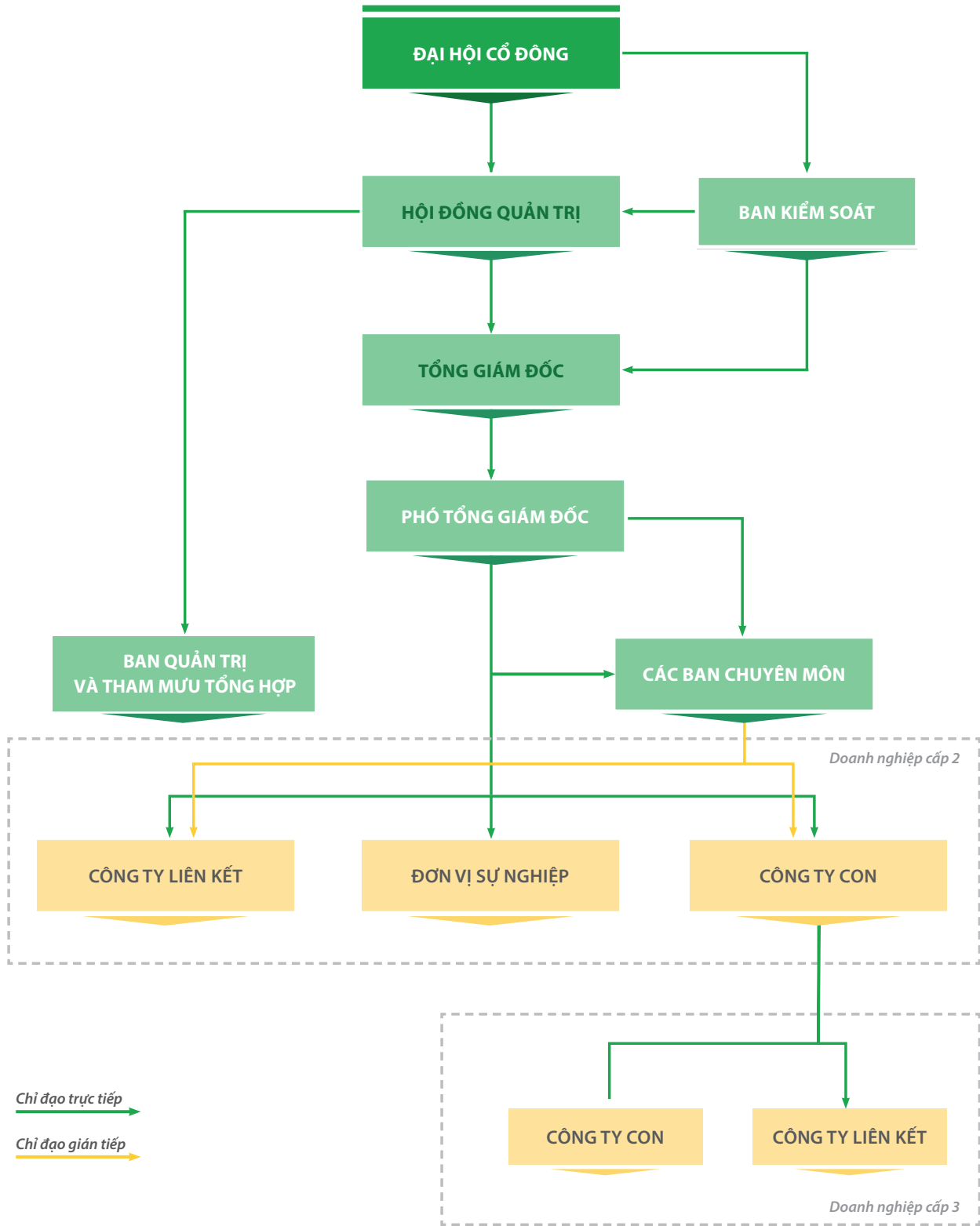
VRG TỔ CHỨC KỶ NIỆM 40 NĂM KẾT NGHĨA VỚI QUÂN KHU 7; TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN QUY CHẾ PHỐI HỢP VỚI QUÂN KHU 5



Lãnh đạo VRG được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng biểu trưng vì sự đóng góp cho mối quan hệ hợp tác phát triển giữa VRG – QK7 tại lễ kỷ niệm 40 năm ngày kết nghĩa, hợp tác giữa VRG và QK7 (7/1983 – 7/2023) được tổ chức chiều ngày 27/4/2023.

Ngày 27/4, VRG và Quân khu 7 tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày kết nghĩa, hợp tác (7/1983 – 7/2023). Trong những năm qua, hoạt động kết nghĩa giữa VRG và Quân khu 7 được tiến hành thường xuyên, liên tục, đúng chủ trương, chương trình đã ký kết, đem lại những kết quả thiết thực cho đôi bên. Góp phần tăng cường mối quan hệ đoàn kết gắn bó giữa hai đơn vị, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển kinh tế.

Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện quy chế phối hợp giữa VRG và Quân khu 5, diễn ra ngày 13/11, tại Đà Nẵng. Trong 10 năm, 2 bên đã đạt nhiều kết quả nổi bật trong nhiều lĩnh vực. Cơ quan thường trực hai đơn vị đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy chế phối hợp. Các đơn vị, địa phương trong lực lượng vũ trang Quân khu đã phối hợp với các công ty cao su trên địa bàn làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ chiến sĩ và công nhân, NLD về chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.



CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Tập đoàn hiện đang quản lý 115 công ty (gồm 99 công ty con và 16 công ty liên kết), trong 99 công ty con có 63 công ty trồng cao su, 10 công ty chế biến gỗ, 6 công ty khu công nghiệp, 11 công ty công nghiệp và dịch vụ, 9 công ty thuộc ngành khác.





The green pathway to growth and sustainability: Sustainable management of rubber plantations

Viet Nam Rubber Group¹

¹[Email: vrg@rubbergroup.vn; <https://vnrubbergroup.com>]



ECONOMIC DEVELOPMENT



ENVIRONMENTAL PROTECTION



CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY (CSR)

VRG



With almost **1,000,000 ha** rubber plantations, Viet Nam is one of the world's largest natural rubber producers. However, sustainable natural rubber productions are still the most critical challenges for rubber stakeholders.

Viet Nam Rubber Group (VRG) is the largest natural rubber producer, with over **410,000 ha** located in Viet Nam, Laos, and Cambodia. VRG is always aware of the responsibility for a sustainable enterprise; VRG's efforts demonstrate an excellent example in promoting rubber sustainability.

VRG is the leading enterprise in implementing the Viet Nam Forest Certification Scheme (VFCS) and PEFC (Programme for the Endorsement of Forest Certification) certificates in the rubber sector, in 2021, about **70,000 ha** rubber plantations and 22 natural rubber processing factories were certified under PEFC-CoC standards; another **60,000 ha** will be certified by the end of 2022 .

In economic terms, VRG rubber plantations have an average yield of **1,56 ton/ha/year**, which is much higher than the global average yield, through the focusing on R&D and innovative solutions, especially: new high yielding rubber clones; advanced techniques in harvesting and soil protection; intercropping and Integrated Disease Management.

VRG pays attention to environmental values by applying the best practices to reduce significant carbon emissions; increasing the use of organic fertilizers; installing solar power systems for rubber factories; developing new processing process to reduce **40%** of electric usage and DO oil; using biological waste treatment; and reusing **1.5 million m³/year** (25% of total water usage) of treated wastewater.

VRG demonstrates the social responsibilities and has meaningful contributions to society by improving the living conditions of VRG workers and surrounding communities (infrastructure and health care facility improvement; job and income creation).

VRG strongly considers the sustainable development as the green pathway of the future and business growth; VRG looks forward to sharing the best practices and the importance of industry sustainability leadership.



2.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ







ÔNG TRẦN CÔNG KHA

CHỦ TỊCH HĐQT

Vị trí: Chủ tịch HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1974
Học vấn: Tiến sĩ Kinh tế



ÔNG LÊ THANH HƯNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Vị trí: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm: 12/1/2022

Năm sinh: 1966

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG TRẦN NGỌC THUẬN

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT

Bổ nhiệm: 12/1/2022

Năm sinh: 1960

Học vấn: Kỹ sư Cơ khí Nông nghiệp



ÔNG HÀ VĂN KHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1970
Học vấn: Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp



ÔNG NGUYỄN HAY

Thành viên HĐQT độc lập

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1959
Học vấn: Giáo sư, Tiến sĩ
ngành Cơ khí - Động lực

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





ÔNG LÊ THANH HƯNG

Tổng Giám đốc

Vị trí: Tổng Giám đốc
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1966
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG TRƯƠNG MINH TRUNG

Phó Tổng Giám đốc

Vị trí: Phó Tổng Giám đốc
 Bổ nhiệm: 01/06/2018
 Năm sinh: 1968
 Học vấn: Thạc sĩ QTKD



ÔNG TRẦN THANH PHỤNG

Phó Tổng Giám đốc

Vị trí: Phó Tổng Giám đốc
 Bổ nhiệm: 18/02/2020
 Năm sinh: 1968
 Học vấn: Thạc sĩ QTKD



ÔNG LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ

Phó Tổng Giám đốc

Vị trí: Phó Tổng Giám đốc
 Bổ nhiệm: 01/6/2022
 Năm sinh: 1970
 Học vấn: Thạc sĩ Tài chính
 và Thương mại Quốc tế



ÔNG HUỲNH KIM NHẬT

Phó Tổng Giám đốc

Vị trí: Phó Tổng Giám đốc
Bổ nhiệm: 01/6/2022
Năm sinh: 1973
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG ĐỖ HỮU PHƯỚC

Phó Tổng Giám đốc

Vị trí: Phó Tổng Giám đốc
Bổ nhiệm: 01/6/2022
Năm sinh: 1968
Học vấn: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG PHẠM HẢI DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Vị trí: Phó Tổng Giám đốc
Bổ nhiệm: 08/9/2023
Năm sinh: 1966
Học vấn: Thạc sĩ Kỹ thuật

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





ÔNG ĐỖ KHẮC THĂNG

Trưởng ban Kiểm soát

Vị trí: Trưởng ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1963
Học vấn: Thạc sĩ QTKD



ÔNG NGUYỄN MINH ĐỨC

Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Vị trí: Kiểm soát viên
Bổ nhiệm: 12/01/2022
Năm sinh: 08/12/1984
Học vấn: Kỹ sư xây dựng



ÔNG VÕ VĂN TUẤN

Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Vị trí: Kiểm soát viên
Bổ nhiệm: 12/01/2022
Năm sinh: 19/07/1971
Học vấn: Thạc sĩ Nông nghiệp

BAN KIỂM SOÁT



3.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO







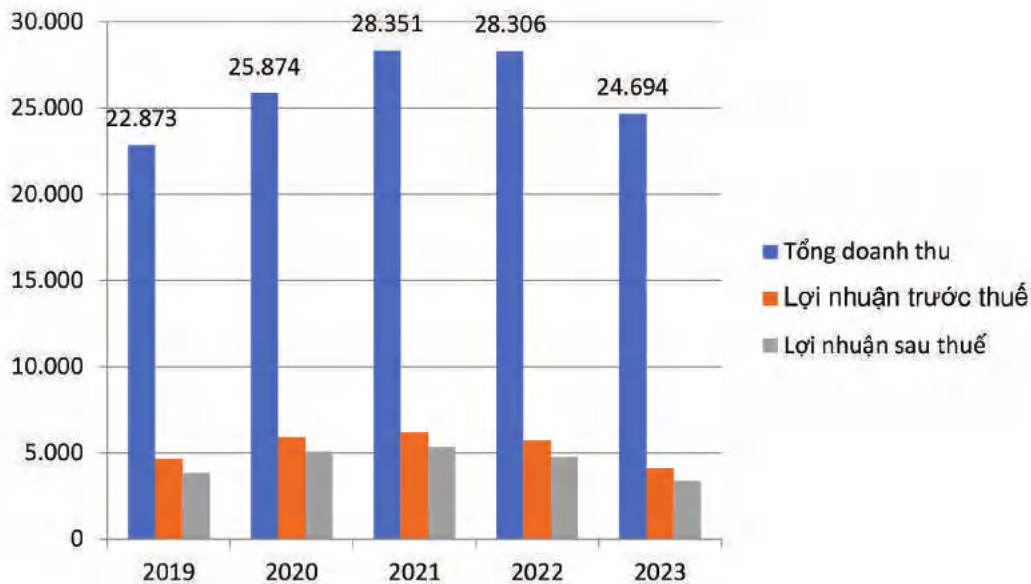
THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN QUA CÁC NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Tổng doanh thu	24.699	28.306	28.351	25.874	22.873
Lợi nhuận trước thuế	4.113	5.701	6.213	5.911	4.655
Lợi nhuận sau thuế	3.372	4.753	5.340	5.076	3.833

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 5 năm gần đây



Tuy có nhiều khó khăn trong năm cuộc chiến thương mại và xung đột quân sự giữa các nước lớn làm ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm, giá cả của hầu hết các loại nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, trong khi giá bán các sản phẩm chính giảm. Bằng nhiều biện pháp khác nhau, doanh thu và lợi nhuận chung toàn Tập đoàn được duy trì ở mức tương đối.

II. Tình hình tài chính:

1. Cơ cấu tài sản và tổng nguồn vốn:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2023	Tại ngày 31.12.2022	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019
Tổng tài sản	78.062	78.447	79.014	80.278	78.517
Tài sản ngắn hạn	23.842	23.450	22.769	22.167	21.070
Tài sản dài hạn	54.220	54.997	56.245	58.111	57.447
Tổng nguồn vốn	78.062	78.447	79.014	80.278	78.517
Tổng nợ phải trả	23.085	24.932	27.074	28.847	27.920
Vốn chủ sở hữu	54.977	53.515	51.940	51.431	50.597

- Vốn bằng tiền: Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh mang lại, Tập đoàn luôn duy trì giá trị vốn bằng tiền ở mức ổn định và quản lý dòng tiền một cách có hiệu quả và an toàn. Đảm bảo nguồn lực duy trì hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.



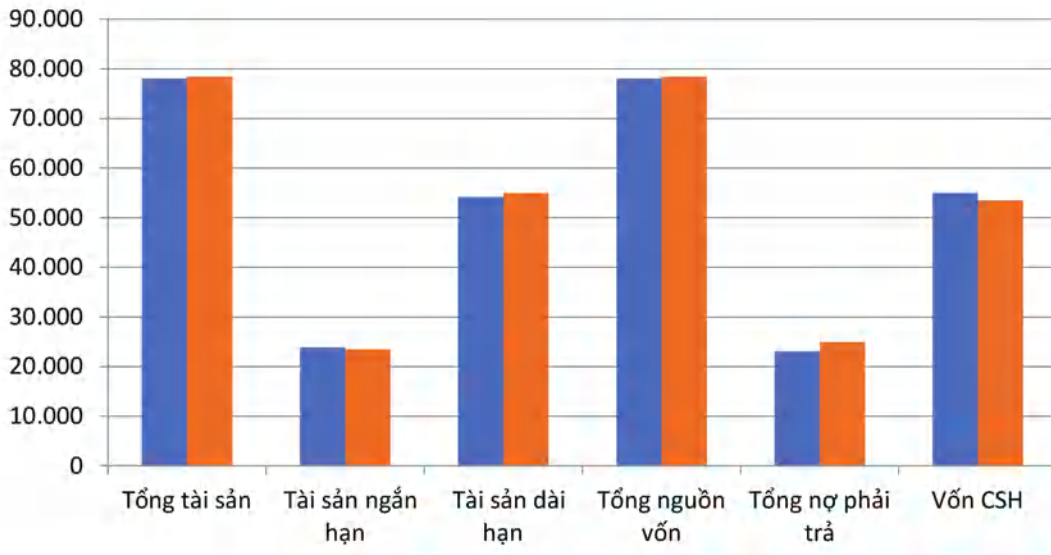
- Về tài sản:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tổng tài sản của Tập đoàn đạt 75.055 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn của Tập đoàn chủ yếu là các vườn cây cao su, các nhà máy chế biến và giá trị của các khu công nghiệp. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tập đoàn, chiếm 69,45% tổng tài sản.

- Về nợ phải trả:

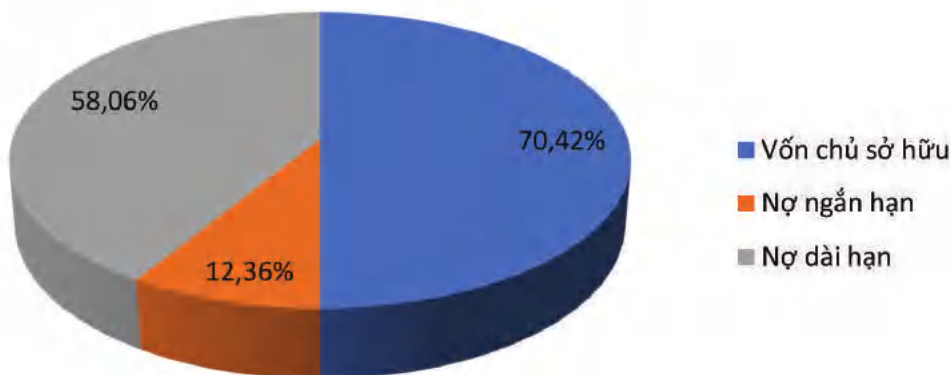
Tổng nợ phải trả tại ngày cuối năm 2023 là 23.085 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 29,58% trên tổng nguồn vốn, một tỷ lệ thấp. Tập đoàn giám sát chặt chẽ các khoản nợ phải trả, đặc biệt là nợ vay ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn và sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp ở ngưỡng phù hợp.



- Về cơ cấu tổng nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2023	Tại ngày 31.12.2022	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019
Vốn chủ sở hữu	70,42%	68,21%	65,74%	64,07%	64,44%
Nợ ngắn hạn	12,36%	13,23%	13,75%	13,72%	12,39%
Nợ dài hạn	58,06%	18,56%	20,51%	22,21%	23,17%

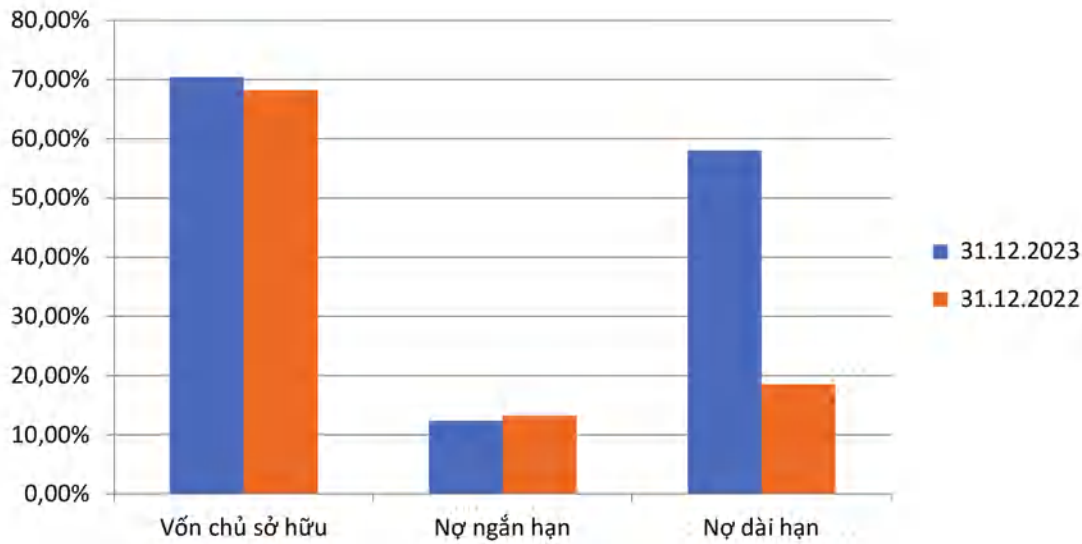
Cơ cấu vốn tại ngày 31.12.2023





THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN QUA CÁC NĂM

So sánh với đầu năm



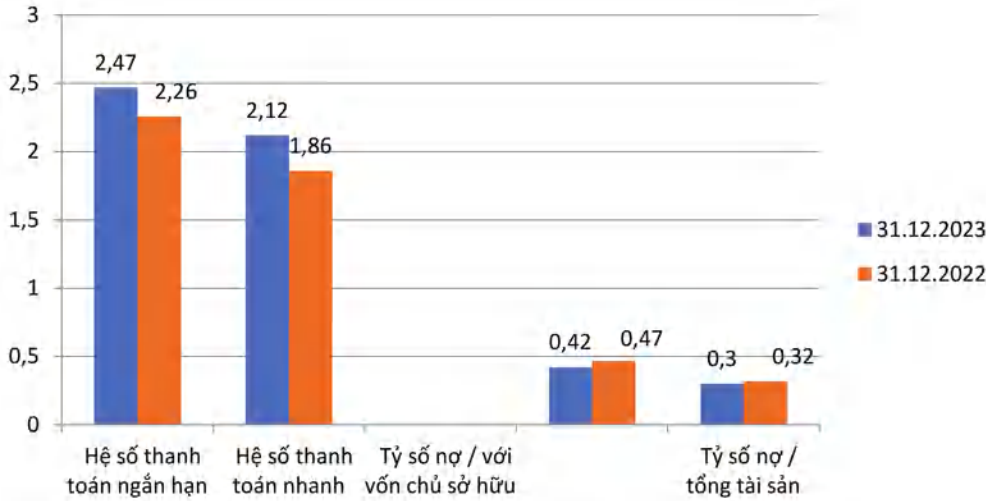
Vốn chủ sở hữu chiếm 70,42% trong cơ cấu tổng nguồn vốn, cho thấy Tập đoàn tận dụng tối đa nguồn vốn sẵn có của mình để phát triển sản xuất kinh doanh, việc vay mượn được cân nhắc và chọn lọc sao cho tối thiểu hóa chi phí liên quan và không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các chỉ số tài chính của Tập đoàn.

Trong năm Vốn chủ sở hữu tăng 2,21% so với đầu năm sau khi đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông và tỷ lệ nợ dài hạn giảm, cho thấy việc bảo toàn vốn và kiểm soát nợ vay của Tập đoàn ở mức tốt.

2. Khả năng thanh toán và cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2023	Tại ngày 31.12.2022	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,47	2,26	2,10	2,01	2,16
Hệ số thanh toán nhanh	2,12	1,86	1,78	1,48	1,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)					
Tỷ số nợ / với vốn chủ sở hữu	0,42	0,47	0,52	0,56	0,55
Tỷ số nợ / tổng tài sản	0,30	0,32	0,34	0,36	0,36

Hệ số thanh toán và hệ số nợ cuối năm so với đầu năm



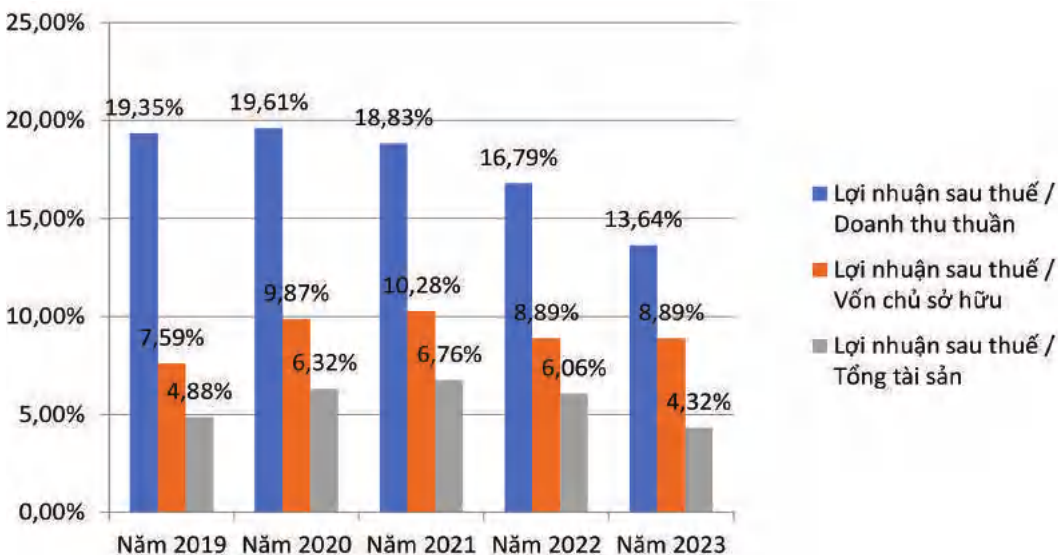
Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn của Tập đoàn đều có hệ số lớn hơn 1, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh và khả năng đáp ứng tốt việc thanh toán các khoản nợ phải trả. Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu đều nhỏ hơn 1, Tập đoàn luôn ưu tiên việc sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện đầu tư, kiểm soát nợ phải trả ở mức an toàn, sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp, đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số thanh toán nợ cuối năm cải thiện đáng kể so với đầu năm, trong khi hệ số nợ trên tài sản và vốn chủ sở hữu giảm càng thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn tốt hơn so với đầu năm và thể hiện việc cẩn trọng, công tác quản trị tài chính luôn được Tập đoàn xuyên suốt xem trọng.

3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	13,64%	16,79%	18,83%	19,61%	19,35%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	8,89%	8,89%	10,28%	9,87%	7,59%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	4,32%	6,06%	6,76%	6,32%	4,88%

So sánh giữa năm 2023 với cùng kỳ năm trước





QUYẾT TÂM VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ CHĂM LO TỐT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mặc dù việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 gặp thách thức rất lớn trong bối cảnh rất nhiều khó khăn khách quan; nhưng với tinh thần vượt khó của tập thể CB.CNV LĐ, Tập đoàn đã cơ bản hoàn thành kế hoạch được giao về sản lượng, tài chính và vượt mức kế hoạch nộp ngân sách Nhà nước; nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; bảo đảm quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động. Trên tinh thần đó, tiếp tục thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, phát triển bền vững Tập đoàn dựa trên 3 trụ cột: Kinh tế – Môi trường – Xã hội.

1. Khỏi các công ty cao su

Sản lượng khai thác 450.500 tấn, đạt 106% kế hoạch năm và bằng 105% thực hiện năm 2022; thu mua ước 75.290 tấn, bằng 94,0% kế hoạch năm; sản lượng tiêu thụ ước 520.290 tấn, đạt 102,4% kế hoạch năm và tăng 3,8% so với thực hiện năm 2022. Doanh thu kinh doanh mủ cao su ước đạt 16.852 tỷ đồng với lượng tiêu thụ tăng, giá bán giảm mạnh (giá bán ước giảm 5,8 triệu đồng/tấn so với năm 2022).

2. Chế biến gỗ

Là mảng kinh doanh bị tác động khá mạnh, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh gây khó khăn cho hoạt động của các công ty gỗ. Sản lượng gỗ các loại năm 2023 (gỗ phôi, gỗ ghép tấm, gỗ tinh chế, gỗ MDF) ước đạt 1.110.657 m³ (bằng 80,9% kế hoạch); doanh thu các công ty gỗ năm 2023 ước đạt 5.399 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế lỗ 641 tỷ đồng (DongWha lỗ 606 tỷ đồng). Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới nên nhu cầu về nhóm ngành hàng tiêu dùng, trong đó có sản phẩm gỗ cao su giảm; hoạt động của các công ty gỗ rất khó khăn, hầu như không có thị trường, đơn hàng.



3. Công nghiệp Cao su

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp đều bị ảnh hưởng nặng, đặc biệt sản lượng găng tay y tế giảm do nhu cầu thị trường nên hầu hết các sản phẩm còn lại không đủ bù khoản thiếu hụt doanh thu. Ước tổng doanh thu năm 2023 nhóm các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su (6 công ty) là 1.280 tỷ đồng. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp trong năm 2023 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của tình hình suy thoái kinh tế thế giới, chiến tranh Nga – Ukraine, dẫn đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm sụt giảm mạnh. Bên cạnh đó,





từ quý IV/2023, Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su đã ngưng sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su do không có đơn hàng, thu hẹp sản xuất và không ghi nhận doanh thu mảng sản phẩm công nghiệp cao su của công ty trong năm 2023.

4. Khu Công nghiệp

Diện tích cho thuê đất khu công nghiệp không đạt do các dự án đầu tư mới, mở rộng chậm tiến độ (thời gian xin chấp thuận chủ trương đầu tư kéo dài, vướng mắc về cơ chế chính sách khi thu hồi và giao đất) nên không có quỹ đất cho thuê. Năm 2023, các khu công nghiệp thuộc Tập đoàn chỉ cho thuê mới được 52 ha, bằng 52,4% kế hoạch năm. Doanh thu các khu công nghiệp năm 2023 là 1.583 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế ước 988 tỷ đồng.

5. Khối ngành nghề khác

Các công ty thủy điện hoàn thành kế hoạch năm 2023 về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận (nhưng giảm so với cùng kỳ năm 2022); sản lượng phát điện đạt cao do năm 2023 tình hình thủy văn thuận lợi, cụ thể: Sản lượng điện thương phẩm năm 2023 ước khoảng 539 triệu kWh, đạt 112,0% kế hoạch (bằng 83,0% so với năm 2022); doanh thu ước đạt 639 tỷ đồng. Lĩnh vực điện mặt trời áp mái đạt công suất 10 MWp (tương đương giảm phát thải 10.321 tấn CO₂/năm); ước sản lượng điện năm 2023 là 12 triệu kWh, đem lại doanh thu 5 tỷ đồng.

6. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NN ƯDCNC)

Tính đến năm 2023, Tập đoàn đã phê duyệt thực hiện 2 khu NN ƯDCNC tại Cao su Phước Hòa, Cao su Đồng Phú và 13 dự án NN ƯDCNC với tổng diện tích 4.370 ha. Đến nay, các đơn vị thành viên đã thực hiện được 5 dự án chiếm 38,4% tổng số dự án được chấp thuận. Các loại cây đầu tư rất đa dạng như: chuối, sachi, dưa lưới, dứa liệu, bưởi da xanh, các loại cây có múi khác... kể

cả chuỗi sản phẩm sau thu hoạch. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại cây chuối vẫn là cây chủ lực với 403 ha chiếm 82,9% và mít 83 ha chiếm 17,1%. Theo thống kê của VRG, lợi nhuận cố định khi thực hiện trồng cây NN ƯDCNC thu được trong khoảng từ 25 – 30 triệu/ha/năm ngay từ năm thực hiện đến hết thời gian dự án mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh.

Mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn, Tập đoàn cùng Công đoàn Cao su Việt Nam thực hiện chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho hơn 83.000 NLD, trong đó hơn 21.000 lao động là người dân tộc thiểu số, 23.000 lao động là người nước ngoài (Lào, Campuchia), với mức thu nhập bình quân 8,24 triệu đồng/người/tháng.

Tập đoàn cũng đã phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Cao su Việt Nam, Đoàn Thanh niên Tập đoàn thực hiện công tác an sinh xã hội, công tác bảo vệ môi trường, góp phần củng cố, bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn an ninh trật tự nơi các công ty thành viên trú đóng. Các dự án đầu tư ra nước ngoài có hiệu quả, đã và đang góp phần củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta với hai nước bạn Lào và Campuchia. Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn 2050 tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, điển hình của Tập đoàn trong việc phát triển bền vững ngành cao su. Tại Lễ công bố Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2023 vào ngày 13/12/2023, Tập đoàn có 18 công ty thành viên được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững, trong đó Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng nằm trong Top 10. Năm 2023 cũng là năm Tập đoàn đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện chuyển đổi số, tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.





Ông Lê Thanh Hưng – Tổng Giám đốc Tập đoàn

TẬP ĐOÀN CẦN NHỮNG GIẢI PHÁP MANG TÍNH ĐỘT PHÁ LỚN ĐỂ THỰC HIỆN TỐT KẾ HOẠCH 2024



Như chúng ta đã biết, năm 2023 kinh tế toàn cầu vẫn chịu nhiều tác động kép bởi nhiều yếu tố như xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina, cuộc chiến thương mại giữa các nước lớn, lạm phát và suy thoái ở một số khu vực... đã tác động tới nền kinh tế của Việt Nam và hoạt động của Tập đoàn. Đặc biệt giá bán mủ cao su vẫn duy trì ở mức thấp và giảm mạnh (bình quân năm 2023 đạt 30,49 triệu đồng/tấn, giảm 6,55 triệu đồng/tấn so với giá bán KH) đã ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của ngành.

Trước các yếu tố cản trở khách quan, bất khả kháng trên, Tập đoàn đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp tích cực, đồng bộ, có hiệu quả để thích ứng, hóa giải (tăng sản lượng khai thác, tiêu

thụ để lấy khối lượng bù giá bán; tuyệt đối tiết kiệm chi phí ở tất cả các công đoạn sản xuất và quản lý...) nhằm đạt được kết quả cao nhất nhiệm vụ được giao về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận; hoạt động SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định, có đủ nguồn để chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 3%/vốn điều lệ, tương đương 1.200 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện SXKD năm 2023 của VRG, cụ thể: sản lượng cao su khai thác đạt 450.500 tấn (vượt 6% KH), tăng 5% (tương ứng 20.731 tấn) so với cùng kỳ năm trước; tiêu thụ 520.290 tấn cao su các loại (vượt 2,4% KH), tăng 3,8% (hay 18.968 tấn) so với cùng kỳ năm 2022. Về chỉ tiêu tài chính, tổng doanh thu hợp nhất đạt 24.699



Tôi tin tưởng rằng, bằng những bài học từ thực tiễn, bằng kinh nghiệm đúc rút được trong những năm qua, bằng sự năng động sáng tạo trong công tác điều hành quản lý, bằng tình yêu ngành, yêu nghề, tập thể người lao động VRG sẽ phát huy truyền thống 95 năm xây dựng và phát triển của ngành để nỗ lực, thi đua lao động sản xuất, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2024.

tỷ đồng (vượt 1,9% KH); lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 4.113 tỷ đồng (vượt 4% KH). Duy trì việc làm ổn định hơn 83.000 lao động, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số trên 20.500 người, lao động là người nước ngoài (Lào, Campuchia) trên 21.500 người, với thu nhập bình quân 8,24 triệu đồng/người/ tháng. Các chế độ, chính sách của NLĐ được thực hiện đảm bảo và kịp thời.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế, VRG luôn chú trọng quan tâm chăm lo đời sống NLĐ ở khắp các vùng miền trải dài cả nước, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, Tập đoàn làm tốt trong công tác an ninh quốc phòng, an sinh xã hội trong và ngoài nước.

Dự báo môi trường kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn tiếp tục có nhiều khó khăn, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn nhiều hơn. Giá bán mủ cao su vẫn ở mức thấp và khó đoán định; gỗ, sản phẩm từ gỗ cao su tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng bởi thị trường bất động sản trong nước và suy thoái kinh tế của các nước lớn nên nhu cầu, giá bán có xu thế tiếp tục giảm và chưa có dấu hiệu tích cực trong ngắn hạn; khối công nghiệp cao su hoạt động khó khăn, trước mắt vẫn chưa khắc phục được các vấn đề tồn tại được tích tụ trong nhiều năm; thủy điện và khu công nghiệp (KCN) hoạt động thuận lợi nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc; giải pháp gia tăng nguồn thu khác để bù đắp cho hoạt động SXKD (thoái vốn, trả đất về địa phương) dự báo còn nhiều khó khăn do vướng mắc về cơ chế, chính sách.

Mặt khác, Tập đoàn đầu tư ra nước ngoài (Lào, Campuchia) để trồng cao su với số vốn đầu tư lũy kế lên đến 821,321 triệu USD và có nhiều dự án đã phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, do đồng tiền của Lào mất giá nên trước mắt nhiều đơn vị thành viên và Tập đoàn đã phải trích lập dự phòng (tăng chi phí tài chính) cho nội dung trên theo quy định; rủi ro tỷ giá không thể dự báo chính xác khi thực hiện đầu tư trước đây và xây dựng KH năm 2024. Việc mở rộng diện tích cao su khó thực hiện do chưa có quỹ đất phù hợp nên các công ty cao

su chủ yếu thực hiện các dự án tái canh với quy mô dự án nhỏ; tuy đã tích cực nghiên cứu nhưng chưa tìm được cơ hội đầu tư phù hợp trong lĩnh vực công nghiệp cao su, chế biến gỗ... do thị trường khó khăn, đầu tư không hiệu quả; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ bởi nhiều chính sách của Nhà nước, có nhiều tiềm năng phát triển nhưng nhiều rủi ro (thị trường, kỹ thuật canh tác, sâu bệnh hại,...) nên cần xem xét theo hướng thận trọng. Giá bán mủ cao su duy trì ở mức thấp trong khi yêu cầu phải có tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước... theo đó, các đơn vị thực hiện theo hướng tiết kiệm chi tiêu tối đa ở tất cả các khoản mục để giảm giá thành sản phẩm.

Với những khó khăn khách quan và nội tại nêu trên, KH 2024 của Tập đoàn được xây dựng theo hướng thận trọng với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất là 24.999 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 4.104 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 3.437 tỷ đồng. Về chỉ tiêu SXKD riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn

DỰ KIẾN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024

Chỉ tiêu hợp nhất:

Chỉ tiêu hợp nhất:

- Doanh thu và thu nhập khác: 24.999 tỷ đồng (bằng 101,2% so với năm 2023)
- Lợi nhuận sau thuế: 3.437 tỷ đồng (bằng 102% so với năm 2023)
- Nộp ngân sách Nhà nước: 3.437 tỷ đồng (bằng 100,9% so với năm 2023)

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn:

- Doanh thu và thu nhập khác: 3.988 tỷ đồng (bằng 100,2% so với năm 2023)
- Lợi nhuận sau thuế: 1.454 tỷ đồng (bằng 101,5% so với năm 2023)
- Nộp ngân sách Nhà nước: 1.454 tỷ đồng (bằng 103,5% so với năm 2023)



doanh thu đạt 3.988 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế/sau thuế 1.454 tỷ đồng, chia cổ tức 3%/vốn điều lệ. KH năm 2024 của Tập đoàn chưa đảm bảo tăng trưởng từ 6 - 6,5% (tương ứng mức tăng trưởng GDP theo Nghị quyết của Quốc hội ban hành ngày 09/11/2023). Tuy nhiên, với tỷ trọng lớn trong hoạt động SXKD của Tập đoàn là sản phẩm nông nghiệp nên mức tăng trưởng của Tập đoàn trên 3% đạt yêu cầu theo văn bản số 3924/BNN – KH ngày 16/6/2023 của Bộ NN&PTNT về việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2024.

Để thực hiện tốt KH 2024, ngoài các giải pháp chỉ đạo, điều hành có hiệu quả trong thời gian qua, Ban Tổng giám đốc Tập đoàn đã xây dựng các giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, thực hiện đúng chỉ đạo của Ủy ban và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên về KH SXKD và đầu tư phát triển năm 2024. Nội dung triển khai công tác KH sẽ được quán triệt, thực hiện đồng bộ, toàn diện từ Công ty mẹ - Tập đoàn đến các đơn vị thành viên nhằm đạt được mục tiêu cao nhất KH được giao.

Thứ hai, nghiêm túc, khẩn trương thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban về Đề án cơ cấu lại Tập đoàn đến năm 2025; chiến lược phát triển của

Tập đoàn giai đoạn 2021 – 2030 tầm nhìn 2035; kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 của Tập đoàn.

Thứ ba, tại các đơn vị thành viên tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, giải ngân đối với các dự án trọng điểm: KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II, KCN Nam Pleiku để tạo nguồn thu, lợi nhuận nhằm hỗ trợ cho các ngành hàng khác đang trong giai đoạn khó khăn và suy thoái, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng chung của toàn Tập đoàn trước mắt và lâu dài. Tập trung thực hiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư các KCN Rạch Bắp mở rộng, KCN Minh Hưng III giai đoạn II, KCN Nam Đồng Phú giai đoạn II, KCN Bắc Đồng Phú giai đoạn II. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các dự án mới, tiềm năng trong quy hoạch phát triển KCN/CCN trên đất cao su để thực hiện đầu tư trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

Thứ tư, thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ và có hiệu quả để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu sản xuất - tiêu thụ, đặc biệt kế hoạch khai thác - tiêu thụ mủ cao su tăng tối thiểu từ 4 - 5%; và đây cũng là giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro trong trường hợp giá bán giảm, không đạt như giá bán KH.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO TRONG ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ



Năm 2023 tình hình có những diễn biến khó lường, ảnh hưởng nặng nề không chỉ đối với nước ta mà đối với toàn thế giới. Trên thế giới, chiến tranh, xung đột quân sự kéo dài, lan rộng cùng với các lệnh trừng phạt, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đã làm cho chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lạm phát tăng cao, suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác, thị trường lớn. Sự suy giảm của kinh tế thế giới cũng như sự biến động bất thường của thị trường tài chính tiền tệ toàn cầu đã ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước cũng như hoạt động của doanh nghiệp.

Thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn không tránh khỏi gặp nhiều khó khăn, thách thức: Giá bán sản phẩm chính của Tập đoàn là mủ cao su liên tục giảm; gỗ/sản phẩm từ gỗ cao su là một trong những nguồn thu lớn của Tập đoàn nhưng giá bán giảm sâu; khối công nghiệp cao su hoạt động khó khăn và tiếp tục suy thoái; chi phí tài chính tiếp tục tăng cao; giải pháp gia tăng các nguồn thu khác để bù đắp sự suy giảm trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính gặp vướng mắc về cơ chế, chính sách. Bên cạnh đó, các yếu tố khách quan về thời tiết, biến đổi khí hậu, lao động thiếu ổn định, chi phí sản xuất tăng... cũng tác động trực tiếp đến đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tác động trong nước và thế giới, nhưng năm 2023, Tập đoàn đã đạt được những thành tích rất nổi bật, tất cả các chỉ tiêu đều thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch. Kết quả này có sự đóng góp không nhỏ trong công tác điều hành, quản lý, năng động, sáng tạo và kịp thời của Ban Tổng giám đốc.

Căn cứ quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc, Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất

kinh doanh, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Theo sự điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã xây dựng, triển khai có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc, trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong việc định hướng, chỉ đạo công việc thông qua các cuộc họp hàng quý và khi được yêu cầu để có những chỉ đạo kịp thời, cụ thể trong từng trường hợp.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng giám đốc luôn chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh để xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị. Song song đó, Tổng giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh, chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành quản lý. Đồng thời có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để có những chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 của Tập đoàn, tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung của các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt hệ thống tổ chức kiểm soát và quản lý kiểm soát rủi ro của Tập đoàn, thực hiện đầy đủ, phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Tập đoàn đề nghị Ban Tổng giám đốc tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, năng động, sáng tạo và linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để tiếp tục đưa Tập đoàn gặt hái được những thành tựu mới.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN TẬP TRUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP PHÁT HUY TỐI ĐA NGUỒN LỰC CỦA VRG



Dự báo môi trường kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn tiếp tục có nhiều khó khăn, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn nhiều hơn. Với tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh là sản phẩm nông nghiệp, Tập đoàn đặt mục tiêu tăng trưởng trên 3% so với năm 2023. Đặc biệt, kế hoạch khai thác - tiêu thụ mủ cao su tăng tối thiểu từ 4 - 5%, đây cũng là giải pháp then chốt nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tập đoàn tiếp tục kiên định với chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Nâng cao diện tích vườn cây, nhà máy đạt các chứng chỉ rừng bền vững quốc tế FSC, PEFC/VFCS-FM, chuỗi hành trình sản phẩm Coc...

Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn. Tiếp tục áp dụng các biện pháp trong quản lý và kỹ thuật để tăng năng suất, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2024, Ban TGD Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng sau:

Thứ nhất, nhóm đại diện vốn nhà nước tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, HĐQT, Ban Điều hành của Tập đoàn trong công tác điều hành hoạt động SXKD; đảm bảo sự thống nhất, đoàn kết, trong bộ máy Lãnh đạo Tập đoàn, tiếp tục là động lực cho mọi sự phát triển, tăng trưởng của toàn Tập đoàn trong giai đoạn tới.

Thứ hai, phát huy, tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đại diện vốn tại doanh nghiệp và người đứng đầu trong việc thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, nhất là quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực đất đai có hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước. Khẩn trương rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy chế nội bộ của Tập đoàn, đảm bảo tính hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Thứ ba, xây dựng các giải pháp khả thi, cụ thể đối với từng ngành nghề, lĩnh vực, khu vực hoạt động chính của Tập đoàn. Đặc biệt các ngành, lĩnh vực theo khối kinh doanh, đơn vị của Tập đoàn giảm sâu về doanh thu, lợi nhuận kế hoạch năm 2024 và chưa có hiệu quả. Góp phần phục hồi, phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP và 68/NQ-CP của Chính phủ.

Tập trung xây dựng kế hoạch, giải pháp phát huy tối đa nguồn lực của Tập đoàn, trong đó phải chú trọng ưu tiên để triển khai được một số dự án Khu công nghiệp, cụm công nghiệp khả thi.

Thứ tư, sắp xếp mô hình tổ chức sản xuất, xây dựng phương án quản lý tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả ở các đơn vị thành viên phù hợp đặc điểm của từng vùng miền, từng doanh nghiệp (Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc, Lào - Campuchia).

Chủ động rà soát, có giải pháp xử lý dứt điểm các tồn tại kéo dài về tài chính, thoái vốn, đất đai tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, gắn chặt với việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý đất đai theo Nghị định số 118, 167 và 67 của Chính phủ.

Thứ năm, tiếp tục phát triển Tập đoàn trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Thực hiện tốt chương trình phát triển bền vững, nâng cao diện tích vườn cây, nhà máy đạt các chứng chỉ rừng bền vững quốc tế FSC, PEFC/VFCS-FM. Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn.



Thứ sáu, tích cực đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật trong hoạt động SXKD và quản lý. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thứ bảy, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của ngành cao su Việt Nam, tiếp tục nỗ lực vượt khó, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua. Có những chế độ, chính sách khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu để làm động lực thúc đẩy NLD ra sức thi đua, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn năm 2024 và những năm tiếp theo.

Thứ tám, chăm lo tốt đời sống NLD, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho NLD. Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội phải có nhiều hơn nữa các hoạt động chung tay cùng chuyên môn tổ chức đời sống cho NLD, có các thiết chế Công đoàn, nhà Mái ấm Công đoàn... để đảm bảo đời sống tinh thần, vật chất giúp NLD yên tâm công tác, gắn bó với ngành.

**I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS**

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS

Trong năm 2023, Ban kiểm soát thực hiện 05 kỳ họp theo qui định, số lượng thành viên Ban kiểm soát tham dự họp: 03 người đạt 100%.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Tập đoàn để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Thực hiện Báo cáo tổng kết năm 2022 của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2023 và Thẩm định Báo cáo hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Tập đoàn.
- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần: Đã thực hiện và gửi Báo cáo thẩm định cho HĐQT Tập đoàn.
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn; việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các Quy chế, Quy định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tập đoàn; các Thông báo, Quyết định điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội cổ đông 2023.
- Giám sát công tác xây dựng và giao kế hoạch của Tập đoàn cho các đơn vị trong năm 2023.
- Giám sát công tác lao động, tiền lương công ty mẹ-Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
- Giám sát công tác thoái vốn đầu tư ngoài ngành, tái cơ cấu các đơn vị thành viên.
- Giám sát tình hình mua và sử dụng phân bón tại một số đơn vị.
- Giám sát hoạt động kinh doanh mủ cao su tại công ty mẹ Tập đoàn.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường của Tập đoàn theo đúng quy định của Luật Chứng khoán; của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thực hiện giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2023 một số đơn vị Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Lào, Campuchia. Ban kiểm soát đã phát hành các kết luận giám sát gửi các đơn vị và Lãnh đạo Tập đoàn để chỉ đạo đơn vị thực hiện.
- Tham gia các cuộc họp của tổ tư vấn xây dựng, bổ sung Điều lệ Tổ chức hoạt động, các Quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
 - Phối hợp với HĐQT Tập đoàn trong việc giao kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 cho KSV 20 Công ty do Tập đoàn góp vốn 100%.
- Các công tác khác.

III. KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT**1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023**

Trong năm 2023, Tập đoàn đã thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Kết quả kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn (số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ TH/KH (%)
Hợp nhất toàn Tập đoàn				
1	Doanh thu và thu nhập	24.243	24.699	101,9
2	Lợi nhuận sau thuế	3.363	3.372	100,3
Riêng Công ty mẹ				
1	Doanh thu và thu nhập	3.792	3.979	104,9
2	Lợi nhuận sau thuế	1.395	1.433	102,7
3	Tỷ lệ cổ tức (3%)	1.200	1.200	100,00

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (Hợp nhất) đạt 3.372 tỷ đồng (đạt 100,3% so với kế hoạch năm).

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (Công ty mẹ) đạt 1.433,09 tỷ đồng (đạt 102,73% so với kế hoạch năm).

+ Tỷ lệ cổ tức dự kiến 3%: 1.200 tỷ đồng (đạt 100% so với kế hoạch năm).

Năm 2023 tiếp tục là một năm bị ảnh hưởng chung dịch Covid-19 kéo dài; chiến tranh Nga – Ucraina; giá bán mủ cao su thấp so với năm 2022; một số cơ chế chính sách vẫn chưa hoàn thiện khi Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đã 06 năm. Tuy nhiên, do sự chỉ đạo đúng đắn, quyết liệt và kịp thời của Lãnh đạo Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên về SXKD cùng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV Tập đoàn nên kết quả năm 2023 Tập đoàn đã thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu khá cao như trên.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính. Thẩm định số liệu trong báo cáo tài chính năm 2022 và báo cáo tài chính năm 2023

2.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Tập đoàn và đã được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo Nghị quyết số 112/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 16/6/2023.

2.2 Thẩm định Báo cáo tài chính riêng năm 2023

Báo cáo tài chính riêng cho chu kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán do Ban điều hành Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - Công ty cổ phần cung cấp. Báo cáo tài chính được sử dụng để thẩm định đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

2.2.1 Công tác hạch toán kế toán

Việc hạch toán trên báo cáo quyết toán tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành cũng như các quy định, các văn bản pháp quy, các hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Trên cơ sở kiểm tra cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

2.2.2 Thẩm định số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính riêng đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán tại Báo cáo số 260324.002/BCTC.HCM ngày 26 tháng 3 năm 2024 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a) Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn

Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn:



	31/12/2023	01/01/2023
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.842.851.346.133	4.670.170.773.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	805.500.772.847	471.031.758.711
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.343.937.035.344	2.191.856.493.051
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.536.057.292.612	1.845.598.119.628
IV. Hàng tồn kho	48.749.372.106	59.865.098.033
V. Tài sản ngắn hạn khác	108.606.873.224	101.819.304.537
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	38.959.612.113.043	39.197.775.454.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.760.726.175.490	2.797.029.518.092
II. Tài sản cố định	106.995.315.769	113.448.748.416
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	36.089.508.656.922	36.284.238.512.972
IV. Tài sản dài hạn khác	2.381.964.862	3.058.674.659
TỔNG TÀI SẢN	43.802.463.459.176	43.867.946.228.099
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	415.024.661.666	502.895.233.304
I. Nợ ngắn hạn	368.375.320.712	424.751.283.982
II. Nợ dài hạn	46.649.340.954	78.143.949.322
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	43.387.438.797.510	43.365.050.994.795
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.929.177.065.651	1.609.242.678.060
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.458.261.731.859	1.755.808.316.735
+ LNST chưa phân phối năm nay	1.433.097.462.048	1.737.750.121.302
TỔNG NGUỒN VỐN	43.802.463.459.176	43.867.946.228.099

b) Một số chỉ tiêu đánh giá dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2022

- Trong năm 2023, ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid 19 tiếp tục kéo dài khó dự báo nhất là ở Trung Quốc thị trường lớn của Tập đoàn, chiến tranh Nga- Ucraina ảnh hưởng xấu tới hoạt động SXKD chung của cả nước và Tập đoàn. Tuy nhiên Tập đoàn vẫn nỗ lực trong hoạt động SXKD đạt doanh thu và thu nhập 3.981.663.117.768 đồng, đạt 105% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 56,25%, doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm 43,69%.
- Lợi nhuận sau thuế là 1.433.097.462.048 đồng, đạt 102,73% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 thấp hơn so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do cổ tức được chia giảm; do giá mủ cao su năm 2023 giảm so với năm 2022.
- Tập đoàn đã bảo toàn vốn cổ đông năm 2023: Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2023 là 43.387.438.797.510 đồng; vốn chủ sở hữu góp là 40.000.000.000.000 đồng. Hệ số bảo toàn vốn $H > 1$. Tập đoàn đã bảo toàn và phát triển được vốn của cổ đông.
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 11,67 lần. Hệ số nằm ở mức cao. Khả năng thanh toán nhanh, xử lý các khoản nợ ngắn có mức an toàn cao, tự chủ trong hoạt động tài chính. Tập đoàn hiện đang hoàn toàn chủ động được về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và tài chính, đảm bảo thanh toán nhanh từ nguồn tiền mặt và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn hiện có.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản ROA là 3,27%. Sau 6 năm chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Tập đoàn đã ổn định tổ chức, hoạt động đã có hiệu quả. Việc đầu tư, sử dụng và khai thác tài sản có hiệu quả.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE là 3,58%. Việc sử dụng vốn chủ sở hữu có hiệu quả, đã mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, cho thấy việc chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức cổ phần phát huy hiệu quả tốt. Năm 2023 vốn chủ sở hữu tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh đã mang lại 3,58 % lợi nhuận sau thuế, thấp hơn năm 2022. Nguyên nhân chính là do lợi nhuận sau thuế năm 2023 thấp hơn năm 2022 nêu trên.

3. Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

3.1. Giám sát đối với Hội đồng quản trị

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị của Tập đoàn trong năm 2023, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong các phiên họp Hội đồng Quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng Quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh, đầu tư theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và quy định của pháp luật.

3.2. Giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác quyết liệt và kịp thời.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã ban hành và tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động của Ban kiểm soát với hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện hoạt động của Ban. Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tập đoàn, đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các việc ban hành chủ trương; quyết định và công tác quản trị; điều hành phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Tập đoàn.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2024

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn.
2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn.
3. Giám sát việc xây dựng kế hoạch và đăng ký các chỉ tiêu hoạt động SXKD của Tập đoàn năm 2024.
4. Thẩm định các báo cáo tài chính bán niên và năm theo qui định.
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
6. Các vấn đề khác khi cần thiết.



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trải rộng trên nhiều địa bàn kể cả ở nước ngoài, một số sản phẩm chiếm thị phần lớn ở thị trường trong nước. Vì vậy, có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Các nhóm rủi ro sau được phân loại và đánh giá có khả năng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn, do đó được tập trung theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các biện pháp để phòng quản lý rủi ro một cách hợp lý.



RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ và thay đổi các chính sách pháp luật. Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật dân sự, Luật đất đai, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật có liên quan. Các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang có nhiều bất cập và trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Nhằm đảm bảo tính tuân thủ khi có sự thay đổi trong các chính sách pháp luật và quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn đã xây dựng bộ phận pháp chế luôn thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có, ngoài ra từng bộ phận chuyên môn được giao nhiệm vụ cập nhật, nguyên cứu các vấn đề pháp lý liên quan có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Tập đoàn để xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Phần lớn sản phẩm chính của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn xuất khẩu hoặc là

nguyên liệu cho sản phẩm xuất khẩu, giá cả các sản phẩm có sự liên thông chặt chẽ với thị trường thế giới và biến động thường xuyên; chịu sự tác động của các quỹ đầu tư hàng hóa, các thông tin về biến động kinh tế, chính trị, quân sự... của thế giới. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến khả năng tiêu thụ, lợi nhuận, dòng tiền... và khả năng thu hồi vốn đầu tư. Một số sản phẩm được tiêu thụ vào một vài thị trường nhất định là tiềm ẩn rủi ro trong chiến lược kinh doanh lâu dài.

Tập đoàn đã và đang triển khai hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học – Kỹ thuật - Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm trong tất cả các đơn vị trực thuộc Tập đoàn. Tập đoàn đã và luôn kiểm soát việc đầu tư theo chiến lược có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, không đầu tư dàn trải, chi phí đầu tư đảm bảo ở mức phù hợp để có giá thành đủ sức cạnh tranh để duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Việc áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kì hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước đang được áp dụng.

Việc phát triển sản phẩm cao su mang thương hiệu VRG đã được Tập đoàn triển khai đã và đang sử dụng thống nhất thương hiệu này cho tất cả các sản phẩm mủ cao su được các đơn vị thành viên của Tập đoàn sản xuất, để mở rộng

việc nhận dạng thương hiệu của Tập đoàn trên toàn cầu và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.

Ngoài sản phẩm chính là mủ, gỗ cao su, nhằm tận dụng lợi thế sẵn có, Tập đoàn đã và tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm để giúp Tập đoàn luôn có lợi nhuận đảm bảo ở mức phù hợp của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngành kinh doanh cho thuê khu công nghiệp, hạ tầng, công nghiệp sản xuất các sản phẩm cuối cùng từ gỗ đang được mở rộng sẽ mang lại tỷ suất lợi nhuận cao, góp phần vào việc duy trì và phát triển tỷ suất lợi nhuận của Tập đoàn.

RỦI RO TỶ GIÁ

Việc biến động của tỷ giá ngoại tệ so với đồng Việt Nam luôn được Tập đoàn xem là một trong những vấn đề cần phải giám sát và quản lý để có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, để phòng những ảnh hưởng có thể khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra, dù rằng trong những năm gần đây, đồng tiền Việt Nam không biến động nhiều so với các loại đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là đồng đô la Mỹ và luôn nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước. Mặt khác, hoạt động nhập khẩu của Tập đoàn chiếm tỷ trọng không đáng kể, nên nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Là một Tập đoàn hoạt động chính trong lĩnh vực nông nghiệp một trong những ngành nghề chính là trồng, khai thác chế biến mủ cao su nên thời gian triển khai từ lúc bắt đầu dự án cho đến khi hoàn thành và có sản phẩm thường là 7 năm. Trong các công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc này sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án, làm chậm tốc độ quay vòng vốn, ảnh hưởng chất lượng cây trồng và sản lượng thu hoạch, tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên, với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án ở từng khu vực và ngành nghề khác

nhau, Tập đoàn luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Việc triển khai dự án không thực hiện dần trải mà được chia ra thành từng giai đoạn, từng dự án thành phần, theo khả năng nguồn vốn nên việc quay vòng vốn kinh doanh không bị ảnh hưởng cho từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO TỰ NHIÊN VỐN CỐ

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn liền với thiên nhiên, điều kiện thời tiết thay đổi, dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn... các rủi ro này luôn tiềm ẩn và có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn đã và đang tăng cường công tác giám sát, để phòng dịch bệnh có thể xảy ra cho cây trồng. Viện Nghiên cứu Cao su, bộ phận kỹ thuật của Tập đoàn được đào tạo từ các trường có uy tín trong và ngoài nước có thể đảm bảo việc dự đoán, phòng ngừa và trị các loại dịch bệnh nếu có xảy ra. Bên cạnh đó, các đơn vị Tập đoàn được quán triệt tinh thần để phòng và bảo đảm tài sản khi có sự cố xảy ra. Tùy từng loại hình hoạt động, các loại tài sản được mua bảo hiểm đầy đủ và phù hợp cho từng loại rủi ro.

RỦI RO LÃI SUẤT

Dù sử dụng nguồn vốn vay khá thấp, Tập đoàn vẫn chịu rủi ro về lãi suất theo những thay đổi của lãi suất thị trường do các khoản vay chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tuy trong bối cảnh điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ hiện nay có thể đánh giá mức rủi ro lãi suất là không lớn để có thể làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn, Tập đoàn vẫn đang tập trung quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn. Ngoài ra, việc thực hiện cơ cấu lại nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của từng dự án phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh đang được Tập đoàn rà soát để có thể điều chỉnh cho phù hợp.





CÁC CÔNG TY KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ

ĐÓNG GÓP LỚN CHO TẬP ĐOÀN VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Vững vàng vượt qua một năm đầy khó khăn, thách thức, các công ty cao su khu vực Đông Nam bộ tiếp tục tăng trưởng ổn định với nhiều kết quả nổi bật trên các lĩnh vực, tiếp tục khẳng định là những đơn vị top đầu toàn ngành.

Xứng danh “anh cả” miền Đông

Mặc dù thực hiện nhiệm vụ năm 2023 trong điều kiện còn nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự năng động, sáng tạo trong công tác điều hành quản lý và sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể CB.CNV LĐ, các công ty cao su Đông Nam bộ đã đạt được những kết quả ấn tượng trên các lĩnh vực.

Các công ty cao su Đông Nam bộ đang quản lý 257.815,86 ha; trong đó, diện tích cao su đang khai thác 92.252,58 ha; diện tích KTCB 142.382,48 ha; tái canh trồng mới 3.586,18 ha; đất nông nghiệp khác 17.039,7 ha; đất rừng 892,68 ha; đất phi nông nghiệp 1.662,24 ha. Tổng số lao động 28.137 người, trong đó, lao động nữ 12.087 người (chiếm 43%), lao động dân tộc 3.151 người (chiếm

11,1%). Năm 2023, sản lượng khai thác khu vực ĐNB đạt 166.657 tấn (vượt 8,14% KH), năng suất vườn cây bình quân trên 1,75 tấn/ha; thu mua 79.056 tấn (đạt 99% KH); chế biến 222.755 tấn (đạt 98% KH); tiêu thụ 254.610 tấn (vượt 9,2% KH). Doanh thu 11.196 tỷ đồng (đạt 98,4% KH); lợi nhuận 2.292 tỷ đồng (đạt 76,2% KH); nộp ngân sách Nhà nước 1.428 tỷ đồng (vượt 1,4% KH). Thu nhập bình quân gần 9,5 triệu đồng/người/tháng (vượt 12,9% KH).

Trong đó, TCT Cao su Đồng Nai có tỷ lệ vượt sản lượng khai thác cao nhất là 26%, tiếp theo là Cao su Hòa Bình với 13%; Cao su Đồng Phú và Cao su Lộc Ninh cùng vượt 10%; Cao su Bình Long 9%, Cao su Tây Ninh 8%. Về thu nhập bình quân, Cao su Phú Riềng và Cao su Đồng Nai có thu nhập bình quân cao nhất trên 11 triệu đồng/người/tháng, Cao su Bình Long đạt 10,6 triệu đồng/người/tháng.

Để nâng cao đời sống NLD, Công đoàn các đơn vị tích cực vận động công nhân phát triển kinh tế hộ gia đình, thông qua các mô hình trồng xen canh, làm vườn, chăn nuôi... đã cải thiện đáng kể thu nhập của NLD. Thực hiện tốt công tác xã hội, các đơn vị đã chi 12 tỷ đồng ủng hộ quỹ vì người nghèo của địa phương và chăm lo cho gia đình chính sách, hỗ trợ NLD có hoàn cảnh khó khăn... nhân các ngày lễ của đất nước, của ngành.

Nhận định về hoạt động SXKD và chăm lo cho NLD của các công ty cao su khu vực ĐNB trong năm 2023, ông Huỳnh Kim Nhật – Phó TGD VRG, Chủ tịch Công đoàn CSVN biểu dương và ghi nhận những kết quả SXKD của các đơn vị, đặc biệt là trong lĩnh vực khai thác. Hầu hết các đơn



Công nhân
khai thác
trên vườn cây

vị đều hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng Tập đoàn giao. Công đoàn luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, với nhiều hoạt động thiết thực chăm lo đời sống NLD.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Với những chủ trương và giải pháp quản lý khoa học, cùng với sự quyết tâm nỗ lực vượt khó của toàn thể NLD hăng say thi đua lao động sản xuất, Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2023. Công ty khai thác 24.000 tấn (vượt 11,1% KH), năng suất bình quân 2,3 tấn/ha; 17 năm liên tục nằm trong Câu lạc bộ 2 tấn; thu mua 8.010 tấn (vượt 0,1% KH); chế biến 30.209 tấn (vượt 2% KH); tiêu thụ 36.000 tấn (vượt 21,6% KH). Doanh thu 1.417,8 tỷ đồng (vượt 7,8% KH); lợi nhuận trước thuế 326 tỷ đồng (vượt 2% KH). Nộp ngân sách Nhà nước 112 tỷ đồng (vượt 5% KH).

Trong thời gian qua, NLD Cao su Phú Riềng không chỉ có thu nhập ổn định, trong nhóm cao nhất Tập đoàn, công nhân cao su và gia đình còn được hưởng rất nhiều quyền lợi, chính sách, chế độ ưu đãi. Từ đó, mỗi công nhân đều nỗ lực phấn đấu cùng công ty vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ. Công ty hiện có 5.150 lao động, trong đó, nữ là 2.341 người (chiếm 45,5%), lao động đồng bào dân tộc thiểu số 948 người (chiếm 18,5%). Thu nhập bình quân năm 2023 trên 11 triệu đồng/người/tháng (vượt 22,2% KH); thu nhập từ kinh tế gia đình trên 35 triệu/hộ/năm. Đây là sự cố gắng rất lớn của lãnh đạo công ty trong điều kiện khó khăn hiện nay.

Năm 2023 Cao su Bình Long xuất sắc hoàn thành vượt mức với sản lượng 19.682 tấn, vượt 9,35% KH. Năng suất vườn cây đạt 2,064 tấn/ha, 16 năm là thành viên Câu lạc bộ 2 tấn của VRG (trong đó có 12 năm liên tục); 6/8 nông trường năng suất trên 2 tấn/ha (trong đó có 1 nông trường trên 2,5 tấn/ha; 1 nông trường trên 2,2 tấn/ha); năng suất lao động trên 9,56 tấn/lao động/năm.

Không chỉ là điểm sáng trong lĩnh vực khai thác, năm 2023 Cao su Bình Long đã tiêu thụ được 22.723 tấn mủ, trong đó sản lượng xuất khẩu là 8.077 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 12,06 triệu USD. Sản phẩm của công ty đạt chứng nhận nhãn hiệu Cao su Việt Nam, được tiêu thụ trong nước và nhiều nước trên thế giới như: Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật, Nga, Trung Quốc, Đài Loan,



Singapore. Trong đó sản phẩm mủ RSS chất lượng cao theo công nghệ Thái Lan đã cung cấp cho các nhà sản xuất vỏ xe lớn trên thế giới như Chengshine, Maxxis. Tổng doanh thu năm 2023 đạt 928,225 tỷ đồng; tổng lợi nhuận trước thuế trên 209 tỷ đồng, vượt 24%; tổng lợi nhuận sau thuế trên 175 tỷ đồng, vượt 27%; tổng nộp ngân sách trên 118 tỷ đồng, vượt 6%; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân đạt 21,7%; thu nhập bình quân trên 10,8 triệu đồng/người/tháng.

Công ty CPCS Phước Hòa có nhiều năm liên đạt Top 50 Doanh nghiệp có lợi nhuận xuất sắc Việt Nam và được đánh giá là doanh nghiệp đạt kết quả hoạt động SXKD tốt, tiềm năng tăng trưởng ổn định, bền vững. Nhiều năm qua, công ty có lợi nhuận đứng top cao nhất trong toàn ngành. Công ty còn là điểm sáng trong công tác thu mua cao su tiểu điền của VRG, có 13 năm liên sản lượng thu mua trên 10.000 tấn, góp phần hỗ trợ bà con tiểu điền. Năm 2023, công ty khai thác được 11.760 tấn (vượt 5% KH); thu mua 18.991 tấn; chế biến 18.250 tấn; tiêu thụ trên 31.500 tấn; doanh thu 1.624 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 538 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước 239 tỷ đồng (vượt 18,5% KH). Tiền lương bình quân NLD 10 triệu đồng/người/tháng.

Đột phá trong chuyển đổi số

Năm 2023, doanh thu và lợi nhuận của TCT đều vượt kế hoạch đề ra, tổng doanh thu và thu nhập khác 2.046,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 345,5 tỷ đồng, nộp ngân sách 302,3 tỷ



*Cao su Phú Riềng
nhận vinh danh
Top 10 Doanh
nghiệp bền vững
Việt Nam trong
lĩnh vực sản xuất
năm 2023*

đồng. Lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục tạo được dấu ấn, khai thác được 32.580 tấn mủ, vượt 27% so với kế hoạch Tập đoàn giao, năng suất vườn cây bình quân đạt 2,47 tấn/ha, đây là mức năng suất vườn cây bình quân cao nhất trong toàn Tập đoàn hiện nay. Đó là kết quả của quá trình nỗ lực vượt bậc của TCT trong công tác tái cơ cấu vườn cây, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa - tự động hóa trong lao động sản xuất. Trong công tác chế biến, TCT nâng cấp, cải tiến hệ thống và quản trị hiện đại góp phần kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm. Năm vừa qua, TCT chế biến 42.946 tấn, tiêu thụ của 45.128 tấn.

Mặc dù giá bán giảm sâu, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của đơn vị, tuy nhiên TCT rất chú trọng chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho CNLĐ. Tổng số lao động hiện có là 3.910 người, trong đó có 591 lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc. Thu nhập bình quân năm 2023 đạt gần 11 triệu đồng/người/tháng, đạt 115% KH. Các chế độ chính sách của CNLĐ được quan tâm giải quyết kịp thời. Đặc biệt, TCT có nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ để thu hút CNLĐ từ ngoài tỉnh đến làm việc.

Để phát triển nhanh, vững chắc, bắt kịp xu thế của thời đại, TCT nhanh chóng đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các hoạt động SXKD. Hiện nay, các khâu nặng nhọc

như chuẩn bị đất, phun thuốc trị bệnh cây, bón lót, bón thúc phân cho vườn cây ở TCT đã cơ giới hóa được 100% diện tích. TCT đã nghiên cứu và ứng dụng phần mềm GIS Cloudcomputing (điện toán đám mây) trong quản lý và truy xuất nguồn gốc vườn cao su. Ứng dụng thành công phần mềm theo dõi lịch nông vụ, giúp các nông trường theo dõi các công việc cần thực hiện hàng tuần, hàng tháng. Hiện TCT đang phối hợp nghiên cứu sản xuất Robot cạo mủ cao su. Đây được xem là bước đột phá trong công tác thu hoạch mủ không những tại Việt Nam mà còn tại tất cả các quốc gia trồng và phát triển cao su trên thế giới nhằm giải phóng sức lao động cho công nhân, đồng thời khai thác hiệu quả và bền vững tiềm năng năng suất của cây cao su, giúp gia tăng hiệu quả SXKD của đơn vị...

Năng suất vườn cây cao, chất lượng và hiệu quả

Với truyền thống đoàn kết, nỗ lực của tập thể NLĐ và sự nhạy bén trong quản lý điều hành của ban lãnh đạo, Công ty CPCS Đồng Phú luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho NLĐ. Công ty phát triển ổn định, xây dựng thương hiệu uy tín trên thị trường trong và ngoài nước. Năm 2023, công ty khai thác 10.700 tấn (vượt 12,3% kế hoạch), vượt 1.200 tấn. 18 năm liên tục (2006 – 2022) nằm trong Câu lạc bộ 2 tấn của VRG. Công ty giải quyết việc

làm ổn định hơn 2.200 lao động, trong đó, lao động nữ 998 người, lao động đồng bào dân tộc thiểu số 644 người, thu nhập của NLĐ tăng mỗi năm. Năm 2023, thu nhập bình quân trên 10,5 triệu đồng/người/tháng. Ngoài thu nhập từ tiền lương, Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo các đơn vị động viên, tạo điều kiện để công nhân phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống một cách hiệu quả.

Năm 2023, Cao su Tây Ninh khai thác 8.770 tấn, vượt 770 tấn so với kế hoạch; năng suất vườn cây 2,11 tấn/ha, năng suất lao động đạt 9,52 tấn/người/năm. 18 năm liền đạt năng suất hơn 2 tấn/ha. Trong đó Nông trường Cầu Khởi và Nông trường Bến Củi nhiều năm đạt năng suất trên 2 tấn/ha. Riêng tại Nông trường Cầu Khởi, có 2 tổ đạt năng suất trên 3 tấn/ha. Để đạt năng suất cao, bền vững qua các năm, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ trong điều hành, quản lý từ trồng mới, chăm sóc KTCB đến khai thác. Công ty đã áp dụng cơ giới hóa và nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào trồng mới, chăm sóc như: máy bón phân, máy phun thuốc, máy phát cỏ... góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động,

tiết giảm chi phí và cây sinh trưởng, phát triển tốt.

Chăm lo tốt đời sống người lao động

Năm 2023, Cao su Dầu Tiếng gặp rất nhiều khó khăn, thời tiết không thuận lợi, giá bán mủ ở mức thấp đã tác động trực tiếp đến SXKD và thu nhập NLĐ. Tuy vậy, công ty đã nỗ lực với nhiều giải pháp để đảm bảo cao nhất hiệu quả SXKD và chăm lo tốt đời sống NLĐ. Cao su Dầu Tiếng luôn đảm bảo duy trì tiền lương, thu nhập cho NLĐ. Thu nhập bình quân NLĐ năm 2023 ước đạt 9,1 triệu đồng/người/tháng. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Ngoài ra công ty chi hỗ trợ lương cho 9.851 lượt công nhân lao động với số tiền hơn 7,45 tỷ đồng. Thực hiện công tác trích nộp BHXH là 96,40 tỷ đồng; giải quyết chế độ bồi dưỡng độc hại là 10,8 tỷ đồng; trang cấp trang thiết bị phòng hộ lao động là 1,9 tỷ đồng. Để giúp NLĐ cải thiện đời sống, trong năm, Cao su Dầu Tiếng đã hỗ trợ vốn cho 35 hộ công nhân làm nhà ở trả góp không lãi với số tiền 900 triệu đồng; hỗ trợ xây mới 5 căn nhà, sửa chữa 6 căn nhà và hỗ trợ cho 5 CNLĐ bị bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền 450 triệu đồng.



*Công nhân
chăm sóc
vườn ươm*



Ông Nguyễn Văn Tước – Bí thư Đảng ủy, TGD Cao su Phước Hòa nhận cúp vinh danh Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận Xuất sắc Việt Nam

Bên cạnh việc chăm lo đời sống NLĐ, công ty còn tuyên truyền vận động NLĐ tích cực làm kinh tế gia đình cải thiện cuộc sống. Toàn công ty có 38,45% hộ làm kinh tế gia đình với nhiều mô hình kinh tế mang lại hiệu quả cao. Đến nay hầu hết các hộ gia đình công nhân đều có cuộc sống ổn định, nhà ở khang trang, có vốn tích lũy, không còn hộ nghèo.

Bên cạnh đó, công ty tích cực tham gia công tác an sinh xã hội trên địa bàn bằng nhiều hoạt động thiết thực. Riêng năm 2023, công ty đã chi hỗ trợ 4,85 tỷ đồng cho các tổ chức và cá nhân về hoạt động từ thiện xã hội, hỗ trợ các hoạt động của địa phương và trong ngành.

Năm 2023 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn đối với Cao su Bà Rịa, nhưng với sự đoàn kết đồng lòng của tập thể CB.CNVC LĐ, công ty đã vượt khó hoàn thành các chỉ tiêu SXKD được giao. Công ty đã khai thác được trên 9.829 tấn mủ, trên 102% KH; chế biến và gia công trên 14.000 tấn, hơn 103% KH; tiêu thụ trên 11.000 tấn, trên 108% KH, với giá bán bình quân trên 33,9 triệu đồng/tấn, doanh thu đạt trên 530 tỷ đồng, trên 99% KH, lợi nhuận sau thuế gần 140 tỷ đồng, trên 101% KH, nộp ngân sách Nhà nước trên 75 tỷ đồng. Đảm bảo thu nhập bình quân của 1.213 NLĐ trên 9 triệu đồng/người/tháng.

Với nhiều giải pháp vượt khó, năm vừa qua, Cao su Hòa Bình khai thác được 3.150 tấn mủ, vượt 350 tấn, vượt 12,5% kế hoạch được giao. Các chỉ tiêu SXKD đều đạt và vượt kế hoạch, trong đó, sản lượng mủ thu mua năm 2023 đạt 1.716 tấn, vượt 43% KH. Sản lượng tiêu thụ trên 5.000 tấn, vượt 29,3% KH; doanh thu trên 223 tỷ đồng, vượt 26% KH. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho NLĐ trên 8 triệu đồng/người/tháng.

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội

Năm 2023, Cao su Lộc Ninh đã khai thác trên 12.800 tấn mủ quy khô, vượt trên 9% KH; doanh thu trên 693 tỷ đồng, vượt 3%; lợi nhuận trước thuế trên 42 tỷ đồng; thu nhập bình quân 7,5 triệu đồng/người/tháng. Không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD, đồng hành cùng với chính quyền địa phương trong việc xây dựng nông thôn mới, ngoài nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NLĐ, trong những năm qua, công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Thường xuyên phối kết hợp cùng với địa phương trong công tác “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”. Tổ chức thăm hỏi tặng quà cho gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách, hỗ trợ đồng bào dân tộc nghèo. Đóng góp ủng hộ các quỹ nhân đạo, quỹ trẻ thơ, quỹ bệnh

nhân nghèo, quỹ khuyến học, và tham gia các dự án xóa đói giảm nghèo của tỉnh... Những hoạt động đó đã tạo nên bức tranh tươi đẹp và ấm áp nghĩa tình của công ty với chính quyền cũng như nhân dân địa phương nơi đơn vị đóng chân.

Cao su Tân Biên thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 với nhiều khó khăn đan xen. Giá bán mủ cao su thấp, vườn cây thanh lý ngày càng nhiều làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty và thu nhập tiền lương của người lao động. HĐQT, Ban lãnh đạo công ty đã đoàn kết thống nhất trong chỉ đạo, quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, đề ra nhiều giải pháp phù hợp... nhờ vậy các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, tiền lương NLD đều vượt kế hoạch đã đề ra. Ước tổng doanh thu năm 2023 của Cao su Tân biên hơn 863 tỷ đồng, vượt kế hoạch gần 41% và lợi nhuận trước thuế hơn 248 tỉ đồng, vượt kế hoạch gần 69%. Công ty đã giải quyết việc làm cho gần 900 lao động với thu nhập bình quân 8,3 triệu đồng/người/tháng.

Đứng chân trên vùng biên giới, Cao su Tân Biên luôn chú trọng phát triển kinh tế đi đôi với việc đảm bảo an ninh quốc phòng, chú trọng phát triển lực lượng tự vệ và dự bị động viên cả về số lượng cũng như chất lượng. Hàng năm, Ban Chỉ huy Quân sự công ty luôn chủ động xây dựng các kế hoạch quân sự và kế hoạch khai thác sản xuất trong khu vực phòng thủ, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng an ninh. Năm 2023, công ty đã phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” với 100% CB.CNV LĐ ký cam kết tham gia thực hiện tốt phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Kết quả trong năm phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại đơn vị được đảm bảo, trật tự an ninh trên địa bàn công ty được giữ vững.

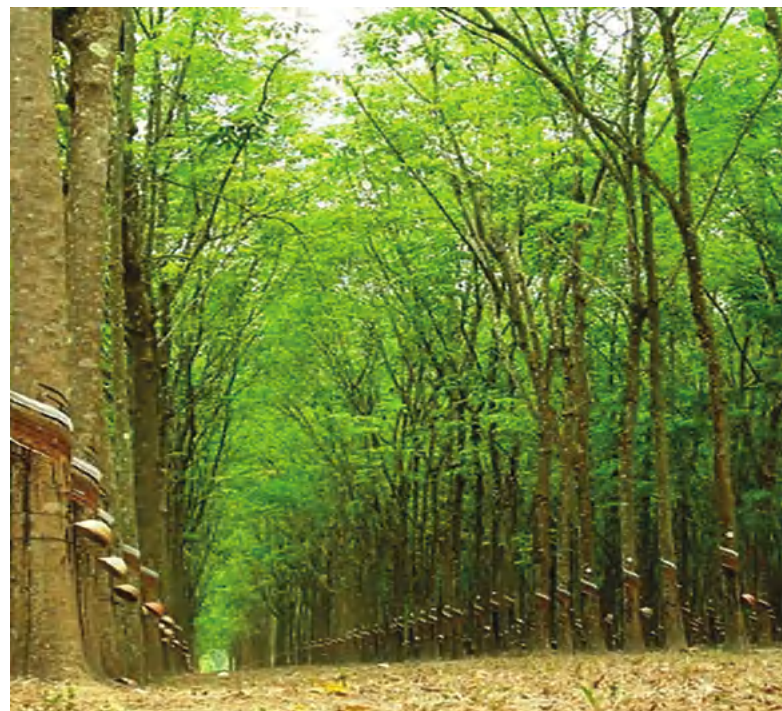
Tiên phong tăng trưởng xanh, phát triển bền vững

Các công ty khu vực Đông Nam bộ luôn tiên phong và có thành tích xuất sắc trong công cuộc phát triển bền vững. Trong số 18 công ty trong Top 100 Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững năm 2023, có 10 công ty khu vực Đông Nam bộ, trong đó, Cao su Phú Riềng nằm trong Top 10. Đây là một danh hiệu đáng tự hào khi các doanh nghiệp phải vượt qua hàng loạt chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp nghiêm ngặt của Chính phủ, các Bộ, ban ngành... đối với 3 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường.

Nhiều công ty trực thuộc VRG duy trì 5 năm liên tục được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững, như: TCT Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty CP Cao su Phước Hòa... Đặc biệt, có các công ty nằm trong Top 10 qua các năm: Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng. Các công ty đang tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi xanh bao trùm và tuần hoàn, đảm bảo tính bền vững trong toàn bộ chuỗi cung ứng, chung tay vì môi trường thân thiện và tích cực đóng góp cho xã hội, cộng đồng.

Các công ty đã từng bước triển khai thực hiện hiệu quả kinh tế tuần hoàn trong công tác sản xuất, chế biến như ưu tiên sử dụng năng lượng xanh (biomass), tái sử dụng nước thải và các phụ phẩm, chất thải... góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đồng thời tạo ra thị trường mới, cơ hội việc làm mới, nâng cao sức khỏe và cải thiện đời sống, cải thiện thu nhập cho CNLĐ.

Những kết quả đạt được năm 2023 là nền tảng vững chắc tiếp thêm niềm tin, động lực để các công ty bước vào năm 2024 với khát vọng năm mới sẽ gặt hái được nhiều thành quả hơn nữa, xứng đáng là những lá cờ đầu của VRG.





CÁC CÔNG TY KHU VỰC TÂY NGUYÊN

TẠO ĐÀ CHO CUỘC ĐUA NĂNG SUẤT

Có thể khẳng định rằng, kết thúc năm 2023 các công ty trên địa bàn Tây Nguyên đã gặt hái được những kết quả tích cực, khi các đơn vị đều hoàn thành kế hoạch sản lượng sớm. Qua đó, tạo lên một cuộc đua sôi động vào CLB 2 tấn/ha, thậm chí các tổ, đội sản xuất là 3 tấn/ha cho những năm tới.



Đại diện lãnh đạo Cao su Ea H'leo đón nhận cờ thi đua của Chính phủ tại lễ kỷ niệm 40 năm thành lập công ty



Lãnh đạo VRG và địa phương tặng cờ và hoa chúc mừng cho đại diện lãnh đạo Cao su Krông Buk tại lễ kỷ niệm 40 năm thành lập công ty

Dấu ấn trong chỉ đạo thực hiện các giải pháp

Dù những ngày cuối năm khá bận rộn, nhưng ông Võ Toàn Thắng – TGD Cao su Chư Prông vẫn dành thời gian đến thăm hỏi, động viên và trao thưởng cho NLD về đích sớm ở Đội 3, NT Thống Nhất. Trên đường đến với NLD của Đội 3, ông Thắng chia sẻ với chúng tôi về những khó khăn mà công ty phải đối mặt trong năm qua: “Năm 2023 chúng tôi tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, ảnh hưởng sau đại dịch Covid -19. Chưa kịp phục hồi đã phải tìm kiếm các giải pháp giữ chân NLD trước sức cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp mới nổi và lĩnh vực khác, giá bán mủ thấp và thời tiết cực đoan làm việc thu hoạch mủ chậm hơn năm trước gần 30 ngày đã ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của công ty”.

Nở nụ cười tươi tắn khi đón nhận giấy khen từ tay ông Võ Toàn Thắng, chị Lê Thị Hồng Hạnh

bày tỏ niềm hạnh phúc, tự hào khi là một trong số những người về đích sớm: “Tuy về sớm kế hoạch sản lượng, nhưng khó khăn và nỗ lực lắm mới được thế này anh ạ! Để có được kết quả như hôm nay là nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của tổ trưởng và ban giám đốc NT trong việc thực hiện trang bị vật tư cho vườn cây, bón phân, phun thuốc và thực hiện nghiêm chế độ cạo, giờ cạo... Tôi rất vui và tự hào vì đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ giao với việc về đích sớm trên 20 ngày”.

Là một đơn vị khá ổn định về lao động và tình hình SXKD trong nhiều năm qua, Cao su Chư Păh cũng không tránh được những khó khăn phải đối mặt khi mùa nắng kéo dài và mưa cục bộ nhiều ngày liên tục, giông lốc và biến động lao động. Bà Huỳnh Thị Nga – Phó TGD Cao su Chư Păh cho rằng, tuy công ty về đích sớm 20 ngày so với kế hoạch đặt ra, song nếu không quyết liệt trong

chỉ đạo để các đơn vị và NLD thực hiện nhiều giải pháp thì cũng khó đạt được mục tiêu đề ra.

Nhìn lại hoạt động SXKD của các công ty trên địa bàn Tây Nguyên có thể thấy rằng dù phải đối diện với nhiều khó khăn, nhất là nắng hạn làm hầu hết các công ty phải tổ chức thu mủ muộn hơn cả tháng so với năm trước. Tuy nhiên, lãnh đạo các công ty đều thể hiện sự chủ động đối phó với những khó khăn bằng việc liên tục và sâu sát với tình hình thực tế sản xuất ở từng đơn vị trực thuộc, khi có những dấu hiệu hụt hơi thì ngay lập tức có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Điển hình như Cao su Chư Sê khi bước vào quý III, một số tổ khai thác, NT thực hiện sản lượng đạt tỷ lệ thấp so với sản lượng phân bổ. Để phù hợp với điều kiện thực tiễn vườn cây, TGD công ty đã yêu cầu các NT thực hiện nghiêm những chỉ đạo của lãnh đạo công ty trong công tác quản lý, khai thác mủ ở tổ sản xuất.

Các giải pháp chính vẫn được lãnh đạo nhiều công ty thực hiện, đó là chủ động xây dựng kế hoạch sản lượng, dự kiến sản lượng từng ngày. Định kỳ đánh giá lại tình hình sản xuất thực tế so với kịch bản điều hành, phân tích nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục nhằm đạt được mục tiêu.

Đồng thời, tổ chức giờ cạo linh hoạt trong ngày, có thể chuyển qua hình thức thu mủ đông những ngày thời tiết không thuận lợi cho việc thu mủ nước. Những tổ thiếu hụt lao động, ưu tiên cạo vườn cây có năng suất cao, tổ chức cạo chèo tối đa vườn cây còn lại.

Tạo đà cho cuộc chạy đua vào CLB 2 tấn/ha

“Không có cách nào tăng thu nhập cho NLD tốt hơn là việc tăng năng suất vườn cây, muốn vậy cần phải có chế độ đầu tư khoa học, phù hợp cho vườn cây để tạo nên một vườn cây chất lượng và năng suất cao” - ông Võ Toàn Thắng – TGD Cao su Chư Prông cho hay.

Trong điều kiện hiện nay, với việc khu vực Tây Nguyên có Cao su Kon Tum, Sa Thầy, Chư Mom Ray và Ea H'leo đã là thành viên CLB 2 tấn/ha của VRG ở cấp công ty và hàng chục NT, tổ sản xuất có năng suất cao từ 2,5 – 3 tấn/ha thì áp lực đối với việc tăng năng suất vườn cây trở lên lớn hơn bao giờ hết.

Do vậy, việc lãnh đạo các công ty cao su như Chư Prông, Chư Păh hay Krông Buk, Mang Yang đang từng ngày từng giờ tìm kiếm các giải pháp tối ưu cho việc nâng năng suất vườn cây. Hiện

tại, ở các đơn vị như Chư Păh, Chư Prông, Mang Yang không phải là không có NT 2 tấn/ha hay tổ năng suất từ 2,6 tấn/ha trở lên, đối với khu vực Tây Nguyên ở cấp đội sản xuất trực thuộc công ty, tổ sản xuất có năng suất từ 2,6 tấn/ha được tham gia vào CLB 3 tấn/ha của VRG. Điển hình có Đội Cao su Thanh Niên của Công ty CPCS Sa Thầy năng suất năm 2023 đạt trên 2,6 tấn/ha.

Những đơn vị mới như Cao su Sa Thầy và Chư Mom Ray có lợi thế về “sức trẻ”, thổ nhưỡng phù hợp với sự phát triển và cho năng suất cao, song các đơn vị có tuổi đời lớn, với 40 năm hình thành trở lên như Cao su Chư Sê, Chư Prông, Chư Păh và Mang Yang là những đơn vị có nhiều diện tích chu kỳ thứ 2 sắp đưa vào khai thác, do vậy việc nỗ lực để có vườn cây chất lượng với năng suất từ 1,8 tấn/ha không phải là không có cơ sở.

Ông Phạm Đình Luyến – TGD Cao su Chư Păh từng chia sẻ, do lao động của công ty phần nhiều là đồng bào các dân tộc thiểu số, nên trình độ tay nghề có phần hạn chế. Tuy nhiên, với lực lượng lao động trẻ, có nhiệt huyết và mong muốn gắn bó lâu dài với cây cao su thì việc còn lại của chúng tôi là tập trung đào tạo tay nghề cho công nhân tốt, chắc chắn sẽ tạo lên một lực lượng lao động có chất lượng.

Hiện tại, với năng suất bình quân của Cao su Chư Prông là khoảng 1,6 tấn/ha, Cao su Chư Păh hơn 1,6 tấn/ha, riêng Cao su Mang Yang và Chư Sê có hơi thấp so với các đơn vị khác như Kon Tum hay Ea H'leo, nhưng qua nhiều hội thảo và hội nghị đầu bờ của các đơn vị này trước mùa thu hoạch thì vườn cây chưa thể đạt năng suất là do không đồng đều về mật độ cây của chu kỳ đầu và diện tích mở mới nhiều, nhất là cơ cấu giống của chu kỳ đầu tiên không tạo nên năng suất cao.

Đến thời điểm này, theo ghi nhận mỗi công ty đều có giai đoạn đạt năng suất từ 1,8 tấn/ha trở lên như Cao su Krông Buk vào những năm 2007 – 2012 có năng suất cao, đây cũng là giai đoạn của Cao su Chư Sê, Cao su Kon Tum tuy vẫn duy trì được năng suất ở mức trên 1,8 tấn/ha nhưng các năm gần đây vườn cây nhiều đơn vị không còn giữ được “phong độ” này.

Với những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, cùng với những giải pháp hữu hiệu trong quản lý điều hành và sự đầu tư tốt cho vườn cây, chắc chắn trong tương lai không xa, việc các đơn vị ở khu vực Tây Nguyên có vườn cây năng suất cao là hoàn toàn có thể và xứng đáng trong CLB 2 tấn/ha của VRG.



CÁC CÔNG TY CAO SU KHU VỰC CAMPUCHIA

GÓP PHẦN GIA TĂNG HIỆU QUẢ CỦA VRG TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

Với diện tích khai thác và sản lượng tăng cao qua các năm, khu vực Campuchia đang góp phần gia tăng hiệu quả của VRG. Các công ty đều có tăng trưởng tốt hơn và cơ cấu tỷ trọng ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu của Tập đoàn. Đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của 2 đất nước, tô thắm tình đoàn kết, hữu nghị bền chặt giữa hai dân tộc Việt Nam – Campuchia.



Thủ tướng Campuchia Samdech Thipadei Hun Manet (thứ 7 từ phải sang) chụp hình lưu niệm với lãnh đạo VRG và các công ty cao su tại Campuchia, vào ngày 12/12/2023.

Năng suất lao động cao nhất toàn ngành

VRG hiện có 16 công ty đầu tư cao su trải dài trên 7 tỉnh tại Campuchia, với diện tích 87.584,84 ha. Năm vừa qua, tình hình SXKD của các công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự đoàn kết một lòng, cùng nhau vượt khó, các công ty đều cố gắng trong việc tiêu thụ sản phẩm, ổn định tài chính, hoàn thành nhiệm vụ. Góp phần nâng cao đời sống và thu nhập của NLD bản địa với mức lương bình quân đạt từ 250 - 400 USD/

người/tháng, cao hơn so với mặt bằng thu nhập hiện nay. Đặc biệt, các công ty luôn quan tâm chăm lo công tác an sinh xã hội cho NLD. Đây là một thành quả rất đáng tự hào trong bối cảnh bức tranh kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn.

Với 85.281,9 ha vườn cây kinh doanh, sản lượng cao su khai thác năm 2023 của khu vực Campuchia 140.829 tấn, vượt 7,4% kế hoạch (chiếm trên 32% tổng sản lượng khai thác toàn Tập đoàn); năng suất bình quân trên 1,65 tấn/



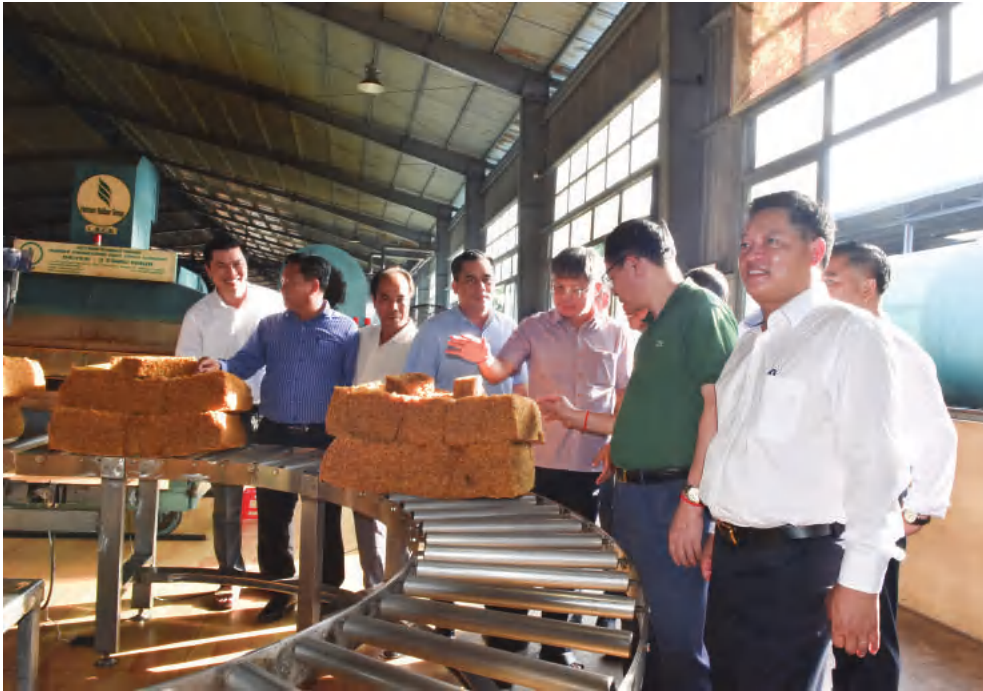
Ông Nguon Ratanak – Tỉnh trưởng tỉnh Kampong Thom (thứ 3 từ trái sang) và ông Lê Thanh Hùng – TGD VRG (thứ 2 từ trái sang) tham quan NMCB mù cao su của Công ty PTCS C.R.C.K tại lễ khánh thành ngày 28/7/2023, đây là NMCB thứ 9 của VRG tại Campuchia.

ha; năng suất lao động bình quân trên 10,3 tấn/người/năm – cao nhất trong toàn ngành. Khu vực Campuchia có năng suất lao động cao do áp dụng hình thức thu mủ đông nên số cây cạo/phần cạo cao, đây là lợi thế trong tổ chức sản xuất trong điều kiện giá bán mủ thấp.

Trong năm 2023, tiếp tục có 3 công ty (Cao su Bà Rịa Kampong Thom, Tân Biên Kampong Thom và Chư Sê Kampong Thom), 8 nông trường (NT Ou Tuek Thla, Ou Thum của Cao su Bà Rịa Kampong Thom. NT Santuk 1, 2, 3 của Cao su Tân Biên Kampong Thom. NT 1, 2, 3 của Chư Sê Kampong Thom) và 3 tổ/đội tham gia Câu lạc bộ 2 tấn của VRG.

Các công ty đã đóng góp lớn vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Tập đoàn. Nhiều đơn vị đạt kết quả nổi bật, là điểm sáng của toàn ngành. Là công ty có năng suất lao động cao nhất VRG, nhiều công nhân từ 20 – 24 tấn/người/năm, ông Hoàng Hữu Tuấn – TGD Công ty CPCS Bà Rịa Kampong Thom chia sẻ bí quyết: “Từ năm 2019, công ty đã có chính sách vận động công nhân cạo 2 phiên/ngày để bù vào những ngày nghỉ lễ, Tết. Nay với hình thức này, thay vì chuyển sang chế độ cạo D3, công ty đã vận động công nhân cạo 4 ngày 2 phiên/tháng và được công nhân

Vượt khó trong năm 2023, các công ty cao su khu vực Campuchia đều có sự tăng trưởng tốt hơn và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu của Tập đoàn. Bên cạnh SXKD, các công ty đã tích cực chăm lo NLĐ về vật chất, tinh thần. Đây là một thành quả rất đáng tự hào trong bối cảnh bức tranh kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn. Các dự án tại Campuchia có lợi nhuận mặc dù giá bán thực tế đang thấp hơn giá bán khi lập dự án, tuy nhiên Tập đoàn và các đơn vị thành viên tổ chức sản xuất hợp lý, hiệu quả, rà soát chặt chẽ các chi phí... để đảm bảo hiệu quả của dự án. Các công ty đã chuyển lợi nhuận về nước đạt được lợi nhuận bình quân/tấn mủ khá tốt và đạt kỳ vọng về lợi nhuận lâu dài cho dự án. Tập đoàn đánh giá các dự án tại Campuchia sẽ góp phần gia tăng hiệu quả tổng thể của Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo” – ông Trương Minh Trung – Phó TGD VRG, nhận định.



Lãnh đạo Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và VRG tham quan Nhà máy chế biến Cao su Chư Sê Kampong Thom

tích cực hưởng ứng. Trong những ngày cạo 2 phiên, các chế độ tăng thêm được giải quyết thỏa đáng và được công nhân đồng tình. Nhờ vậy, công ty tránh được việc tăng nhiều chi phí khi chuyển sang chế độ cạo D3 và sản lượng khai thác trong những phiên cạo thêm đã góp phần vào việc tăng sản lượng đáng kể. Từ đó, công ty đã đạt được mục tiêu khai thác sản lượng đề ra, sản lượng thực hiện năm 2023 là 11.550 tấn, vượt 10% tương đương 1.050 tấn so với kế hoạch”.

Đóng góp lớn vào sự phát triển của VRG

Với hơn 16.268 ha cao su bạt ngàn xanh tốt trên địa bàn tam giác 3 tỉnh (Kampong Thom, Siem Reap và Preah Vihear), Công ty CPCS Chư Sê Kampong Thom luôn là lá cờ đầu toàn diện của khu vực Campuchia, năm 2023, công ty khai thác 28.938 tấn mù (vượt 6% KH, tương đương 1.638 tấn) nhiều hơn 3.297 tấn so với sản lượng khai thác năm 2022 (25.641,3 tấn), năng suất bình quân trên 11 tấn/người, 3 năm liên tiếp trong CLB 2 tấn; chế biến 38.092 tấn (vượt 9% KH); tiêu thụ 31.688 tấn (vượt 12% KH). Doanh thu đạt 1.009 tỷ đồng (vượt 4% KH); lợi nhuận trước thuế 160,6 tỷ đồng (vượt 2% KH). Hiện nay, công ty đang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp nên lợi nhuận sau thuế bằng lợi nhuận trước thuế

là 160,6 tỷ đồng. Nộp ngân sách 28,66 tỷ đồng (vượt 16% KH). Thu nhập bình quân của 3.406 lao động trên 9,34 triệu/người/tháng (cao hơn 9% so với năm 2022).

Chia sẻ về chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong thời gian tới, ông Nguyễn Tiến Dũng – TGD Công ty CPCS Chư Sê Kampong Thom, cho biết: “Để duy trì năng suất bình quân 1,8 tấn/ha, công ty đã xây dựng lộ trình thanh lý tái canh phù hợp nhằm phát huy tối đa nguồn lực từ đất đai và lao động. Với tổng diện tích 16.268,68 ha, trung bình mỗi năm sẽ tái canh 904 ha và kéo dài khoảng 18 năm, như vậy sản lượng mù giai đoạn thấp nhất vẫn giữ ở mức 20.000 tấn và diện tích thấp nhất là 9.679 ha. Cùng với đó là KH xây dựng nhà máy chế biến gỗ với trữ lượng và công suất như sau: Giai đoạn 1 là 18 năm (2027 - 2044) với sản lượng ước tính là 845.974 m³ gỗ, trung bình 1 năm tại dự án thu hoạch 46.998 m³ gỗ. Giai đoạn 2 là 8 năm (2053 - 2060) với sản lượng ước tính 810.720 m³ gỗ, trung bình 1 năm tại dự án thu hoạch 101.340 m³ gỗ. Tổng hai giai đoạn ước đạt 1.656.691 m³ gỗ. Tổng lợi nhuận trước thuế 13.414 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận từ thu hoạch và chế biến mù cao su chiếm 56,59%, lợi nhuận từ thu hoạch chế biến gỗ chiếm 43,41%. Tỷ suất lợi nhuận/doanh



thu bình quân đạt 29%. Tỷ suất lợi nhuận/VĐL/năm đạt 14%. Về nguồn vốn thực hiện đề án ước sử dụng 2.500 /4.000 tỷ đồng trích từ nguồn vốn khấu hao để lại. Về kết dư nguồn vốn khấu hao suốt chu kỳ ước khoảng 3.200 tỷ đồng, công ty sẽ đề xuất VRG tham gia đầu tư các dự án mới của Tập đoàn tại Việt Nam và Campuchia nhằm phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn (các dự án khu công nghiệp, ngành chế biến gỗ, sản xuất điện sạch...)”.

Tăng trưởng tốt và ổn định

Nhiều năm liền là đơn vị top đầu về trước KH ở khu vực Campuchia, Công ty CPCS Đồng Nai – Kratie đã hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2023 trước 48 ngày. Với nhiều giải pháp vượt khó đồng bộ và sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn thể CB.CNV - LĐ, công ty đã hoàn thành KH năm 2023 đề ra, cụ thể: sản lượng khai thác 9.440 tấn (vượt 28% KH); tiêu thụ 10.315 tấn (vượt 41% KH). Doanh thu 319,65 tỷ đồng (vượt 18% KH), lợi nhuận 3,45 tỷ đồng.

Ông Lê Văn Lâm – TGD Công ty CPCS Đồng Nai Kratie, chia sẻ: “Để phát triển ổn định và bền vững, công ty tiếp tục áp dụng các giải pháp kỹ thuật để khai thác và duy trì năng suất vườn cây bình quân 1,7 tấn/ha/năm. Quan tâm đặc biệt đến công tác chất lượng sản phẩm, đảm bảo được yêu cầu của khách hàng, sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó. Đảm bảo đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận được giao hàng năm. Đặc biệt, có giải pháp tăng năng suất để đảm bảo thu nhập về tiền lương cho NLĐ. Công ty đã thực hiện trả lương thâm niên và lương lễ, lương chủ nhật... Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ, quan tâm các chế độ khen thưởng vào các ngày lễ, Tết, để NLĐ an tâm công tác và gắn bó lâu dài hơn với công ty. Tiếp tục kết nối và tạo sự đồng thuận của người dân quanh vùng về công tác bảo vệ môi trường của dự án trong quá trình hoạt động, làm tiền đề tiến tới mục tiêu sẽ xây dựng công ty phát triển bền vững”.

Những năm qua, diện tích và sản lượng khai thác của khu vực Campuchia không ngừng tăng cao. Cụ thể: năm 2018, diện tích khai thác 33.020 ha, sản lượng 36.034 tấn. Năm 2019, diện tích khai thác 47.000 ha, sản lượng 52.000 tấn. Năm 2020, diện tích khai thác 61.000 ha, sản lượng

86.782 tấn. Năm 2021, diện tích khai thác 74.680 ha, sản lượng 116.100 tấn. Năm 2022, diện tích khai thác 83.325 ha, sản lượng 124.332 tấn. Năm 2023, diện tích khai thác 85.281 ha, sản lượng 140.829 tấn. Dự kiến những năm tiếp theo sản lượng sẽ tăng trung bình 10% năm. Campuchia đang là khu vực có sản lượng lớn thứ 2 của Tập đoàn, sau Đồng Nam bộ. Khu vực này hiện có 9 nhà máy chế biến với công suất 118.900 tấn/năm. Sản phẩm cũng ngày càng đa dạng đáp ứng nhu cầu của khách hàng: SVR 10, 20 (105.900 tấn); RSS (7.000 tấn); SVR 3L, 5 (6.000 tấn). Các dự án tại Campuchia góp phần gia tăng năng lực sản xuất cao su thiên nhiên của Tập đoàn trong bối cảnh diện tích phù hợp cho phát triển cây cao su tại Việt Nam đang có xu hướng giảm dần gần đây.

Tại buổi tiếp xúc với lãnh đạo VRG nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam vào ngày 12/12/2023, Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Campuchia Samdech Thipadei Hun Manet đã đánh giá cao sự đầu tư của Tập đoàn tại Campuchia, cũng như quá trình tham gia xây dựng các cơ sở hạ tầng tại các địa phương, như: trường học, chùa chiền, trung tâm y tế, đường sá, cầu cống và đào tạo nguồn lực trồng cao su. Đặc biệt là việc đưa công nghệ vào quá trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời, Thủ tướng ủng hộ hoàn toàn phương hướng của Tập đoàn trong việc mở rộng đầu tư tại Campuchia và khẳng định Chính phủ Campuchia luôn ủng hộ mọi sự cần thiết không chỉ nhằm thu hút đầu tư mà còn ủng hộ những dự án đã đầu tư. Thủ tướng nhấn mạnh về chủ trương ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp, đảm bảo số lượng và chất lượng sản phẩm phục vụ xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế.

Vượt qua khó khăn, thách thức đạt được nhiều kết quả nổi bật trong năm vừa qua, năm 2024 đa số các công ty cao su trên đất nước Chùa Tháp đều bước sang năm thứ 15 của dự án, chính vì vậy, bên cạnh các giải pháp duy trì vườn cây năng suất cao, các đơn vị cũng xây dựng định hướng phát triển bền vững trong thời gian tới. Đó là tiền đề, động lực để các công ty phấn đấu hơn nữa trong những năm tiếp theo nhằm mang lại hiệu quả trong SXKD cao nhất.



CÁC CÔNG TY CAO SU TẠI LÀO

GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

Nhiều dự án đầu tư tại Lào của VRG đã phát huy hiệu quả và có những đóng góp nhất định vào hoạt động chung của Tập đoàn. Nguồn thu, lợi nhuận từ các dự án đầu tư tại Lào góp phần duy trì sự ổn định trong việc tăng trưởng, phát triển của Tập đoàn và góp phần phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân trong vùng dự án.



Ông Dương Đình Bảng – Trưởng Văn phòng đại diện VRG tại Lào, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Lào (thứ 6 từ trái sang) và ông Ngô Quyền – TGD Công ty CPCS Việt Lào (thứ tư từ trái sang) cùng đại diện doanh nghiệp Việt Nam tại Lào chụp ảnh lưu niệm cùng Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại buổi làm việc của Chủ tịch Quốc hội và Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội nước ta gặp mặt các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào, vào ngày 5/12/2023.

Có chiều hướng tăng trưởng tốt và ổn định

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình lạm phát tại Lào chưa giảm, kinh tế gặp nhiều khó khăn như: giá vật tư, nguyên, nhiên liệu tăng, tỷ giá tiền kip Lào giảm so với các đồng ngoại tệ khác nên lao động có xu hướng qua Thái Lan làm việc. Mặc dù có nhiều khó khăn tác động, như nhờ sự đoàn kết, năng động, sáng tạo, các công ty cao su trực thuộc VRG tại Lào đã vượt qua thách thức để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năm vừa qua, các công ty cao su đã thu hoạch 34.655 tấn mủ; doanh thu đạt 46,937 triệu USD, lợi nhuận 10,352 triệu USD; thu nhập bình quân hơn 5.300 lao động gần 8 triệu đồng/người/tháng, cao hơn so với mặt bằng chung tại địa phương.

Các công ty không chỉ phát triển SXKD, mà còn đặc biệt chú trọng đến đảm bảo phúc lợi cho NLĐ, an sinh xã hội tại vùng dự án. Điều này đã góp phần mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho NLĐ, góp phần thay đổi diện mạo địa phương nơi cao su đứng chân, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của 2 đất nước, tô thắm tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai dân tộc.

Điểm sáng nổi bật của khu vực

Là “anh cả” tại khu vực Lào, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự linh hoạt trong điều hành, sự đoàn kết chung sức đồng lòng vượt khó của NLĐ, Công ty CPCS Việt Lào luôn hoàn thành các tốt chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Năm vừa qua, công ty khai thác 18.500

Đánh giá về kết quả hoạt động của các công ty cao su khu vực Lào, ông Lê Đình Bửu Trí – Phó TGD VRG, cho biết: “Hơn 18 năm đầu tư tại Lào, Tập đoàn hiện có 6 công ty cao su tại Lào thực hiện 7 dự án trồng cao su trên địa bàn 5 tỉnh biên giới, với 26.368 ha cao su, trong đó có 21.836 ha khai thác. Các dự án cao su đã được triển khai từ 13 - 18 năm, với tổng số vốn đầu tư 146,571 triệu USD. Hiện nay đã có 2 công ty có lợi nhuận chuyển về nước. Trong 4 năm trở lại đây, chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của các dự án cao su tại Lào có xu hướng tăng nhờ diện tích vườn cây đưa vào khai thác tăng, sản lượng mủ khai thác tăng dần qua các năm. Tuy giá bán mủ cao su chưa đạt như kỳ vọng nhưng khá ổn định nên hiệu quả của việc đầu tư ra nước ngoài dần thay đổi theo chiều hướng tích cực, nhiều công ty đã dần bù lỗ lũy kế giai đoạn đầu dự án mới đưa vào hoạt động và bắt đầu có lãi để chuyển lợi nhuận về nước theo quy định. Các công ty đã tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 5.300 lao động với thu nhập ngày càng tăng, đảm bảo NLĐ được hưởng đầy đủ các dịch vụ y tế, giáo dục, tôn giáo. Các đơn vị còn thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng xã hội trong và ngoài vùng dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân địa phương”.

tấn (vượt 5,11% KH), 9 năm liên tục sản lượng khai thác trên 2 tấn/ha; tiêu thụ 20.486 tấn (vượt 7,82% KH); doanh thu gần 705 tỷ đồng (đạt 99,8% KH); lợi nhuận trước thuế 177,9 tỷ đồng (vượt 4,22% KH); lợi nhuận sau thuế 142,32 tỷ đồng (vượt 4,22% KH); tiền lương bình quân NLĐ 8 triệu đồng/người/tháng.

Ông Ngô Quyền – TGD Cao su Việt Lào, chia sẻ: “Công ty đang quản lý diện tích gần 10.033 ha trải dài trên 2 huyện Sanasumbun và Bachiang của tỉnh Champasak. Trong thời gian tới, công ty sẽ gặp không ít những khó khăn tác động đến việc thực hiện kế hoạch SXKD như: tình hình biến động lao động, sản lượng của vườn cây có chiều hướng giảm theo chu kỳ, thời tiết kéo cực đoan kéo dài, an ninh trật tự trong vùng dự án ngày càng diễn biến phức tạp... Từ thực tế đó, công ty đã có 4 nhóm giải pháp then chốt để phát triển ổn định. Đặc biệt, để phát triển bền vững, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện lộ trình thanh lý tái canh giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, xây dựng bộ cơ cấu giống phù hợp với thổ nhưỡng đơn vị. Tăng cường phối hợp đào tạo đội ngũ quản lý vườn cây bằng các phần mềm GIS, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý vườn cây”.





CÁC CÔNG TY CAO SU MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ỔN ĐỊNH VIỆC LÀM, NÂNG CAO THU NHẬP LAO ĐỘNG BẢN ĐỊA

Khu vực MNPB có điều kiện khí hậu và môi trường ít thuận lợi hơn so với nhu cầu sinh thái của cây cao su. Song với sự quan tâm của lãnh đạo VRG, sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền các tỉnh vùng dự án, đến nay 9 công ty thuộc Tập đoàn đã và đang đem lại những hiệu quả trong việc tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân bản địa, đảm bảo an sinh xã hội vùng sâu vùng xa, góp phần cùng bản làng thay áo mới.



Góp ý kỹ thuật khai thác cho công nhân Cao su Lai Châu II

Thành quả trên vùng đất khó

Năm 2023, mặc dù gặp nhiều khó khăn, song bằng sự quyết tâm, đoàn kết, đồng lòng của tập thể CB.CNV LĐ, các công ty khu vực miền núi phía Bắc (MNPB) đã cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD, nhiều chỉ tiêu có mức tăng trưởng cao so với năm 2022, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước. Các công ty có tổng doanh thu trên 736 tỷ đồng (đạt 80% KH). Đặc biệt có 2 đơn vị đạt doanh thu với tỷ lệ từ 100% so với KH: Dầu Tiếng - Lai Châu và Dầu Tiếng - Lào Cai. Tổng lợi nhuận trước thuế của các công ty 210 tỷ đồng, trong đó 3 công ty

có lợi nhuận: Điện Biên, Dầu Tiếng - Lai Châu, Dầu Tiếng - Lào Cai. Nộp ngân sách Nhà nước 21,2 tỷ đồng.

Các công ty thường xuyên quan tâm tạo điều kiện và thực hiện tốt mọi chế độ chính sách đối với NLĐ, tạo việc làm ổn định thường xuyên cho NLĐ và hộ nhận khoán. Tiền lương bình quân khu vực MNPB đạt 5,81 triệu đồng/người/tháng (cao hơn năm 2022 là 8%). Những đơn vị có mức lương bình quân cao gồm: Dầu Tiếng - Lai Châu 6,8 triệu đồng/người/tháng; Dầu Tiếng - Lào Cai 6,4 triệu đồng/người/tháng; Lai Châu 6,1 triệu đồng/người/tháng; Điện Biên 6

triệu đồng/người/tháng. Để động viên, khích lệ NLĐ trong các phong trào thi đua, các đơn vị đã thường xuyên khen thưởng động viên. Trong đó, ưu tiên lao động trực tiếp, lao động đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2023, các công ty đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trên 750 triệu đồng.

Bên cạnh đó, các công ty thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội; công tác xã hội, từ thiện, nghĩa vụ đối với Nhà nước, với địa phương nơi đơn vị đứng chân, giá trị ủng hộ năm 2023 hơn 400 triệu đồng. Các công ty cao su thực sự góp phần xây dựng nông thôn mới, điều này thể hiện rõ nhất là đời sống bà con được nâng cao hơn, ấm no hơn từ khi có sự hiện diện của cây cao su nơi vùng cao. Nhất là đối với những hộ gia đình có đất góp với các công ty sản xuất cao su, đồng thời trực tiếp tham gia làm công nhân cao su.

Điểm sáng ở khu vực Tây Bắc

Sau 15 năm xây dựng và phát triển, Công ty CPCS Điện Biên hiện quản lý hơn 3.724 ha cao su, trải dài trên địa bàn 16 xã, 105 thôn bản thuộc các huyện Điện Biên, Mường Chà, Tuần Giáo, Mường Ảng và thành phố Điện Biên Phủ. Đến nay, công ty đã đưa vào khai thác trên 3.305 ha cao su đạt sản lượng cao, chất lượng tốt, có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương và chăm lo tốt đời sống NLĐ. Năm vừa qua, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức sản xuất, tuy nhiên, với những giải pháp chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành, công ty đã đạt được những thành quả nổi bật. Công ty luôn vượt cao kế hoạch sản lượng nhiều năm liền. Sản lượng khai thác từ năm 2017 - 2023 hơn 17.912 tấn mù quy khô, nhiều năm liền vượt cao kế hoạch sản lượng, cụ thể: năm 2019 đạt 1.873 tấn (vượt 7,3% KH), năm 2020 đạt 2.851 tấn (vượt 25,2% KH), năm 2021 đạt 3.611 tấn (vượt 30,3%), năm 2022 đạt 3.902 tấn (vượt 24,1% KH), năm 2023 đạt 4.120 tấn (vượt 3% KH)

Ông Nguyễn Công Tám - TGD Công ty CPCS Điện Biên, cho biết: “Công ty đã giải quyết việc làm cho 855 lao động, trong đó có 782 lao động (91,35%) là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương với thu nhập bình quân 6 triệu đồng/người/tháng (vượt 21% KH). Trong năm, công ty đã thực hiện chi trả tiền phần chia sản

phẩm cho gần 3.860 hộ dân với số tiền trên 9,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, công ty thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn; tham gia tích cực vào chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương”.

Vững vàng trước khó khăn, Cao su Điện Biên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao. Những thành quả đã đạt được chính là động lực để công ty sôi nổi lao động sản xuất, với khí thế mới, kỳ vọng nhiều thành công mới, xứng đáng là ngọn cờ đầu trong lĩnh vực SXKD cao su ở Tây Bắc.

Đánh giá về kết quả của các công ty cao su khu vực MNPB, ông Huỳnh Kim Nhật – Phó TGD VRG cho biết: “Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn song với sự đoàn kết, quyết tâm cao của toàn thể CB.CNV LĐ, các công ty cao su khu vực MNPB đã vượt qua mọi khó khăn thực hiện tốt nhiệm vụ. 28.715 ha cao su đứng vững với diện tích mở tạo mỗi năm càng nhiều, đã đem lại hiệu quả SXKD tốt cho các công ty và thu nhập ổn định cho NLĐ. Cây cao su đã góp phần chuyển dịch được cơ cấu cây trồng trong sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Các chế độ chính sách đối với NLĐ được đảm bảo, chi trả giá trị bán mủ cho đồng bào góp đất trồng cao su được thực hiện có hiệu quả đã tạo không khí vui tươi phấn khởi đối với bà con cũng như các cấp Đảng, chính quyền địa phương trồng cao su”.

Khu vực MNPB gồm 9 công ty CPCS: Lai Châu, Lai Châu II, Dầu Tiếng – Lai Châu, Điện Biên, Mường Nhé – Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Hà Giang, Dầu Tiếng – Lào Cai; hoạt động trên địa bàn 6 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Hà Giang. Các công ty quản lý 28.715 ha cao su, trong đó, vườn cây KTCB trên 7.191 ha, vườn cây khai thác hơn 21.491 ha. Khu vực MNPB có 2 nhà máy chế biến tại Sơn La và Lai Châu. Tổng CB.CNV LĐ 5.020 người, hộ nhận khoán 1.293, trong đó trung bình từ 90 - 95% là người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn hoạt động của các công ty.



CÁC CÔNG TY CAO SU DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

TỪNG BƯỚC KHỞI SẮC

Chưa có năm nào mà các công ty cao su Duyên hải miền Trung (DHMT) đua nhau hoàn thành, vượt mức kế hoạch trước thêm xuân mới như năm nay. Tuy còn nhiều khó khăn song nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo VRG, cũng như sự phấn đấu, nỗ lực của toàn thể người lao động, các công ty cao su khu vực DHMT đã hoàn thành nhiệm vụ. Đây là tiền đề để các đơn vị tiếp tục thực hiện và hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2024.



Công nhân đồng bào dân tộc thiểu số trên vườn cây Cao su Nghệ An

Hăng say thi đua lao động

Những ngày giáp Tết, chúng tôi vòng quanh dải Bắc miền Trung, đến với các công ty cao su Quảng Trị, Hương Khê, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa. Đi đâu đến đâu, chúng tôi cũng đều bắt gặp niềm vui khôn xiết hiện rõ trên khuôn mặt của CB.CNV LĐ. Đó là niềm vui đã hoàn thành “sứ mệnh” trách nhiệm của mình đối với Tập đoàn. Điều này đồng nghĩa với việc, đời sống của những người làm cao su trên dải đất khắc nghiệt đầy nắng gió này đang từng bước khởi sắc.

Điểm đến đầu tiên của chúng tôi là Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị. Công ty lập nghiệp giữa vùng đất “chết” bởi cuộc chiến tranh tàn khốc để lại. Thế nhưng được sự quan tâm của lãnh đạo Tập đoàn, sự hỗ trợ của lãnh đạo và nhân dân địa phương, cùng với sự đoàn kết vượt khó của tập thể NLĐ đã có được thành quả ngày hôm nay. Ông Văn Đức Dũng – TGD Cao su Quảng Trị, tâm sự: “Năm 2023, công ty đưa vào khai thác 1.404,8

ha, trong đó diện tích cao su mở mới 221,82 ha. Tổng sản lượng đạt 1.985 tấn (vượt 16% KH); doanh thu 219,7 tỷ đồng (vượt 56,8% KH), lợi nhuận trước thuế đạt 13,5 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 10,37 tỷ; nộp ngân sách 7,4 tỷ (vượt 39% KH).

Đến thăm NT Cồn Tiên – đơn vị về đích trước 42 ngày. NT có hơn 529 ha khai thác, sản lượng mùn năm 2023 là 742 tấn, trong đó có những lô đạt 1,6 tấn/ha, bình quân đạt 1,44 tấn/ha. NT đều vượt các chỉ tiêu được giao ở mức cao. Anh Nguyễn Thành Nam - Công nhân khai thác NT Cồn Tiên vui vẻ tâm sự: “Vợ chồng tôi đều làm công nhân cao su, nhận chăm sóc bảo vệ vườn cây, với 9 ha khai thác năng suất mùn đạt 15 tấn. Mức lương thu nhập bình quân trong năm 2023 đạt 13 triệu đồng/tháng, có những tháng đạt 23 triệu đồng. Nhờ có mức lương thu nhập khá cao nên gia đình đã xây được nhà ở khang trang, mua sắm các trang thiết bị tiện nghi sinh hoạt, có tiền đảm bảo cho con cái ăn học”.

Rời Cao su Quảng Trị chúng tôi đến với Công



ty CP ĐTPT Cao su Nghệ An, thăm NT 12/ 9 – đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ giao. NT 12/9 có thu nhập bình quân của những hộ nhận khoán cao mủ khá cao. Trong đó, điển hình như vợ chồng công nhân Lì Xi Dia có những tháng lương thu nhập 36 triệu đồng, trên diện tích khai thác 17,2 ha. Vợ chồng công nhân Nguyễn Bá Lâm nhận khoán 15,7 ha, tháng thu nhập cao nhất 39 triệu. Vợ chồng công nhân Lâu Bá Xồng nhận khoán 14,4 ha, bình quân lương đạt từ 28 - 29 triệu/tháng... Giám đốc NT Hoàng Đình Kỳ tự hào nói: “Nhờ sự đầu tư các cụm nhà ở cho các cặp vợ chồng công nhân ăn ở tại chỗ, đồng thời trang bị dụng cụ sản xuất, nâng cấp hệ thống giao thông đi lại đến tận nơi sản xuất nên chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đời sống NLD được nâng lên đáng kể”.

Ổn định sản xuất, chăm lo cho người lao động

Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê là đơn vị gặp khá nhiều khó khăn nhưng nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Tập đoàn, cùng với sự nỗ lực vượt khó nên đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ. Chia sẻ về kết quả SXKD, ông Võ Sỹ Lực – TGD công ty cho biết: “Với hơn 2.125 ha cao su kinh doanh, sản lượng khai thác mủ năm 2023 đạt 2.150 tấn (vượt 34,4% KH); tiêu thụ đạt 2.040 tấn; doanh thu hơn 65 tỷ đồng. Với kết quả trên có thể khẳng định đây là năm bản lề để công ty tiếp tục phát triển, tiến tới sẽ làm ăn có lãi”.

Cũng là đơn vị khó khăn kéo dài từ nhiều năm nay, Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh đã nỗ lực vượt qua tất cả để tập trung SXKD có hiệu quả. Ông Nguyễn Khánh Toàn – TGD công ty cho biết: “Năm 2023 với tổng diện tích khai thác 2.893,7

ha; sản lượng mủ khai thác và thu mua 2.500 tấn; chế biến 3.755 tấn; doanh thu hơn 97,3 tỷ đồng, lợi nhuận 9 triệu đồng; nộp thuế 2,9 tỷ đồng. Mọi chế độ chính sách đối với NLD đều đảm bảo và kịp thời...”.

Bước vào thêm xuân mới Giáp Thìn, các công ty cao su khu vực DHMT tiếp tục hành trang, sẵn sàng vượt khó, vươn tới những thành tựu mới. Với sự chung sức, đồng lòng của toàn thể NLD cùng với những giải pháp linh hoạt, đồng bộ, thi đua hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, các công ty sẽ tiếp tục phát triển, bảo toàn vốn Nhà nước, góp phần nâng cao mức sống NLD ngày một ổn định, phát triển.

VRG có 9 công ty TNHH MTV tại khu vực DHMT: Bình Thuận, Hà Tĩnh, Hương Khê – Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Nam Giang - Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Ngãi. Với 20.181 ha cao su đang kinh doanh, năm 2023 các công ty khai thác 19.207 tấn (vượt 1% KH). Cao su Bình Thuận có kết quả SXKD nổi bật, năm vừa qua, công ty khai thác 4.982 tấn (vượt 6% KH), duy trì là thành viên Câu lạc bộ 2 tấn của VRG. Doanh thu, lợi nhuận đều cao hơn so năm 2022, đặc biệt là thu nhập người lao động vượt 10% so với năm 2022, cụ thể: doanh thu 511,24 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế gần 70 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước 38,2 tỷ đồng. Ổn định đời sống, việc làm cho 1.132 lao động với thu nhập bình quân hơn 9,5 triệu đồng/người/tháng.



KHU CÔNG NGHIỆP ĐEM LẠI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng chung khi nền kinh tế còn nhiều khó khăn, các khu công nghiệp đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch được giao, hỗ trợ doanh nghiệp với nhiều dịch vụ đa dạng. Các khu công nghiệp tiếp tục đóng góp không nhỏ vào doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn.



Ông Nguyễn Hoàng Anh - Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (thứ 2 từ trái sang) nghe lãnh đạo VRG giới thiệu về các dự án của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, vào ngày 30/8/2023

Lợi nhuận năm 2023 gần 1.175 tỷ đồng

Khu công nghiệp (KCN) là lĩnh vực rất quan trọng của VRG, Tập đoàn đang đầu tư vào 11 công ty hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN (Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh, Bình Long, Cộng Hòa, Thống Nhất, VRG Long Thành, Nam Pleiku). Với 16 dự án, tổng diện tích hơn 6.566 ha, nằm tập trung tại các tỉnh/thành: TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Gia Lai. Những năm qua, các KCN chia cổ tức bình quân trên 40%, một số KCN trên 60%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân trên 60%.

Năm 2023, tình hình kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn khó khăn cũng như sự bất ổn chính trị tại một số khu vực trên thế giới gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD, thu hút đầu tư. Nhiều doanh nghiệp chuẩn bị triển khai dự án trong KCN nhưng do suy thoái kinh tế toàn cầu, nên gặp khó khăn trong việc huy động vốn nên phải tạm ngưng. Các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN, một số doanh nghiệp phải cắt giảm sản xuất do không có đơn hàng dẫn đến ảnh hưởng đến nguồn thu của KCN. Do thủ tục mở rộng KCN còn gặp nhiều khó khăn nên một vài đơn vị KCN chưa thể thực



Các khu công nghiệp ký kết giao ước thi đua năm 2024, vào ngày 14/12/2023.

hiện kế hoạch (KH) cho thuê đất ở phần diện tích đất mở rộng đã làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, tuy nhiên, các đơn vị KCN đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu SXKD. Doanh thu ước 2.177 tỷ đồng, bằng 88,4% kế hoạch (do không có quỹ đất để cho thuê mới nên nguồn thu chủ yếu đến từ thu phí dịch vụ, lãi tiền gửi, phân bổ doanh thu dài hạn); lợi nhuận gần 1.175 tỷ đồng (vượt 12% KH). Đơn vị đạt doanh thu cao nhất 116% KH; lợi nhuận sau thuế đơn vị đạt cao nhất 126% KH. Các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ; chỉ tiêu về thu nhập của NLĐ; tỷ lệ chia cổ tức nhìn chung đều đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra, cụ thể: tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 64% (vượt 6,9% KH); thu nhập bình quân 16 triệu đồng/người/tháng (vượt 10,5% KH).

Nhiều kết quả khả quan

Là KCN thành lập đầu tiên của VRG, trải qua 18 năm hoạt động, Công ty CP KCN Nam Tân Uyên là một trong những đơn vị “anh cả” nhiều năm liền. Năm 2023, lợi nhuận sau thuế của KCN Nam Tân Uyên hơn 300 tỷ đồng (vượt 5,5% KH), tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ 105%; nộp ngân sách Nhà nước 226 tỷ đồng (đạt 100% KH), tỷ lệ chia cổ tức 60%; thu nhập bình quân 16 triệu đồng/người/tháng (vượt 14,3% KH).

Ngày 1/3/2024, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã ký Quyết định 214/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Hiệp Thạnh - giai đoạn 1, tỉnh Tây Ninh cho VRG. Dự án được thực hiện tại ấp Đá Hàng và ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Tổng vốn đầu tư của dự án là 2.350 tỷ đồng. Quy mô sử dụng đất của dự án là 495,17 ha (không bao gồm phần diện tích: đường Xóm Bó - Bàu Đôn; kênh thủy lợi N8; tuyến đường quy hoạch cao tốc Gò Dầu - Xa Mát và đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh đi qua dự án).

KCN Nam Tân Uyên đang quản lý và khai thác 966,5 ha đất trên địa bàn, bao gồm 3 dự án KCN. Trong đó, dự án KCN Nam Tân Uyên có diện tích 331,97 ha thu hút 128 nhà đầu tư, tổng vốn đầu tư gần 0,5 tỷ USD; dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng – giai đoạn 1 có diện tích 288,52 ha thu hút 110 nhà đầu tư, tổng số vốn gần 0,4 tỷ USD; dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng – giai đoạn 2 có diện tích 345,86 ha hiện đang triển khai thực hiện đầu tư.

Luôn tạo thuận lợi tối đa cho DN, nhà đầu tư, ông Hà Trọng Bình – TGD Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, chia sẻ: “Việc triển khai dự án mở rộng, quảng bá và thu hút đầu tư, tăng diện tích cho thuê là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của KCN Nam Tân Uyên trong thời gian tới. Công ty luôn đặt tiêu chí bảo đảm nền tảng hợp tác với nhà đầu tư trên cơ sở các bên cùng có lợi, xây dựng niềm tin cho các nhà đầu tư ngay từ ngày đầu triển khai dự án. Với các chiến lược, giải pháp năm 2024, KCN Nam Tân Uyên kỳ vọng sẽ đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Bình Dương và sự phát triển của VRG”.

Khu công nghiệp xanh và phát triển bền vững Hướng đến KCN xanh và phát triển bền vững, không chỉ hoàn thành KH được giao, các công ty KCN còn tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, phối hợp tốt với chính quyền địa phương thực hiện công tác chăm lo hỗ trợ về



đời sống tinh thần vật chất cho các gia đình có công với cách mạng, gia đình thuộc diện hộ nghèo; tham gia đóng góp cho các chương trình xây nhà tình thương, tình nghĩa, quỹ hỗ trợ học tập, quỹ khuyến học, quỹ phòng chống thiên tai... với tổng số tiền năm 2023 hơn 2 tỷ đồng.

Các đơn vị KCN đã đạt được nhiều hạng mục khen thưởng bộ ngành, địa phương trong năm 2023. KCN VRG Sài Gòn, Nam Tân Uyên và Tân Bình được VietNam Report bình chọn nằm trong top 10 Công ty Bất động sản Công nghiệp uy tín năm 2023. Nổi bật nhất trong năm là KCN Tân Bình với doanh thu 333 tỷ đồng (vượt 15,6% KH); lợi nhuận sau thuế 195,3 tỷ đồng (vượt 25,2% KH); tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 122% (vượt 25,12% KH); dự kiến chia cổ tức năm 2023 là 75% (vượt 150% KH), cao nhất trong các KCN trực thuộc VRG. Công ty luôn phối hợp tốt với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. Đặc biệt, trải qua hơn 10 năm hoạt động hướng đến một khu công nghiệp xanh và phát triển bền vững, nhiều năm liền KCN Tân Bình có 5 năm liên tiếp (2019 – 2023) thuộc top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững

Việt Nam cấp. Chia sẻ về chiến lược phát triển bền vững, ông Nguyễn Quốc Thái – Phó TGD Công ty CP KCN Tân Bình, cho biết: “Công ty xây dựng hệ thống nhận diện chung về thương hiệu của VRG; xây dựng dữ liệu chung khách hàng hiện hữu và tiềm năng nhằm phục vụ cho công tác xúc tiến và mở rộng KCN; xây dựng và triển khai chuyển đổi công nghệ số doanh nghiệp, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp FDI tham gia đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ cho người lao động cả về số lượng và chất lượng”.

Với mục tiêu thân thiện với môi trường trong nỗ lực giảm chất thải và ô nhiễm, chia sẻ hiệu quả các tài nguyên, cùng với sự kết hợp toàn diện của hạ tầng vững chắc đồng bộ, hệ sinh thái dịch vụ đa dạng, đặc biệt là môi trường sản xuất sạch nhiều cây xanh, các KCN đang chuyển đổi xanh với những dự án phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu quả, phát huy thế mạnh các khu công nghiệp

Nhiều năm qua, Công ty CP KCN Dầu Giây luôn dẫn đầu về thu nhập của NLĐ trong khối KCN. Chia sẻ về kết quả hoạt động năm 2023, ông Nguyễn Thành Sơn – TGD KCN Dầu Giây,

cho biết: “Năm 2023, KCN Dầu Giây đạt doanh thu trên 163 tỷ đồng (vượt 3,5% KH), lợi nhuận sau thuế hơn 90 tỷ đồng (vượt 11% KH), tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 75% (vượt 10,5% KH); tỷ lệ chia cổ tức 55%; thu nhập bình quân 30 triệu đồng/người/tháng (vượt 3,5% KH)”.

Với việc thực hiện dự án nhà xưởng cho thuê nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Nâng cao nguồn thu cho công ty từ các dịch vụ cho thuê khác, như: bến bãi, mặt bằng đặt máy ATM, cho thuê đặt bảng quảng cáo... Nhờ vậy, năm vừa qua, KCN Long Khánh đã vượt cao các chỉ tiêu đề ra. Ông Nguyễn Văn Phước – Phó TGD Công ty CP KCN Long Khánh, chia sẻ: “Năm 2023, KCN Long Khánh đạt doanh thu trên 137 tỷ đồng (vượt 8,5% KH), lợi nhuận sau thuế hơn 61 tỷ đồng (vượt 11,3% KH), tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 53% (vượt 11,4% KH); nộp ngân sách Nhà nước 20 tỷ đồng (vượt 4% KH), tỷ lệ chia cổ tức 45% (đạt 100% KH); thu nhập bình quân trên 18 triệu đồng/người/tháng (vượt 11% KH)”.

Năm 2024, VRG tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng KCN/CCN ở các đơn vị thành viên có vốn góp Tập đoàn. Đối với dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2, hỗ trợ công ty tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Bình Dương để được ký hợp đồng thuê đất, triển khai các công trình hạ tầng kỹ thuật để đưa vào kinh doanh trong năm 2024. Đối với các dự án KCN Minh Hưng III mở rộng, KCN Rạch Bắp mở rộng, KCN Bắc Đồng Phú mở rộng, CCN Minh Hưng 1,2 Thanh Phú và Phú Riềng, Long Tân, tiếp tục hỗ trợ các công ty phối hợp với sở ban ngành địa phương và Bộ ngành Trung ương thực hiện các nội dung giải trình để sớm hoàn thành thủ tục...

Nhận định về lĩnh vực đầu tư KCN của VRG trong chuyến thăm và làm việc tại KCN Nam Tân Uyên vào ngày 30/8/2023, ông Nguyễn Hoàng Anh – Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đánh giá cao sự chuyển đổi cơ cấu, phát huy thế mạnh, đẩy mạnh đầu tư phát triển KCN của Tập đoàn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thời gian tới, Tập đoàn đánh giá một cách tổng thể, xác định rõ diện tích đất cần giữ lại để phát triển cao su cũng như diện tích cần chuyển đổi, đầu tư KCN nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đặc biệt, Tập

đoàn cần tiếp tục nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các nước, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để phát triển lĩnh vực cao su cũng như phát triển nhiều sản phẩm khác nhằm xây dựng thương hiệu cho Tập đoàn. Bên cạnh đó, các KCN cần tận dụng hạ tầng, sử dụng hạ tầng một cách tốt nhất và phát huy tối đa thế mạnh sẵn có, cùng đoàn kết xây dựng Tập đoàn vững mạnh, góp phần xây dựng Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ngày càng phát triển.



Mặc dù bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu dẫn đến thu hút đầu tư giảm, lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN gặp khó khăn, tuy nhiên, các KCN trực thuộc VRG đã thực hiện tốt nhiệm vụ, đóng góp không nhỏ vào doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn. Trong những năm qua, các KCN Tập đoàn đã thu hút hơn 700 doanh nghiệp với vốn đầu tư 9.119 triệu USD và 24.714 tỷ đồng, tạo ra hơn 260.000 công việc cho người lao động, đóng góp đáng kể cho ngân sách địa phương, góp phần giải quyết vấn đề an sinh xã hội. Hoạt động kinh doanh hạ tầng KCN đã phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả cao và ngày càng chiếm tỉ trọng trong doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn, góp phần phát huy hiệu quả sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của Nhà nước” – ông Đỗ Hữu Phước – Phó TGD VRG, nhận định.



GIẢI PHÁP TIÊU THỤ NGÀNH GỖ NĂM 2024 NHỮNG DẤU HIỆU LẠC QUAN

Trong lĩnh vực chế biến gỗ, VRG xây dựng kế hoạch sản xuất gỗ các loại (gỗ phôi, gỗ ghép tấm, gỗ tinh chế, gỗ MDF) với sản lượng trên 1,247 triệu m³, bằng 106% đến 189% so với ước thực hiện năm 2023. Đó kế hoạch và cũng là mục tiêu cụ thể của Tập đoàn đối ngành gỗ trong năm 2024.



Gỗ Thuận An đa dạng các mẫu mã tự thiết kế đáp ứng nhu cầu khách hàng

Mở rộng thị trường tiêu thụ

Tại Hội nghị đánh giá công tác chế biến SXKD lĩnh vực gỗ năm 2023 của VRG, các đại biểu nhận định, năm 2024 thương mại toàn cầu vẫn tiềm ẩn những biến động khó lường khi quan hệ ngoại giao, kinh tế giữa các nền kinh tế lớn đang trở nên căng thẳng. Chiến tranh thương mại giữa các cường quốc và chủ nghĩa bảo hộ mang đến những nguy cơ, tác động tiêu cực đối với xuất khẩu của Việt Nam nói chung và ngành chế biến gỗ nói riêng.

Cũng tại đây, ông Lê Thanh Hưng – TGD VRG chỉ đạo: “Trong bối cảnh khó khăn, các đơn vị thành viên Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực gỗ cần phát huy hiệu quả thế mạnh của mình, đồng thời xem xét, đánh giá lại năng lực sản xuất và tái cấu trúc các doanh nghiệp hiện hữu cũng như đề ra một số định hướng đối với ngành gỗ Tập đoàn trong thời gian tới. Các đơn vị thành viên cần phải chủ động nguồn nguyên

liệu, sản xuất sản phẩm có nguồn gốc chứng chỉ rừng bền vững, đồng thời xây dựng phương án sản xuất sản phẩm mới như viên nén, nhóm sản phẩm...; tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại bằng nhiều hình thức. Trong đó công tác chuyển đổi số đang là xu hướng tối ưu...”.

Là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực SXKD các sản phẩm gỗ tinh chế, năm 2023 Công ty CP chế biến gỗ Thuận An đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Để có được thành quả đó, Gỗ Thuận An không ngừng tìm kiếm thêm khách hàng mới qua các kênh như: tham gia hội chợ triển lãm, sàn thương mại điện tử. Web của công ty thường xuyên cập nhật những thông tin, mẫu mã, sản phẩm mới công ty tự thiết kế lên Showroom 3D nhằm giới thiệu và mang sản phẩm của công ty đến gần hơn với khách hàng, thúc đẩy cơ hội tìm kiếm đơn hàng, khách hàng mới. Bà Lê Thị Xuyên – TGD Công ty CP chế biến gỗ Thuận An cho biết: “Chính những giải pháp đó không chỉ giúp cho đơn vị chúng tôi giữ chân được khách hàng mà còn mở rộng được thị trường từ những khách hàng mới. Chỉ tính riêng những tháng cuối năm 2023, chúng tôi đã có thêm 5 đơn hàng mới cho năm 2024. Hiện nay chúng tôi phải cho công nhân làm tăng ca mới kịp tiến độ giao hàng”.

Đối với Công ty TNHH MTV chế biến gỗ Đông Hòa, đã và đang thực hiện các giải pháp “triển khai các mẫu sản phẩm đáp ứng yêu cầu nhanh khách hàng”, đồng thời rút ngắn thời gian làm mẫu từ 2 đến 3 tuần xuống còn 7 đến 10 ngày. Không chỉ thế, sản phẩm của Rubico Đông Hòa được triển lãm tại nhiều thị trường khác nhau như: Hội chợ Hawa Expo Quận 7, TP.HCM,

Hội chợ triển lãm đồ gỗ Shanghai tại Trung Quốc, Hội chợ triển lãm ngành gỗ Sydney ở Úc, Newzerland, Trung Đông ở Doha của Qatar, thị trường Mỹ ở High Point của bang Carolina và Canada. Từ cách tiếp cận thị trường như vậy, số lượng khách hàng gửi đơn hàng thường xuyên tăng từ 5 lên 8 khách hàng.

Đối với các dòng sản phẩm MDF, bên cạnh việc phát triển các dòng sản phẩm mới thay thế hàng nhập khẩu, Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang tiếp tục duy trì tốt việc cung cấp hàng cho các khách hàng hiện tại. Với phương châm giữ khách hàng bằng cách duy trì đảm bảo chất lượng để có được sự tín nhiệm và thường xuyên gửi đơn hàng. Ngoài ra, MDF Kiên Giang còn chấp nhận sản xuất các lô hàng đặc biệt công thức riêng với số lượng nhỏ (các công ty khác không thể chạy ở sản lượng tối thiểu thấp) cũng như sắp xếp kế hoạch chạy hàng linh động đáp ứng thời gian giao hàng tốt cho khách hàng nên được khách hàng thường ưu tiên đặt hàng cho các trường hợp này. Riêng thị trường Campuchia trong tương lai rất có tiềm năng nên sẽ tiếp tục đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Chiến lược dài hạn

Với mục tiêu phát triển bền vững, hiện nay Tập đoàn đã và đang xây dựng, định vị thương hiệu VRG trong lãnh vực ngành gỗ nhằm tận dụng lợi thế lớn về thương hiệu VRG trên thị trường. Khuyến khích các đơn vị sử dụng các nội dung quảng bá sản phẩm và đơn vị của mình dưới các hình thức như: “Thành viên của Tập đoàn Cao su Việt Nam/Member of Việt Nam Rubber Group” hay “Sản phẩm thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam/ Product of VRG”... Các công ty phối hợp với Ban Thị trường Kinh doanh từng bước xây dựng lộ trình phát triển thương hiệu chung các sản phẩm có mang thương hiệu VRG. Bên cạnh đó, xây dựng chương trình thu thập dữ liệu, sản phẩm, thông tin của các đơn vị thành viên giới thiệu trên trang web của Tập đoàn, tăng cường quảng bá sản phẩm trên không gian mạng tạo thêm một kênh thông tin chính thống khẳng định các sản phẩm chính của Tập đoàn giúp

các đơn vị nâng cao vị thế trên thương trường; xây dựng kế hoạch, tham gia các đoàn xúc tiến thương mại trọng tâm trọng điểm vào các khách hàng lớn quan trọng.

Theo phân tích của Ban Công nghiệp VRG, nhu cầu sử dụng viên nén tại thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng. Chính phủ Việt Nam đang có những nỗ lực rất lớn trong thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, đưa mức phát thải ròng về 0 cho tới năm 2050. Từ đó, có thể sẽ tạo ra những cơ chế đặc biệt, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nhiên liệu với mức phát thải cao chuyển đổi sang sử dụng nguồn nguyên liệu sạch hơn, bao gồm nhiên liệu sinh khối, hoặc viên nén, nên khả năng nhu cầu viên nén tại nội địa cũng sẽ mở rộng rất lớn trong tương lai. Và đây chính là lĩnh vực để Tập đoàn tận dụng tối đa tiềm năng và thế mạnh của mình để phát triển bền vững.

Bên cạnh chiến lược xây dựng thị trường, xây dựng thương hiệu, đa dạng hóa sản phẩm..., để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động SXKD, ngành gỗ Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch thanh lý tái canh theo đúng định hướng và mục tiêu đảm bảo sản lượng gỗ nguyên liệu cho sản xuất bền vững. Ngoài nguyên liệu cao su trong nước, theo thuyết minh đề án xây dựng phương án, lộ trình tổ chức sản xuất và kế hoạch tái canh cao su chu kỳ II tại khu vực Campuchia, Lào do Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam xây dựng cho thấy, dự kiến trữ lượng gỗ đến hết chu kỳ I tại 2 khu vực này là rất lớn, do đó phải hoạch định chiến lược chế biến gỗ tại khu vực này là nhiệm vụ cấp thiết.

Theo đó, Ban Kế hoạch Đầu tư VRG đề xuất cụ thể như sau: Giai đoạn đầu (2024 - 2026) do trữ lượng thanh lý thấp nên chỉ tập trung quy hoạch sản xuất gỗ phôi và dăm gỗ vận chuyển về nước. Tiếp theo đó sẽ xem xét xây dựng một nhà máy viên nén có công suất phù hợp tại Campuchia (có thể xem xét hợp tác bao tiêu với các đối tác nước ngoài) để có cơ sở định hướng quy hoạch đầu tư. Trong giai đoạn kế tiếp (sau năm 2026), trên cơ sở nghiên cứu khả thi sẽ thành lập các cơ sở sản xuất chủng loại sản phẩm gỗ phù hợp như ghép tấm, tinh chế tùy vào điều kiện về thị trường và xuất khẩu tại chỗ để giảm chi phí logistic.



VRG hiện có 6 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, ước tổng doanh thu năm 2023 khoảng 880 tỷ đồng (73% KH).

Tình hình SXKD của các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của tình hình suy thoái kinh tế thế giới, chiến tranh Nga – Ukraine, dẫn đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm sụt giảm mạnh. Tuy nhiên, với nhiều giải pháp vượt khó, các công ty đã đảm bảo việc làm và thu nhập của NLĐ.



CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, CHĂM LO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhiều giải pháp gia tăng thị phần

Thời gian qua, Công ty CPCS Bến Thành là đơn vị có kết quả SXKD tốt nhất trong các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp. Trong khó khăn, công ty đẩy mạnh các giải pháp ổn định tiêu thụ, xúc tiến thương mại, gia tăng thị phần. Nhờ vậy năm 2023, số lượng khách hàng tăng thêm của công ty là 34 khách hàng (28 khách hàng trong nước và 4 khách hàng nước ngoài). Qua đó nâng tổng số khách hàng hiện có lên 764 khách hàng. Kết quả năm 2023, dây courroie tiêu thụ được 19 triệu inch (vượt 3% KH); băng tải tiêu thụ được 173.00 m² (98,2% KH); cao su kỹ thuật tiêu thụ 1.800 tấn (75% KH). Doanh thu đạt 329,4 tỷ đồng (gần 100% KH); lợi nhuận đạt 24,1 tỷ đồng (trên 100% KH); nộp ngân sách Nhà nước 29 tỷ đồng. Đặc biệt, 5 năm liên Cao su Bến Thành đạt top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (2018 – 2023).

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – TGD Công ty CPCS Bến Thành, chia sẻ: “Để có được kết quả tăng trưởng đều qua các năm là nhờ đơn vị đã hoạch định phát triển công ty theo 2 chiến lược. Một là, chiến lược tăng trưởng tập trung, đơn vị tập trung tối đa nguồn lực, cơ hội để phát triển sản phẩm thị trường hiện có nhằm tăng thị phần, doanh thu, lợi nhuận. Để thực hiện được việc này đơn vị đã tăng cường quảng bá sản phẩm, các chính sách hậu mãi, đồng thời đầu tư cải tiến công nghệ để tăng năng suất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm hiện có. Hai là, chiến lược phát triển đa dạng, đơn vị đầu tư cho ra đời sản phẩm mới hướng vào khách hàng và thị trường mới, đây là chiến lược rất phù hợp với dòng sản phẩm cao su kỹ thuật mà công ty đang thực hiện”.

Với nhiều giải pháp gia tăng thị phần, năm vừa qua Công ty CPCS Kỹ thuật Đồng Phú ra mắt



*Sản xuất dây courroie tại Công ty CPCS
Bến Thành*

nhiều dòng sản phẩm mới, đa dạng kích thước và mẫu mã, đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ ở Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Úc, New Zealand, Canada, Mỹ... và đã trở thành đối tác của rất nhiều công ty trong nước và nước ngoài. Công ty hiện có 265 đại lý phủ khắp 50 tỉnh, thành phố trên cả nước; 1 nhà phân phối chính thức tại Trung Quốc và 1 nhà phân phối tại Thủ đô Phnom Penh – Campuchia. Đặc biệt, năm 2023 công ty đã liên kết tiêu thụ với đối tác CON CỨNG có chuỗi cung ứng hơn 1.000 cửa hàng trên 60 tỉnh, thành.

Vượt khó đảm bảo đời sống người lao động

Do nhu cầu tiêu thụ sụt giảm, một số đơn vị không có đơn hàng phải sắp xếp lao động nghỉ luân phiên, khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất, chờ sự phục hồi của nền kinh tế. Năm vừa qua,

các đơn vị: Công ty CP CN & XNK Cao su, Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru, Công ty CP VRG Khải Hoàn có đơn hàng xuất khẩu vào các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, Nam Phi... sụt giảm lớn gây ảnh hưởng đến tình hình SXKD của các đơn vị. Tuy các chỉ tiêu kinh tế trong năm không đạt như kỳ vọng nhưng các đơn vị đã cố gắng duy trì sản xuất để đảm bảo đời sống NLD với mức thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm qua, Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru sản xuất được 885.000 quả bóng các loại (đạt 82% KH), tiêu thụ 835.000 quả bóng (đạt 77,45% KH). Tổng doanh thu đạt trên 85 tỷ đồng (đạt 92,67% KH); lợi nhuận sau thuế hơn 1,1 tỷ đồng (đạt 80,16% KH); nộp ngân sách Nhà nước hơn 2 tỷ đồng (vượt 28% KH). Duy trì thu nhập bình quân cho hơn 130 NLD trên 10 triệu đồng/người/tháng. Ông Trần Văn Hạnh - TGD công ty cho biết: “Để đạt được những kết quả như trên là cả một quá trình cố gắng, nỗ lực của toàn thể NLD công ty. Năm 2024, công ty sẽ phải phát huy cao độ trong công tác SXKD. Tăng cường phát triển sản phẩm mới nhất là sản phẩm bóng đá dán theo công nghệ mới, kết hợp giữa công nghệ bóng đúc và bóng dán được nhiều hãng trên thế giới sử dụng. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường phía Bắc, gia công các loại bóng từ đối tác ngoài công ty, duy trì sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tạo tiền đề cho các bước phát triển tiếp theo”.

Công ty CP Cơ khí Cao su hiện đang mở rộng công tác lắp đặt, bảo trì các thiết bị dây chuyền sản xuất mũ cho các đơn vị thuộc VRG cả trong và ngoài nước (Lào, Campuchia). Trong năm qua, các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính nên công tác thu hồi nợ của công ty chậm, khó khăn về thu hồi vốn. Giá cao su thấp nên các đơn vị không có nhu cầu thay thế đầu tư thiết bị, ảnh hưởng đến việc làm của công ty... Tuy nhiên năm 2023 các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận nộp ngân sách, thu nhập NLD công ty đều đạt kế hoạch. Cụ thể, doanh thu trên 99 tỷ đồng (vượt 2,15% KH), lợi nhuận trước thuế đạt trên 5,7 tỷ đồng (vượt 4% KH), nộp ngân sách gần 3 tỷ đồng. Đảm bảo mức thu nhập bình quân NLD toàn công ty trên 10 triệu đồng/người/tháng.

Năm 2024, các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp đều có chung mục tiêu là chủ động vượt khó, duy trì ổn định sản xuất. Huy động mọi nguồn lực, cùng chung sức, đồng lòng thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để thúc đẩy hoạt động SXKD, duy trì việc làm, ổn định đời sống NLD.



CÁC CÔNG TY THỦY ĐIỆN

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN ỔN ĐỊNH



Lãnh đạo Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn trao thưởng tại Hội nghị tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024, vào ngày 29/12/2023

Chủ động ứng phó với tình hình thời tiết phức tạp, cùng những phương án cụ thể trong điều hành, tổ chức sản xuất, các công ty thủy điện đã có một năm thắng lợi về sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ, hoàn thành vượt mức về doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch được giao.

Hoàn thành xuất sắc kế hoạch

VRG đang đầu tư vào 5 công ty thủy điện, trong đó có 4 công ty cấp II (Công ty CP VRG Bảo Lộc, Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn, Công ty CP Đầu tư Thủy điện VRG Phú Yên, Công ty CP VRG Đắk Nông) và 1 công ty cấp III (Công ty CP VRG Ngọc Linh). Năm 2023, các công ty thủy điện hoàn thành kế hoạch về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận (nhưng giảm so với cùng kỳ năm 2022); sản lượng phát điện đạt cao do năm 2023 tình hình thủy văn thuận lợi, cụ thể: sản lượng điện thương phẩm 539 triệu kWh (vượt 12% KH), bằng 83% so với năm 2022; doanh thu 605 tỷ đồng (vượt 13% KH). Lĩnh vực điện mặt trời áp mái đạt công suất 10 MWp (tương đương giảm phát thải 10.321 tấn CO₂/năm), sản lượng điện 12 triệu kWh, đem lại doanh thu 5 tỷ đồng.

Công ty CP VRG Bảo Lộc hiện đang quản lý vận hành nhà máy thủy điện Bảo Lộc có công suất lắp máy 24,5MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 128 triệu kWh. Trong những năm qua, công ty đều hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được Tập đoàn giao. Ông Nguyễn Văn Cường – TGD Công ty CP VRG Bảo Lộc, cho biết: “Năm 2023, tình hình thủy văn tại khu vực nhà máy diễn biến phức tạp, chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên lưu lượng nước về bình quân thấp hơn cùng kỳ năm trước gây khó khăn trong công tác tính toán vận hành máy phát. Tuy nhiên, công ty đã quyết liệt thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành công tác vận hành an toàn, hiệu quả, tận dụng tối đa lượng nước về để phát huy công suất tối đa của nhà máy nhằm đảm bảo hoàn thành cao nhất kế hoạch. Kết quả, sản lượng điện tiêu thụ 129,5 triệu kWh (vượt 2% KH); doanh thu 182 tỷ đồng (vượt 12% KH); lợi nhuận trước thuế 95,2 tỷ đồng (vượt 18,5 KH); lợi nhuận sau thuế 32,1 tỷ đồng (vượt 35,7% KH). Tiền lương bình quân NLD trên 21 triệu đồng/người/tháng”.

Vượt cao các chỉ tiêu được giao

Qua 19 năm phát triển, Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Công ty đã xây dựng và luôn vận hành nhà máy Thủy điện Sông Côn 2 ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật do Tập đoàn giao, góp phần phát triển kinh tế xã hội và an ninh năng lượng của đất nước. Ông Trần Quang Hòa – TGD Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn, cho biết: “Năm 2023, mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức, tập thể CB.CNV LĐ công ty đã phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, vượt khó và đạt được những kết quả toàn diện. Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, nộp ngân sách Nhà nước. Qua đó, duy trì và tạo việc làm, thu nhập ổn định cho NLD, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn đơn vị đứng chân”.

Cụ thể, sản lượng điện tiêu thụ 230 triệu kWh (vượt hơn 24,3% KH); doanh thu 220,4 tỷ đồng (vượt trên 28,3% KH); lợi nhuận trước thuế 53 tỷ đồng (vượt 100,7% KH); lợi nhuận sau thuế 46 tỷ đồng (vượt 92,8% KH). Tiền lương bình quân NLD trên 22,2 triệu đồng/người/tháng. Trong năm đầu tiên tham gia chương trình phát triển bền vững, công ty đã được Chứng nhận Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2023 (xếp hạng 58).

Chia sẻ về kết quả SXKD nổi bật nhiều năm liền, ông Trần Quang Hòa, cho biết, với sự đoàn kết, gắn bó của tập thể NLD trong công tác SXKD, công ty đã xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao. Xây dựng tập thể cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong sản xuất công nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Ngoài thu nhập cao và ổn định, lãnh đạo công ty luôn phối hợp cùng Công đoàn công ty chú trọng chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho CB.CNV LĐ bằng việc tổ chức các hoạt động giao lưu VHVN - TDTT, tạo không khí vui tươi, phấn khởi để mỗi NLD sống vui, sống khỏe để tiếp tục lao động, cống hiến. Bên cạnh đó, công ty còn tích cực trong các hoạt động an sinh xã hội vì cộng đồng. Hàng năm, công ty đều tổ chức các chương trình tình nguyện thăm và tặng quà học sinh, người dân đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình chính sách trên địa bàn... với tổng kinh phí trên 100 triệu đồng/năm.

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh công tác SXKD, các công ty thủy điện luôn chú trọng công tác quan hệ cộng đồng nhằm góp phần nâng cao cuộc sống người dân tại khu vực xây dựng các nhà máy ngày càng tốt hơn và chia sẻ với chính quyền địa phương trong công tác an sinh xã hội. Thời gian tới, các công ty thủy điện đẩy mạnh mở rộng hợp tác đầu tư để khai thác và phát huy tiềm năng sẵn có, đẩy mạnh phát triển bền vững cho cộng đồng.





NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

LỢI NHUẬN CỐ ĐỊNH

TRONG KHOẢNG TỪ 14 - 32 TRIỆU ĐỒNG/HA/NĂM

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNƯDCNC) là 1 trong 5 lĩnh vực, ngành nghề chính của VRG được Chính phủ cho phép đầu tư. Các dự án NNƯDCNC đã triển khai như ở một số đơn vị đã có hiệu quả tốt, góp phần vào việc tăng doanh thu lợi nhuận cho đơn vị, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Điều này minh chứng rằng, chủ trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện NNƯDCNC của VRG là một chủ trương đúng đắn để phát triển bền vững.



Từ năm 2017, khi triển khai thực hiện các dự án cho đến nay bằng việc thử nghiệm trồng chuối cấy mô tại Cao su Dầu Tiếng và Phước Hòa. Và sau này đến các đơn vị khác thì hình thức được lựa chọn nhiều nhất là liên kết, hợp tác với các đối tác. Tuy nhiên, định hướng của lãnh đạo VRG trong thời gian tới, tầm nhìn đến năm 2030 các đơn vị phải làm chủ công nghệ, nắm bắt quy trình thực hiện và tiến tới làm chủ đầu tư các dự án NNÚDCNC.

Tính đến năm 2023, VRG đã phê duyệt thực hiện tổng cộng 16 dự án tại các công ty thành viên thuộc khu vực Đông Nam bộ và Tây Nguyên với tổng diện tích là 4.857,8 ha. Tuy nhiên khu vực Đông Nam bộ mới triển khai được 26% và khu vực Tây Nguyên là 98,6%. Các loại cây trồng chủ đạo là chuối cấy mô (91%), mít changai, bưởi, cây có múi, sầu riêng...

Về hình thức thực hiện, 100% các dự án NNÚDCNC đều là dự án hợp tác liên kết trong đó, có vốn chi phối là 117,08 ha (dự án chuối cấy mô của Cao su Dầu Tiếng góp 51%) còn lại là các dự án còn lại có tỷ lệ vốn góp từ 10 – 30%. Số dự án đã được lập để thực hiện trong khu NNÚDCNC, đã được UBND tỉnh ra Quyết định thành lập là 5 dự án tại các công ty: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Phú Riềng với tổng diện tích là 1.411 ha.

Hầu hết các dự án hợp tác liên kết có thời hạn từ 10 - 20 năm, riêng các dự án tại Dầu Tiếng, Lộc Ninh có thời hạn 20 năm. Các đơn vị thu khoản



Cao su Bình Long thực hiện trồng chuối công nghệ cao xen canh trong vườn cây kiến thiết cơ bản

lợi nhuận cố định trong khoảng từ 14 – 32 triệu đồng/ha/năm ngay từ năm thực hiện đến hết thời gian dự án không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh đã góp phần giải quyết các khó khăn trong việc đa dạng hóa cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Trong định hướng giai đoạn từ nay đến 2025, VRG sẽ tiếp tục đầu tư mạnh về lĩnh vực này, phấn đấu đạt mục tiêu tối thiểu 10.000 ha diện tích chuyển đổi mục đích từ trồng cao su sang phát triển các loại cây trồng theo hướng NNÚDCNC và sẽ tiếp tục mở rộng quy mô phù hợp với quy hoạch của các địa phương trong tầm nhìn dài hạn đến 2030.





CÔNG ĐOÀN CAO SU VIỆT NAM

Lãnh đạo VRG và Công đoàn CSVN
kỷ kết công trình chào mừng
Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam
tại Lễ phát động Tháng Công nhân
năm 2023

CHĂM LO TỐT ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2023, Công đoàn Cao su Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động nổi bật, thực hiện tốt việc chăm lo đời sống, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Năm qua, tuy gặp nhiều khó khăn, Tập đoàn và Công đoàn Cao su Việt Nam (CĐ CSVN) đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD và chăm lo tốt cho NLĐ. CĐ CSVN đã không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; tập trung tổ chức rất nhiều các hoạt động hướng về NLĐ bằng những việc làm thiết thực hiệu quả. Các chỉ tiêu Tổng Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) VN giao đều vượt. CĐ CSVN luôn là đơn vị có nhiều hoạt động nổi bật trong Tổng LĐLĐ VN. Các chương trình hoạt động của CĐ CSVN luôn được LĐLĐ các tỉnh đánh giá cao.

Tổ chức nhiều hoạt động vì người lao động

Năm 2023, thu nhập bình quân của hơn 83.000 NLĐ toàn Tập đoàn là 8,24 triệu đồng/người/tháng. Các chế độ, chính sách của NLĐ được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Ngoài tiền lương, người lao động còn tăng gia sản xuất, tăng thêm thu nhập từ phát triển kinh tế hộ gia đình, nhờ đó mà thu nhập trung bình đạt từ 80 triệu – 100 triệu đồng/năm.

Trong Tháng Công nhân, CĐ CSVN đã tổ chức vinh danh 261 công nhân cao su Việt Nam ưu tú lần thứ VII, tổng số tiền khen thưởng là 522 triệu đồng; thăm hỏi động viên 90 công nhân bị tai nạn lao động với tỷ lệ thương tật trên 31% với số tiền 90 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng 60 nhà “Mái ấm Công đoàn” với số tiền 3,3 tỷ đồng; hỗ trợ 30 công trình thiết chế văn hóa cơ sở và Ánh sáng



BCH Công đoàn Cao su Việt Nam khóa IX nhiệm kỳ 2023 – 2028



Ông Đỗ Hữu Huy – Phó Chủ tịch Ủy ban, Chủ tịch Công đoàn Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và ông Huỳnh Kim Nhật – Phó TGD VRG, Chủ tịch CĐ CSVN đã thay mặt hai đơn vị ký Quy chế phối hợp giai đoạn 2023 – 2028

công đoàn cho 15 đơn vị với số tiền trên 778 triệu đồng; khen thưởng 54 tập thể và 79 cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tổng số tiền khen thưởng là 111,5 triệu đồng; tổng kinh phí là 4,5 tỷ đồng.

CĐ CSVN cũng trao tặng 69 nhà “Mái ấm Công đoàn” cho 69 gia đình khó khăn với tổng số tiền 3,795 tỷ đồng; sửa chữa lớn 22 căn nhà với tổng số tiền 550 triệu đồng; sửa chữa nhỏ 2 căn nhà với tổng số tiền 30 triệu đồng; hỗ trợ thiên tai cho 7 đơn vị với tổng số tiền 120 triệu đồng, hỗ trợ 47 trường hợp bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền là 335 triệu đồng. Các đơn vị đã xây mới và sửa chữa được 55 căn nhà với số tiền hơn 2,7 tỷ đồng, hỗ trợ 123 trường hợp bị bệnh hiểm nghèo với số tiền 413,3 triệu đồng...

CĐ CSVN đã tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa, tạo nhiều sân chơi bổ ích cho NLĐ. Tổ chức cuộc thi ảnh về nữ CNVC LĐ ngành cao su với chủ đề “Hoa cao su” năm 2023 đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ toàn ngành, với 293 tác phẩm ảnh dự thi của 113 tác giả từ 18 đơn vị trực thuộc trong toàn ngành. Tổ chức Hội thi “Tiếng hát Công nhân Cao su” năm 2023 bằng hình thức trực tuyến với chủ đề “Cao su Việt Nam vượt khó đi lên”. Đã có 121 tiết mục của 46 đơn vị dự thi trong toàn ngành tham dự thi. Hội thi tạo không khí sôi nổi, là sân chơi lành mạnh cho CB.CNV LĐ trong ngành. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho NLĐ thể hiện năng khiếu nghệ thuật, làm phong phú hơn đời sống tinh thần của NLĐ sau những giờ công tác, lao động, sản xuất...

Vượt các chỉ tiêu được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao

Trong năm, CĐ CSVN phát triển 5.617 đoàn viên (vượt 243,75% so với chỉ tiêu được giao). Giới thiệu được 729 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng Công sản Việt Nam (vượt 257,35% so với chỉ tiêu được giao). Tổ chức Tháng Công nhân năm 2023 ở 205/205 công đoàn cơ sở đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Thực hiện chương trình “1 triệu sáng kiến – nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid - 19” do Tổng Liên đoàn phát động, CĐ CSVN được phân bổ 5.544 sáng kiến. Đến ngày 24/8, đã đạt 6.319 sáng kiến (vượt 12%), giá trị làm lợi 229,2 tỷ đồng. CĐ CSVN đứng thứ 6/8 các đơn vị trong Khối thi đua các Công đoàn Tập đoàn, Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và đứng thứ 48/82 LĐLĐ tỉnh, CĐ ngành trung ương trực thuộc Tổng Liên đoàn.

CĐ đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, nhất là liên tịch với Ban TGD VRG về phát động phong trào “Thi đua nước rút 3 tháng cuối năm 2023” nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD lập thành tích chào mừng 94 năm truyền thông ngành cao su Việt Nam và chào mừng Đại hội CĐ các cấp tiến tới Đại hội IX Công đoàn Việt Nam. CĐ CSVN quyết định khen thưởng và thành lập các đoàn đi thăm hỏi động viên NLĐ với số tiền 500 triệu đồng.

CĐ CSVN trong những năm qua và năm 2023 đã không ngừng đổi mới nội dung và đổi mới phương thức hoạt động; tập trung tổ chức rất nhiều các hoạt động hướng về cơ sở, hướng về NLĐ bằng những việc làm thiết thực hiệu quả,



Ông Nguyễn Ngọc Mùi – Phó Chủ tịch CĐ CSVN (thứ 5 từ phải sang) trao thưởng tổ khai thác về sớm kế hoạch ở Cao su Mang Yang

được NLD tin tưởng và thực sự là tổ ấm, là chỗ dựa, là niềm tin của NLD. Tập đoàn phát triển bền vững và đạt được kết quả SXKD, có vai trò đóng góp rất lớn của của tổ chức CĐ trong công tác phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động NLD tham gia thi đua lao động sản xuất, đồng hành cùng doanh nghiệp, bám vườn cây, bám nhà máy, một nắng hai sương chắt chiu từng giọt mồ hôi cao su và từng bước nâng cao chất lượng từng sản phẩm đạt chất lượng cao để cạnh tranh trên thị trường.

Trong năm, tập thể BTV CĐ CSVN đã tập trung chỉ đạo CĐ các cấp tổ chức thành công Đại hội và cộng đồng trách nhiệm tổ chức thành công Đại hội IX CĐ CSVN, nhiệm kỳ 2023 - 2028. Mặc dù tập thể Thường trực Khóa IX có nhiều thay đổi nhưng với bản lĩnh chính trị cùng với sự đoàn kết, đồng lòng các hoạt động chăm lo, bảo vệ NLD luôn được quan tâm thực hiện chu đáo, đầy đủ, trách nhiệm, được NLD tin tưởng, tạo động lực cho NLD yên tâm công tác, gắn bó với ngành.

Trong giai đoạn hiện nay, chất lượng lao động là điều kiện quan trọng bảo đảm đáp ứng nhu cầu hội nhập, phát triển của Tập đoàn. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ lao động lớn mạnh, chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Tập đoàn nói chung, trong đó tổ chức CĐ có vai trò, trách nhiệm rất lớn.

Mọi hoạt động của Công đoàn đều hướng về cơ sở, vì lợi ích của đoàn viên và người lao động

Xác định năm 2024 vẫn còn khó khăn, thách thức trong hoạt động SXKD ở các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nên BTV CĐ CSVN đã chỉ đạo CĐ các cấp chủ động và có nhiều biện pháp chăm lo tốt nhất cho đoàn viên và NLD. Đề nghị ban điều hành các đơn vị có quỹ khen thưởng, phúc lợi và sử dụng các quỹ này hợp lý để chăm lo cho NLD, nhất là thu nhập. CĐ CSVN cũng kêu gọi các đơn vị thành viên VRG có kết quả SXKD tốt tiếp tục hỗ trợ cho NLD ở các đơn vị gặp nhiều khó khăn, nhất là các đơn vị Duyên hải miền Trung, miền núi phía Bắc, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán.

CĐ các đơn vị tiếp tục phối hợp làm tốt công tác công khai minh bạch (nhất là trong nghiệm thu khối lượng, hàm lượng mủ cao su đối với lĩnh vực cao su) và các chế độ chính sách đối với NLD. Tạo việc làm ổn định và có nhiều giải pháp để tăng tiền lương, thu nhập cho NLD. Phát huy tốt vai trò là cầu nối giữa NLD với các đơn vị. Qua đó, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong toàn VRG.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động trong giai đoạn mới, CĐ CSVN chủ động tổ chức các hoạt động phù hợp trong tình hình mới. Tập trung chỉ đạo CĐ các cấp phát động thi đua từ những ngày đầu tháng đầu, tạo khí



*Ông Huỳnh Kim Nhựt –
Phó TGD VRG,
Chủ tịch CĐ CSVN
thăm hỏi, động viên
NLD tại NT Đăk H'rin,
Cao su Kon Tum*

thể thi đua sôi nổi ngay từ đầu năm. CĐ sâu sát hơn nữa đối với NLD, nắm bắt kịp thời những tâm tư, nguyện vọng, nhất là những vấn đề nâng cao năng lực chuyên môn, điều kiện công tác, để cùng chính quyền tìm biện pháp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho NLD. Đặc biệt quan tâm đến CNLD thuộc các dự án trồng cao su ở Lào và Campuchia, CNLD vùng sâu, vùng xa, công nhân là người dân tộc các vùng miền, công nhân có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp...

Trong giai đoạn hiện nay, chất lượng lao động là điều kiện quan trọng bảo đảm đáp ứng nhu cầu hội nhập, phát triển của Tập đoàn. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ lao động lớn mạnh, chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Tập đoàn nói chung, trong đó tổ chức CĐ có vai trò, trách nhiệm rất lớn. Tích cực xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định tại doanh nghiệp; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ CĐ nhằm chủ động thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình mới. Hoạt động của CĐ luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt chức năng tham gia quản lý đơn vị và đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLD.

Năm 2024 là năm có nhiều sự kiện lớn của đất nước và của VRG: kỷ niệm 95 năm thành lập Công đoàn Việt Nam, kỷ niệm 70 năm

chiến thắng Điện Biên Phủ, kỷ niệm 95 năm ngày truyền thống ngành CSVN (28/10/1929 – 28/10/2024). CĐ CSVN phối hợp cùng lãnh đạo Tập đoàn tổ chức tốt các sự kiện trong chuỗi hoạt động chào mừng. CĐ CSVN cũng sẽ tập trung phát động có hiệu quả phong trào Luyện tay nghề - Thi thợ giỏi, phối hợp với lãnh đạo Tập đoàn tổ chức thành công Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ lần thứ XIV năm 2024; phát động và tổ chức Tháng Công nhân và Tháng an toàn vệ sinh thực phẩm; lễ tôn vinh 95 công nhân lao động tiêu biểu; vinh danh “Gia đình tuyến thống công nhân cao su tiêu biểu” lần 2; tuyên dương học sinh – sinh viên con công nhân cao su vượt khó học giỏi; tổ chức hội thao CNVC LD; phát động phong trào thi đua nước rút 4 tháng cuối năm 2024...

Xác định chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và NLD là nhiệm vụ hàng đầu, thời gian tới, CĐ sẽ không ngừng đổi mới nội dung và đổi mới phương thức hoạt động; tập trung tổ chức nhiều hoạt động hướng về cơ sở, hướng về NLD bằng những việc làm thiết thực hiệu quả, được NLD tin tưởng và thực sự là tổ ấm, là chỗ dựa, là niềm tin của NLD. Tuyên truyền, vận động NLD tham gia thi đua lao động sản xuất, đồng hành cùng đơn vị, bám vườn cây, bám nhà máy, nỗ lực vượt khó hoàn thành nhiệm vụ.

4.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG







CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



2019



2024

10 MỤC TIÊU TRỌNG TÂM, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

- Thực hiện chứng chỉ FSC
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, phát triển 20.000 ha rừng
- Tham gia hệ thống giải trình gỗ cao su hợp pháp
- Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- Tăng cường trách nhiệm BVMT
- Nâng cao hiệu quả kinh tế
- Thực hiện giải pháp/chứng chỉ quốc gia/quốc tế về PTBV
- Quản lý dữ liệu vườn cây bằng hệ thống thông tin GIS

Tuyên truyền, truyền thông, đào tạo về PTBV

Hợp tác các tổ chức về PTBV

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH



2023



2030



2050

4 MỤC TIÊU TRỌNG TÂM:

- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính.
- Xanh hoá chuỗi cung ứng.
- Xanh hóa các quy trình sản xuất.
- Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm và nâng cao năng lực chống chịu

GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

MỤC TIÊU

- 60% diện tích rừng cao su và rừng trồng sản xuất có CCR.
- 100% nhà máy chế biến cao su có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng >15% tổng nhu cầu.
- Tiết kiệm năng lượng >15% so với tổng nhu cầu.
- Giảm chất thải >20% so với tổng nhu cầu.
- Tận dụng/ tái chế >20% chất thải rắn và bùn thải

TẦM NHÌN 2050

MỤC TIÊU

- 100% diện tích rừng cao su và rừng trồng sản xuất có CCR.
- 100% nhà máy chế biến (mủ, gỗ, ...) có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng >50% tổng nhu cầu.
- Tiết kiệm năng lượng >20%-30% so với tổng nhu cầu.
- Giảm chất thải > 35% so với tổng nhu cầu.
- Tận dụng/ tái chế >40% chất thải rắn và bùn thải.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN NHỮNG GIÁ TRỊ XANH

Với vai trò tiên phong và điển hình trong việc phát triển bền vững ngành cao su, VRG đang đẩy mạnh quá trình chuyển đổi xanh bao trùm và tuần hoàn, đảm bảo tính bền vững trong toàn bộ chuỗi cung ứng, chung tay vì môi trường thân thiện và tích cực đóng góp cho xã hội, cộng đồng.



Ông Trương Minh Trung – Phó TGD VRG ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) giữa Oxfam tại Campuchia và VRG về việc hợp tác giai đoạn 2023 – 2025

Đẩy mạnh tăng trưởng xanh và phát triển bền vững vì lợi ích cộng đồng

Là tập đoàn có quy mô lớn và ngày càng hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế, Lãnh đạo Tập đoàn nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của một doanh nghiệp phát triển bền vững (PTBV) gắn liền với 3 khía cạnh: Phát triển kinh tế - Bảo vệ môi trường - Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Sau 4 năm triển khai chương trình PTBV,

Tập đoàn đã đạt được một số kết quả như sau: Tập đoàn đã có 32 công ty xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) đạt 280.000 ha diện tích ha đáp ứng theo thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT; 18 thành viên được cấp chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế (VFCS/PEFC-FM) trên 118.336,86 ha rừng cao su và được cấp chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC cho 38 nhà máy. Năm 2023,



*Cao su Phú Riềng
được vinh danh top
10 Doanh nghiệp
Bền vững Việt Nam
năm 2023*

mặc dù thị trường khó khăn nhưng Tập đoàn đã tiêu thụ được 76.312 tấn mùn cao su (năm 2022 là 48.100 tấn) và 2.444 ha cao su thanh lý (năm 2022 là 347 ha) được cấp chứng chỉ cho khách hàng.

Kết quả nổi bật khác nữa là từ năm 2019 Tập đoàn đã tích cực triển khai đến các công ty thành viên thực hiện Chứng nhận doanh nghiệp bền vững do Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam đánh giá, xếp hạng và công bố hàng năm. Kết quả các công ty thành viên luôn đạt thứ hạng cao, hàng năm có từ 16-18 công ty nằm trong top 100 và 1 công ty duy trì trong Top 10.

Chương trình PTBV của Tập đoàn còn đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường các giải pháp sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm năng lượng, truyền thông, đào tạo về PTBV, đảm bảo quyền lợi NLD và đầu tư an sinh xã hội. Đến nay, Tập đoàn đã và đang triển khai ISO 14001 cho 35 đơn vị; đầu tư 36 hệ thống quan trắc tự động; triển khai chuyển đổi sấy mùn cao su bằng nhiên liệu Biomass của 27 công ty; khoanh nuôi, phục hồi bảo tồn rừng; Ban hành Sổ tay Hướng dẫn kết nối công đồng trong QLRBV áp dụng tại Việt Nam và Campuchia.

Về hoạt động hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước, Tập đoàn duy trì và mở rộng hợp tác với nhiều tổ chức cho chương trình PTBV như: FSC, PEFC, Oxfam, PbN... Nhằm hợp tác,

hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và truyền thông giúp Tập đoàn đạt được các kết quả về PTBV như trên.

Trên cơ sở các kết quả thực hiện chương trình PTBV đã đạt được trong các năm qua cũng như điều kiện hiện có và khả năng của Tập đoàn, ngày 25/9/2023, Tập đoàn đã ban hành Chiến lược Tăng trưởng xanh và PTBV giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2050. Theo đó, mục tiêu tổng quát: Tiếp tục phát huy các hoạt động PTBV đã triển khai thành công trong bốn năm (2019 – 2023); Mở rộng từng bước một số hoạt động phù hợp đáp ứng các mục tiêu PTBV của quốc gia đã cam kết với Chương trình nghị sự của Liên Hiệp Quốc đến năm 2030; Tuân thủ chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đạt được tăng trưởng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, tiến tới góp phần nền kinh tế các-bon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính.

Tập đoàn xác định thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh và PTBV chính là đầu tư cho cơ hội ở tương lai, việc thực hiện các hoạt động “xanh” và “bền vững” cũng là các tiêu chí quan trọng giúp sản phẩm và thương hiệu Tập đoàn đáp ứng yêu cầu khách hàng, đồng thời tạo ra các cơ hội phát triển mới cho Tập đoàn. Bên cạnh ngày càng có nhiều Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia ký kết và có hiệu lực, việc tuân thủ yêu cầu mới về tiêu chuẩn chất lượng, môi trường không chỉ là trách nhiệm mà



còn giúp sản phẩm của Tập đoàn có nhiều cơ hội hơn nữa trong thị trường xuất khẩu với các điểm cộng thể hiện tính “có trách nhiệm” như sản xuất “xanh”, “bền vững”, “thân thiện với môi trường”.

Chuyển đổi xanh bao trùm và tuần hoàn

Trong thời gian tới, Tập đoàn tiếp tục thực hiện các nội dung sau: Đẩy mạnh thực hiện Chứng nhận của quốc gia và quốc tế về QLRBV và nhà máy chế biến. Tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao giá trị sản phẩm có chứng chỉ. Tiếp tục thực hiện Chứng nhận Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam. Tiếp tục thực hiện các giải pháp PTBV như: Bảo tồn và phục hồi rừng tại Campuchia, Triển khai trồng cây lâm nghiệp, cây lấy gỗ và Tích hợp Dự án GIS-VRG trong QLRBV. Thực hiện các giải pháp tăng hiệu quả kinh tế của PTBV.

Tập đoàn tiếp tục tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội, kết nối cộng đồng và bảo

vệ môi trường thông qua các hoạt động như: Tiếp tục đầu tư an sinh xã hội cho NLD và cộng đồng địa phương theo nhu cầu thực tế, đồng thuận của địa phương và phù hợp với nguồn lực, kế hoạch của đơn vị. Tạo điều kiện cải thiện sinh kế, đời sống và góp phần bảo đảm an ninh lương thực tại địa phương. Tăng cường nâng cao nhận thức về các hoạt động tham vấn, kết nối cộng đồng và thực hiện bình đẳng giới tại nơi làm việc. Tiếp tục thúc đẩy sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, đánh giá hiệu quả của các hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái và hệ thống lò đốt Biomass đã thực hiện để có cơ sở mở rộng, thúc đẩy giảm phát thải CO2 và kinh tế tuần hoàn. Tăng cường công tác truyền thông, đào tạo về PTBV. Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước về PTBV.

Bên cạnh đó, trong các mục tiêu trọng tâm của Chiến lược tăng trưởng xanh và PTBV của Tập đoàn, mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính được xác định là một trong những

*Hồ tái sử dụng nước thải sau khi
được xử lý tại Cao su Dầu Tiếng*



mục tiêu quan trọng. Nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam, Tập đoàn định hướng một số giải pháp cụ thể để giảm phát thải khí nhà kính trong thời gian tới như sau:

Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động trồng, chăm sóc, sản xuất, chế biến sản phẩm, vận tải, thương mại và công nghiệp; Chuyển đổi cơ cấu nguồn năng lượng sử dụng theo hướng giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch; đẩy mạnh sử dụng có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ như năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối...; Tận dụng, tái sử dụng chất thải trong nền kinh tế tuần hoàn. Kiểm toán, thống kê, đánh giá kết quả, hiệu quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường, sản xuất sạch hơn của toàn Tập đoàn.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các công nghệ sản xuất, tạo điều kiện phát triển các công

nghệ sản xuất, khu dịch vụ xanh mới. Chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất theo kinh nghiệm thực hành tốt của quốc gia và quốc tế nhằm góp phần tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái. Xây dựng quy chế, hướng dẫn giải pháp đo lường và triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính theo hướng kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp.

Thúc đẩy công tác quản lý chất thải và chất lượng không khí thông qua việc nghiên cứu và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn, công nghệ xử lý chất thải theo hướng chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất. Thúc đẩy việc áp dụng các biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn. Ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh các chất ô nhiễm không khí và tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất lượng không khí.









“TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VRG GẮN VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC”

Chương trình Phát triển bền vững của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được xây dựng trên 3 trụ cột chính: Kinh tế, Xã hội và Môi trường, gồm những hoạt động cụ thể nhằm tuân thủ chính sách của Việt Nam, thực hiện Chiến lược của Tập đoàn và đáp ứng xu hướng của xã hội. VRG cam kết sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và của Liên Hợp Quốc. VRG cũng yêu cầu các nhà cung ứng áp dụng các quy tắc theo các cam kết phát triển bền vững của VRG.



TT	Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc và Việt Nam đến 2030	Cam kết của VRG về thực hiện SDGs
	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Bảo đảm lương và thu nhập của người lao động cao hơn mức tối thiểu trong vùng theo quy định của quốc gia.
	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Đảm bảo không có người lao động nào bị đói. Thực hiện quy trình sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, tăng năng suất, cải thiện thu nhập. Tạo điều kiện đa dạng cây trồng, phát triển nông lâm kết hợp góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho người lao động và cộng đồng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến tiến bộ khoa học công nghệ, sử dụng bộ giống và kỹ thuật thích hợp có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, không làm mất đa dạng sinh học, đa dạng di truyền để tạo tuyển giống cây cao su tiến bộ liên tục, cải tạo đất với giải pháp thân thiện, không sử dụng hóa chất bị cấm. Hỗ trợ hộ cao su tiểu điền qua đào tạo, mua mủ cao su với giá cạnh tranh, áp dụng hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ theo pháp luật và chính sách phát triển bền vững. Hạn chế rủi ro do biến động về giá và thị trường. Đạt được chứng nhận về phát triển bền vững, đầu tư có trách nhiệm, đảm bảo chất lượng và uy tín trong thương mại.

	<p>Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi</p>	<p>Tất cả người lao động được khám sức khỏe định kỳ, phòng chữa bệnh kịp thời, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ chế độ theo pháp luật. Hỗ trợ thân nhân của người lao động trong phòng chống, chữa bệnh. Đóng góp xây dựng trạm y tế, bệnh viện trong vùng dự án cho người lao động và cộng đồng địa phương. Xử lý tốt các loại chất thải; không gây ô nhiễm môi trường. Tập huấn và trang bị đầy đủ để đảm bảo an toàn lao động. Sản phẩm an toàn cho người sử dụng.</p>
	<p>Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người</p>	<p>Đào tạo cho người lao động để thực hành tốt công việc và tăng năng suất. Tạo điều kiện được học tập suốt đời để nâng cao kỹ năng làm việc và hòa nhập với chuyển biến của xã hội, xu thế phát triển bền vững. Tạo điều kiện, đóng góp và khuyến khích việc học tập cho con em của người lao động.</p>
	<p>Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái</p>	<p>Không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng lao động, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, đảm bảo quyền lợi nữ lao động theo pháp luật. Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở tất cả các cấp. Tăng cường công nghệ, thiết bị để tạo thuận lợi cho công việc giao phụ nữ phụ trách. Không sử dụng lao động trẻ em.</p>
	<p>Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người</p>	<p>Tạo nguồn nước sạch an toàn và giá cả phù hợp cho người lao động, chú ý đến nhu cầu của phụ nữ và người yếu thế. Không tác hại đến chất lượng nước (không xả rác thải, hóa chất, vật liệu độc hại vào nguồn nước). Tiết kiệm nước, xử lý nước thải theo tiêu chuẩn quốc gia và tái sử dụng nước ở mức đáng kể. Bảo vệ nguồn nước qua phục hồi hệ sinh thái (rừng, sông suối, nước ngầm, hồ chứa...). Kết nối cộng đồng địa phương để duy trì, cải thiện, quản lý nguồn nước sạch.</p>
	<p>Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người</p>	<p>Tăng cường áp dụng năng lượng sạch, tái tạo, hiệu quả, bền vững (sử dụng ánh sáng tự nhiên, điện mặt trời, dầu DO thay dầu diesel, năng lượng biomass...) với giá cả phù hợp trong chuỗi cung ứng và trong sinh hoạt của các gia đình người lao động.</p>
	<p>Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người</p>	<p>Cải tiến quản lý và kỹ thuật liên tục, tạo năng suất cao, giá trị gia tăng và bền vững cho rừng cây cao su, các nhà máy và cho người lao động với mức thu nhập cao hơn trung bình cùng ngành nghề trong khu vực. Xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và lao động trẻ em. Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo pháp luật và theo Công ước Lao động quốc tế (ILO).</p>

	<p>Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới</p>	<p>Đảm bảo các công trình cơ sở hạ tầng có chất lượng, bền vững, thân thiện với môi trường, khả năng chống chịu cao, được sửa chữa kịp thời, sử dụng công bằng, hợp lý. Hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi tập thể. Thúc đẩy công nghiệp hóa qua phát triển sản phẩm cao su và sản phẩm gỗ cao su có giá trị gia tăng cao.</p>
	<p>Giảm bất bình đẳng trong xã hội</p>	<p>Đảm bảo cơ hội bình đẳng, không phân biệt đối xử, áp dụng nguyên tắc đối xử đặc biệt theo quy định của pháp luật. Tăng cường kết nối cộng đồng, tôn trọng quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế.</p>
	<p>Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng</p>	<p>Xây dựng, tạo không gian xanh cho khu nhà ở của người lao động và cơ sở làm việc với các hệ thống tiện ích an toàn, giá cả hợp lý, quy hoạch phù hợp, dễ tiếp cận, không phát thải gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh.</p>
	<p>Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững</p>	<p>Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, kỹ thuật tốt nhất theo quy định, hạn chế hoặc không đốt lửa trong rừng cao su, giám sát và báo cáo các đám cháy. Nghiên cứu và đào tạo để cải tiến kỹ thuật liên tục. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường, kiểm soát và hạn chế sử dụng hóa chất, tái chế, tái sử dụng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và xử lý chất thải theo quy định. Phấn đấu đạt chứng nhận bền vững của ISO, CSI 100, PEFCFM, PEFC-CoC, FSC, Ecovadis... cho mặt hàng cao su thiên nhiên, gỗ cao su và sản phẩm cao su. Có kế hoạch và quản lý diện tích, sản lượng cao su qua bản đồ số (GIS). Có chính sách mua sắm bền vững, phù hợp với chính sách quốc gia và hệ thống chứng nhận chọn lọc.</p>
	<p>Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai</p>	<p>Nghiên cứu cải tiến liên tục quy trình kỹ thuật và bộ giống cao su chống chịu tốt với biến đổi khí hậu. Đánh giá rủi ro và xây dựng phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu và khắc phục tác hại do thiên tai.</p>

	<p>Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững</p>	<p>Tham gia ủng hộ các hoạt động, truyền thông về bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi biển. Tuyên truyền, hướng dẫn người lao động ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm biển, không sử dụng, không tiêu thụ sản phẩm từ biển liên quan đến các hoạt động tác hại biển bị pháp luật ngăn cấm.</p>
	<p>Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất</p>	<p>Xây dựng và thực hiện các phương án quản lý rừng cao su bền vững, giám sát (qua GIS) và có báo cáo về quản lý rừng; ngăn chặn phá rừng, mất rừng, chuyển đổi hệ sinh thái tự nhiên từ sau năm 2015; phục hồi và bảo tồn rừng, hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; đánh giá trữ lượng carbon và giá trị bảo tồn cao; cấm săn bắt, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rừng bất hợp pháp.</p> <p>Không trồng cao su, khai thác trên đất than bùn ở bất cứ độ sâu nào. Bảo vệ hành lang sông suối. Áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Giảm thiểu hóa chất và không sử dụng hóa chất cấm. Các nhà cung ứng phải thực hiện quy tắc này.</p> <p>Thực hiện lộ trình đến 2030 có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia và quốc tế (VFCS, PEFC, FSC) cho tất cả diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Đánh giá, báo cáo tác động xã hội và môi trường theo quy định.</p>
	<p>Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp</p>	<p>Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan đến mục tiêu này. Phòng chống tham nhũng và hối lộ. Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả ở các cấp.</p> <p>Tôn trọng quyền hợp pháp và chính đáng của cộng đồng và các bên liên quan được Việt Nam cam kết với Liên Hợp Quốc và các công ước quốc tế (ILO).</p>
	<p>Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững</p>	<p>Cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, Có quy trình xử lý khiếu nại. Xây dựng báo cáo theo quy định quốc gia, hướng đến báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm huy động, chia sẻ kiến thức, công nghệ, nguồn lực và nâng cao năng lực để đạt các mục tiêu phát triển bền vững.</p>

Để thực hiện các cam kết trên, Tập đoàn xây dựng kế hoạch hành động cụ thể hàng năm cho Chương trình Phát triển bền vững từng giai đoạn, căn cứ trên chính sách của Nhà nước và các hiệp định mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững, đồng thời, căn cứ trên kết quả, điều kiện khả thi và mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.



VRG làm việc với Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam về công tác chuyển đổi số, vào ngày 21/8/2023

CHUYỂN ĐỔI SỐ

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Thời gian qua, Tập đoàn đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển các giải pháp công nghệ mới song hành để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh mạnh mẽ hơn, nhanh hơn. Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác với các tập đoàn viễn thông trong nước để tìm hiểu mô hình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số để tập trung chuyển đổi mô hình sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo ra hiệu quả tối ưu cho việc điều hành đơn vị phát triển bền vững và duy trì tăng trưởng. Đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực cao đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số, xây dựng hệ thống quản trị tập trung trên nền tảng công nghệ 4.0.

Thực hiện đồng bộ chuyển đổi số

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong công tác triển khai, quản lý, điều hành SXKD của Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã có sự phát triển mạnh mẽ và rộng rãi. Chuyển đổi số đã góp phần làm cho hoạt động quản trị, điều hành, tiết giảm chi phí, đảm bảo hoạt động đầu tư, SXKD của Tập đoàn đạt kết quả ngày càng cao.

Chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của VRG trong thời gian qua. Tập đoàn hiện đang có kế hoạch đẩy mạnh chuyển đổi số trên các lĩnh vực hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả SXKD.

Trong năm 2023, Tập đoàn tiếp tục vận hành hiệu quả hệ thống hợp trực tuyến; nâng cấp và phát triển các phần mềm nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý (website, eOffice, báo



cáo tuần, VRG Contact, bản tin; quản lý email, MS Teams, Cloud Server, Hosting, danh bạ điện tử...). Vận hành ổn định Hệ thống Quản lý văn bản của Tập đoàn kết nối với Trục liên thông văn bản của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Trục liên thông văn bản quốc gia.

Tiếp tục triển khai, nâng cấp và cải thiện giao diện phần mềm Văn phòng điện tử eOffice (tích hợp quản lý văn bản, lịch tuần, giao việc, đăng ký phòng họp, văn phòng phẩm, xe đi công tác...) tại Công ty mẹ – Tập đoàn; tích hợp tính năng Ký số vào Hệ thống Quản lý văn bản; triển khai tập huấn Hệ thống Quản lý văn bản (đợt 3) cho các đơn vị thành viên và tập huấn cho khoảng 70 đơn vị sử dụng eOffice Tập đoàn trên thiết bị thông minh.

Đặc biệt, xây dựng Hệ thống thông tin địa lý quản lý cơ sở dữ liệu đất đai vườn cây cao su Tập đoàn (GIS.VRG); phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát hiện trạng ứng dụng bản đồ số quản lý vườn cây các đơn vị thành viên, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin địa lý quản lý cơ sở dữ liệu đất đai vườn cây cao su; lựa chọn nhà thầu tư vấn hồ sơ đấu thầu, quản lý dự án và gói thầu chính dự án; phối hợp với đơn vị tư vấn lập báo cáo tiền khả thi chuyển đổi số Tập đoàn. Cùng với việc tăng cường ứng dụng thông tin, công tác an toàn thông tin và an ninh mạng luôn được chú trọng, cảnh giác chặt chẽ theo đúng quy định... Tập đoàn hiện đang lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp xây dựng kế hoạch tổng thể về chuyển đổi số cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Chuyển đổi số toàn diện

Chia sẻ về công tác chuyển đổi số của Tập đoàn, ông Lê Đình Bửu Trí - Phó TGĐ VRG, cho biết: “Theo Chiến lược Công nghệ thông tin của Tập đoàn giai đoạn 2020 - 2025 tại Quyết định số 305/QĐ-HĐQTCSVN ngày 07/7/2020 và Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 28/10/2021 của Đảng ủy Tập đoàn về thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị trong Tập đoàn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục tiêu thực hiện chuyển đổi số của Tập đoàn là toàn diện. Qua đó đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, hình thành nên những mô hình kinh doanh mới, nâng cao năng

Tập đoàn hiện đang quản lý gần 400.000 ha vườn cây, hầu hết các công ty thành viên đã sử dụng phần mềm máy tính để xây dựng bản đồ kỹ thuật số quản lý vườn cây. Ứng dụng báo cáo số liệu từ các đơn vị về Tập đoàn lĩnh vực nông nghiệp, gỗ, thủy điện, khu công nghiệp (khai thác sản lượng, thu mua, chế biến, xuất khẩu, tiêu thụ, doanh thu...) qua website. Hiện Tập đoàn đang vận hành 1 website nội bộ trong đó các công ty thành viên Tập đoàn đều có thể đăng nhập để thực hiện báo cáo số liệu hàng ngày, hàng tuần, hoạt động theo mô hình client-server.

suất lao động, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp để phát huy và duy trì vai trò của đơn vị, góp phần thực hiện thành công chuyển đổi số chung của Tập đoàn”.

Ứng dụng công nghệ số để tập trung chuyển đổi mô hình SXKD nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo ra hiệu quả tối ưu cho việc điều hành đơn vị phát triển bền vững và duy trì tăng trưởng. Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực cao đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số tại các đơn vị trong toàn ngành và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ học hỏi, đào tạo, cập nhật kiến thức để nắm bắt kịp xu thế phát triển của công nghệ số của thế giới.

Đối với các đơn vị thành viên, Tập đoàn tiếp tục thúc đẩy các đơn vị chủ động đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số vào trong công tác kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh việc số hóa dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ, quy trình SXKD để đạt hiệu quả cao nhất và ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số làm động lực tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, sẽ yêu cầu các đơn vị này đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tốt nhất có thể để sẵn sàng phục vụ tốt cho công tác chuyển đổi số.

Thời gian tới, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng 100% công nghệ số vào quản trị và vận hành với mục tiêu chất lượng, hiệu quả, tạo vị thế, luôn tăng trưởng và phát triển bền vững.

5.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	112
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	114
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.....	116 - 119
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	120
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	121 - 122
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.....	123 - 200





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tập đoàn Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010. Từ ngày 01/06/2018 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 06 năm 2018, thay đổi lần thứ 05 ngày 20/01/2022.

Tên tiếng Anh: Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company

Tên viết tắt: VRG

Vốn điều lệ của Tập đoàn theo giấy đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20/01/2022 là: 40.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi nghìn tỷ đồng*)

Cổ phiếu của Tập đoàn đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã giao dịch là GVR

Địa chỉ giao dịch: Số 177 Hai Bà Trưng, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Công Kha	Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2023)
Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên
Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 01/09/2023)
Ông Hà Văn Khương	Thành viên
Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Nguyễn Hay	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hải Dương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 08/09/2023)
Ông Đỗ Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhựt	Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức vụ ngày 28/8/2023)
Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã trình bày tại mục 7.1 Bản thuyết minh BCTC hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tập đoàn cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Thanh Hưng

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần, được lập ngày 28/3/2024, từ trang 06 đến trang 75, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

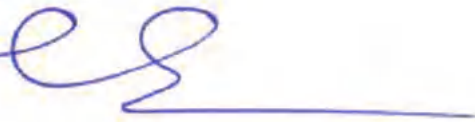
Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.1 - Thông tin so sánh trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh, phân loại lại một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 29/03/2023.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Lưu Minh Tới
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3920-2022-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.842.248.926.140	23.450.140.039.254
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	5.564.089.010.514	4.370.292.544.522
1. Tiền	111		2.334.647.911.242	2.524.970.651.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.229.441.099.272	1.845.321.892.632
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.02	11.355.359.823.009	11.211.639.477.968
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.163.634.161	1.163.634.161
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(68.237.000)	(68.237.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.354.264.425.848	11.210.544.080.807
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.546.020.285.787	2.762.927.647.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	1.431.437.222.156	1.441.058.198.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	429.506.912.582	449.167.018.142
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.05	8.048.249.000	10.384.605.161
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.06	922.609.139.120	1.051.378.164.970
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.09	(312.530.530.881)	(228.237.508.586)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.07	66.949.293.810	39.177.169.321
IV. Hàng tồn kho	140	5.08	3.360.240.302.718	4.131.321.566.267
1. Hàng tồn kho	141		3.388.137.574.911	4.230.814.555.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.897.272.193)	(99.492.988.745)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.016.539.504.112	973.958.802.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	69.180.592.590	64.103.557.619
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		527.300.614.290	516.742.213.794
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.20	420.058.297.232	393.113.031.454

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		54.219.844.693.958	54.997.733.643.074
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		657.484.252.712	674.543.960.596
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.04	3.585.475.244	3.049.584.972
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.05	798.339.917.201	811.118.551.465
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.06	223.466.914.989	278.179.328.465
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.09	(367.908.054.722)	(417.803.504.306)
II. Tài sản cố định	220		34.438.241.979.610	33.980.726.349.462
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	34.325.967.725.476	33.861.804.917.878
- Nguyên giá	222		54.895.510.290.377	52.314.100.623.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.569.542.564.901)	(18.452.295.705.600)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.13	697.064.068	1.163.799.256
- Nguyên giá	225		1.866.940.741	1.866.940.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.169.876.673)	(703.141.485)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	111.577.190.066	117.757.632.328
- Nguyên giá	228		203.375.045.062	202.987.056.983
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.797.854.996)	(85.229.424.655)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.14	1.344.022.245.376	1.418.651.006.137
- Nguyên giá	231		2.277.537.159.287	2.236.641.918.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(933.514.913.911)	(817.990.911.912)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.15	10.774.411.544.433	12.102.434.397.879
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		196.926.030.106	192.610.413.175
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.577.485.514.327	11.909.823.984.704
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.02	2.956.531.742.936	2.826.988.655.514
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.184.436.484.097	2.431.387.573.533
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		360.702.878.861	393.731.440.114
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47.107.613.940)	(50.380.358.133)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		458.499.993.918	52.250.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.049.152.928.891	3.994.389.273.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.637.589.873.576	3.674.890.909.457
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.16	115.055.154.691	168.229.975.157
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		105.873.272.385	114.354.099.253
4. Lợi thế thương mại	269	5.17	190.634.628.239	36.914.289.619
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		78.062.093.620.098	78.447.873.682.328

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		23.084.890.704.040	24.932.316.138.862
I. Nợ ngắn hạn	310		9.652.535.590.089	10.390.753.370.425
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.18	931.394.013.415	916.113.778.287
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.19	518.634.401.781	524.588.783.208
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.20	541.785.333.881	652.712.412.987
4. Phải trả người lao động	314		1.571.452.577.561	1.408.646.288.384
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.21	384.394.202.896	430.853.600.076
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.22	341.540.873.232	323.604.394.627
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.23	1.029.349.049.335	1.646.176.259.282
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.24	3.002.624.606.830	2.817.045.890.836
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.974.277	2.945.044.962
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.331.353.556.881	1.668.066.917.776
II. Nợ dài hạn	330		13.432.355.113.951	14.541.562.768.437
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.19	78.701.769.117	100.742.913.477
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.21	332.639.595.932	264.473.290.729
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.22	8.947.475.780.198	9.093.411.560.941
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.23	134.352.361.575	143.943.522.838
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.24	3.577.280.067.014	4.595.715.762.064
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	4.291.419.969	4.291.419.969
7. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		357.614.120.146	338.984.298.419

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	5.25	54.977.202.916.058	53.515.557.543.466
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.936.297.729.629	53.443.146.128.753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		325.832.755.422	198.838.391.619
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.591.031.002	10.591.031.002
4. Cổ phiếu quỹ	415		(959.534.010)	(959.568.311)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.574.186.166.104)	(1.574.186.166.104)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		460.661.081.422	253.777.611.514
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.408.494.473.494	5.089.160.674.135
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		252.909.421	252.909.421
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.187.395.112.271	5.020.241.316.983
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.564.219.921.978	1.138.360.107.350
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.623.175.190.293	3.881.881.209.633
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.118.216.066.711	4.445.429.928.494
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.26	40.905.186.429	72.411.414.713
1. Nguồn kinh phí	431		(53.804.697.590)	(39.714.829.908)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		94.709.884.019	112.126.244.621
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		78.062.093.620.098	78.447.873.682.328

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Hồng Minh

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hải Em

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hưng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.01	22.167.764.814.943	25.475.298.231.163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	6.02	29.361.662.457	53.896.946.040
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01 - 02)	10	6.03	22.138.403.152.486	25.421.401.285.123
4. Giá vốn hàng bán	11	6.04	17.175.504.672.774	19.031.442.351.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 11)	20		4.962.898.479.712	6.389.958.933.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.05	1.114.792.596.285	894.185.343.656
7. Chi phí tài chính	22	6.06	618.011.845.618	693.655.051.039
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>477.578.421.406</i>	<i>490.848.598.668</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	6.07	(208.249.655.606)	203.589.622.831
9. Chi phí bán hàng	25	6.08	591.451.294.471	592.312.872.341
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.09	1.864.450.111.955	1.756.840.052.036
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22+24-25-26)	30		2.795.528.168.347	4.444.925.924.720
12. Thu nhập khác	31	6.10	1.654.215.097.847	1.818.655.064.604
13. Chi phí khác	32	6.11	335.851.426.630	495.400.936.905
14. Lợi nhuận khác (31 - 32)	40		1.318.363.671.217	1.323.254.127.699
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		4.113.891.839.564	5.768.180.052.419
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.12	688.075.163.368	936.903.046.284
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.13	52.955.013.507	27.128.098.390
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50-51-52)	60		3.372.861.662.689	4.804.148.907.745
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.623.175.190.293	3.881.881.209.633
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		749.686.472.396	922.267.698.112
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.14	485	807

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Minh

Phạm Văn Hải Em



Lê Thanh Hưng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.113.891.839.564	5.768.180.052.419
2. Điều chỉnh cho các khoản		353.560.926.443	1.743.988.310.076
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.488.425.976.550	2.458.765.550.692
- Các khoản dự phòng	03	(43.408.958.719)	16.249.907.119
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	46.957.442.844	25.739.685.348
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.944.015.312.045)	(1.258.065.874.008)
- Chi phí lãi vay	06	805.601.777.813	501.299.040.925
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.467.452.766.007	7.512.168.362.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	199.569.497.016	129.477.105.416
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	842.676.980.101	(697.830.350.179)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(693.546.845.913)	(646.341.127.416)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	32.224.000.910	(1.773.239.836)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(457.590.930.686)	(443.851.383.747)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(621.751.502.843)	(767.483.631.746)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.728.819.054.169	1.027.952.219.968
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.249.339.599.450)	(4.769.620.082.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.248.513.419.311	1.342.697.872.512
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(964.954.528.436)	(802.275.672.956)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	611.336.137.318	673.001.182.623
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.639.190.543.183)	(2.616.163.090.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	1.538.729.973.579	1.752.553.505.278
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.303.056.383)	(46.510.319.289)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.219.256.472	32.106.920.695
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	378.154.029.977	468.648.744.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.087.008.730.656)	(538.638.730.002)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND (Trình bày lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.572.002.442.848	4.671.437.328.064
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.404.859.421.904)	(6.264.122.945.504)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(87.893.800.763)	(118.960.635.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(920.750.779.819)	(1.711.646.253.408)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	1.240.753.908.836	(907.587.110.898)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.370.292.544.522	5.303.619.340.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(46.957.442.844)	(25.739.685.348)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.564.089.010.514	4.370.292.544.522

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Hồng Minh

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hải Em

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tập đoàn Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010. Từ ngày 01/06/2018 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 06 năm 2018, thay đổi lần thứ 05 ngày 20/01/2022.

Vốn điều lệ của Tập đoàn theo giấy đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20/01/2022 là: 40.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi nghìn tỷ đồng*).

Tên tiếng Anh: Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company

Tên viết tắt: VRG

Cổ phiếu của Tập đoàn đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã giao dịch là GVR

Địa chỉ giao dịch: Số 177 Hai Bà Trưng, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của tập đoàn là:

- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm));
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su và cây rừng trồng (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su, nguyên liệu ngành công nghiệp cao su, vật tư nông nghiệp);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Cơ khí: đúc, cán thép; sửa chữa, lắp ráp, chế tạo và kinh doanh các sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp khác (không đúc, sắt thép và chế tạo sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trồng cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng (Chi tiết: Hoạt động tài chính, tín dụng và dịch vụ tài chính);



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở). Công nghiệp sản xuất;
- Khai thác, xử lý và cấp nước (Chi tiết: Cấp nước);
- Thoát nước và xử lý nước thải (Chi tiết: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở));
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Đo đạc, bản đồ, kiểm định, giám định hàng hóa);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Chi tiết: Tin học);
- In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn (Khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý du lịch (Chi tiết: Dịch vụ du lịch);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ xuất khẩu lao động);
- Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi gia súc (Không hoạt động tại trụ sở));
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ khoa học công nghệ, xuất bản; thương mại. Dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Chế biến và kinh doanh mũ cao su);
- Trồng cây cao su (Sản xuất kinh doanh chính);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Chi tiết: Đầu tư phát triển, tổ chức quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường thủy);
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (trừ lưu trú bệnh nhân);
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ);
- Sản xuất điện (Chi tiết: Công nghiệp điện: Đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; Kinh doanh điện theo đúng các quy định của pháp luật);
- Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật);

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.



1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2015, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Cao su Việt Nam được sáp nhập vào Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, các khoản nợ xấu nhận sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Cao su Việt Nam tiếp tục được Tập đoàn kế thừa để theo dõi, quản lý và thu hồi.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên văn phòng đại diện	Địa chỉ
1	Văn phòng đại diện tại Hà Nội	56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
2	Văn phòng đại diện tại Campuchia	7B, phố 466, Phường Tonle Bassac, Quận Charkamon, Phnom Penh, Campuchia
3	Văn phòng đại diện tại Lào	Bản Hongke, huyện Saysetha, Thủ đô Viêng Chăn

Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết liên doanh

Nội dung	Số lượng
- Tổng số Công ty con tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính	99 Công ty
· Số lượng các Công ty con được hợp nhất	99 Công ty
· Số lượng các Công ty con không được hợp nhất	0 Công ty
- Tổng số Công ty liên kết tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính	16 Công ty
· Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất	16 Công ty
· Số lượng các Công ty liên kết không được hợp nhất	0 Công ty



CÔNG TY CON

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có chín mươi chín (99) Công ty con như sau:

Các Công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
1	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Cao su Đồng Nai	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước
6	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk
7	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	499 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đrăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk
8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai
9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum
11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	01 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hoà, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
100 %	100 %	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
100 %	100 %	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, thương nghiệp buôn bán mủ và các dịch vụ cho việc phát triển cao su
100 %	100 %	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su thiên nhiên; trồng rừng, khai thác, chế biến các loại cây lâm nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp
100 %	100 %	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su; Trồng, chăm sóc rừng, khai thác lâm sản
100 %	100 %	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
100 %	100 %	Trồng cây cao su, cà phê, cây nông nghiệp ngắn ngày; Mua bán, xuất nhập khẩu: Cao su, vật tư, thiết bị ngành cao su; cà phê, nông sản, thực phẩm
100 %	100 %	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
100 %	100 %	Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su, cà phê; Sản xuất và chế biến gỗ; Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su; Khai thác và chế biến khoáng sản; Thương nghiệp bán buôn
100 %	100 %	Trồng trọt; Công nghiệp hoá chất phân bón và cao su; Thương nghiệp bán buôn; Khai hoang xây dựng vườn cây
100 %	100 %	Trồng mới, khai thác, chăm sóc và chế biến mủ cao su
100 %	100 %	Bán buôn cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, trồng cây cao su; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
100 %	100 %	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, cà phê, hồ tiêu, sản xuất gỗ thành phẩm; Sản xuất phân bón; Thương nghiệp bán buôn và trực tiếp xuất khẩu



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Quốc lộ 1 A, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Km22, QL 15A, xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê -Hà Tĩnh	Xóm 12, xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Đường Lý Nam Đế, khu đô thị mới Đông Hưng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	264 đường Hùng Vương, phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Các đơn vị sự nghiệp có thu do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn		
21	Viện Nghiên cứu Cao su	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
22	Trung tâm Y tế Cao su	410 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
23	Tạp chí Cao su	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
24	Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	1428 Phú Riêng Đỏ, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
100 %	100 %	Đầu tư trồng, chăm sóc cây cao su; Xây dựng công trình dân dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi
100 %	100 %	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm; Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu; Dịch vụ Khách sạn
100 %	100 %	Trồng, bảo vệ và khoanh nuôi rừng; Khai thác, chế biến, tiêu thụ các loại lâm sản; Xuất khẩu sản phẩm cao su thành phẩm; sản xuất gạch ngói
100 %	100 %	Trồng và chăm sóc, khai thác, chế biến, xuất khẩu sản phẩm Cao su
100 %	100 %	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su
100 %	100 %	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
100 %	100 %	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su
100 %	100 %	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su
100 %	100 %	Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật KH-CN các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp cao su thiên nhiên
100 %	100 %	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong ngành cao su và ngành khác
100 %	100 %	Báo chí và in ấn
100 %	100 %	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành cao su



Các công ty con do Tập đoàn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
25	Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
26	Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
27	Công ty Cổ phần VRG Đắk Nông	Phường Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
28	Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su	64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
29	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
30	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị	KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
31	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
32	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	207 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
33	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu
34	Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
35	Công ty Cổ phần Quasa Geruco	D21, Trung tâm Thương Mại Đông Nam Á, Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị
36	Công ty Cổ phần TM Dịch vụ & Du lịch Cao su	Đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
37	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên	Phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
38	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
77,25%	83,57%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp
80,93%	80,93%	Sản xuất kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện
91,34%	98,30%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện; Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, các loại cây công nghiệp khác và trồng rừng
82,44%	82,44%	Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su
83,08%	92,11%	Chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dụng cụ thể thao; Mua bán cao su; Nhập khẩu các loại vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dụng cụ thể thao.
97,32%	97,41%	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, Okal; Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác
66,62%	66,62%	Trồng cây cao su; Khai thác và chế biến mủ cao su; Thu mua mủ nguyên liệu; Bán lẻ xăng dầu; Mua bán và chế biến gỗ cao su
89,29%	100,00%	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su (không kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh); Mua bán nguyên liệu cao su, khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)
55,06%	55,06%	Trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su thiên nhiên
50,00%	50,00%	Thu mua, sản xuất sơ chế mủ cao su; Bán buôn các sản phẩm sơ chế mủ cao su thiên nhiên; Kinh doanh XNK sản phẩm cao su, vật tư hoá chất sản xuất cao su
99,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su và rừng nguyên liệu
96,52%	100,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu cao su và các loại nông, lâm, thủy hải sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn và khu du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa
42,30%	53,27%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
59,69%	59,69%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Mua bán mủ cao su



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
39	Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
40	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên	Số nhà 611, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
41	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Số 12, Đường HT25, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
42	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
43	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	Quốc lộ 22B, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
44	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	Tổ 11, Phường Chiềng Lề, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
45	Công ty Cổ phần Cao su Điện Biên	Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
46	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Tổ 5, phường Đoàn kết, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu
47	Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	308E Phan Đình Phùng, Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
48	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Số 17, đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
49	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom	Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
50	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu
51	Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
61,00%	61,00%	Khai thác, chế biến gỗ, sản xuất các mặt hàng : tủ, bàn ghế, giường ngủ, mặt hàng gia dụng, các sản phẩm trang trí nội thất
98,41%	98,41%	Du lịch, dịch vụ, đào tạo, sát hạch lái xe
92,05%	92,05%	Chuyên sản xuất, chế tạo máy sơ chế mủ cao su
55,24%	55,24%	Trồng trọt, chế biến nông sản, lâm sản; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Công nghiệp hóa chất phân bón và cao su
60,00%	60,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
99,36%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
100,00%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới cây cao su; Trồng rừng, chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc; Đại lý mua bán, phân phối cây giống, phân bón, các sản phẩm cao su
98,32%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới tiêu điện; Trồng rừng; Đại lý bón phân; Kinh doanh xuất nhập khẩu
95,42%	100,00%	Trồng và chăm sóc cây cao su
93,03%	93,03%	Trồng cây cao su: trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su nguyên chất; Trồng rừng và chăm sóc rừng
99,07%	99,97%	Trồng và chăm sóc cây cao su
97,47%	97,47%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên; dịch vụ khách sạn và du lịch
70,00%	70,00%	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
52	Công ty Cổ phần VRG Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
53	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
54	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây	Km 2, tỉnh lộ 769, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
55	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh	Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
56	Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang	Nhóm 4, Tổ 9, Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
57	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Thửa đất số 117, 118, tờ bản đồ số 15, ấp 1, xã Hưng Hoà, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
58	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie	Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
59	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai Kratie	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
60	Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum
61	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
62	Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm	Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
63	Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
64	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Lô M, đường số 1, KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
94,70%	94,70%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện. Đầu tư trồng, khai thác, chế biến cao su
98,46%	98,46%	Trồng trọt, công nghiệp hóa chất phân bón và cao su; Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp
71,84%	85,71%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
75,68%	81,00%	Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp
100%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cây cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới; Chăn nuôi gia súc; Trồng và chăm sóc rừng; Chế biến gỗ; Đại lý mua bán tận thu mủ cao su
55,09%	90,00%	Chế biến gỗ; Mua bán mủ cao su
62,54%	88,33%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su
88,73%	88,73%	Trồng, khai thác và chế biến cao su và cây nông nghiệp. Sản xuất, mua bán vật tư nông nghiệp
77,46%	99,38%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
41,54%	74,44%	Chế biến cao su kỹ thuật và các sản phẩm dân dụng từ cao su; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu cao su, vật tư, phân bón, hóa chất
93,83%	93,83%	Trồng, khai thác và chế biến cao su thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản
92,67%	97,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
99,82%	100,00%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
65	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước
66	Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
67	Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Khu phố 4A thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
68	Công ty Cổ phần Phân bón Thương mại Phú Thịnh	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông
69	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu
70	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa Kampong Thom	Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu
71	Công ty Cổ phần Cao su Chư sê Kampong Thom	Số 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
72	Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri	Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai
73	Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom	Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia
74	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
75	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long	Ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
76	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái	Thôn 2, xã Tân Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
77	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Số nhà 186, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
90,51%	91,49%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; chế biến gỗ
50,67%	70,60%	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
59,03%	62,54%	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất; Sửa chữa máy móc, thiết bị phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ)
48,52%	53,61%	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng
99,8%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
92,75%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
99,95%	99,95%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng cây cao su; Trồng cây điều; Trồng cây cà phê
100,00%	100,00%	Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất phân bón NPK; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
66,62%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
45,38%	91,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại
57,09%	78,89%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
99,79%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su
89,12%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
78	Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri	Xã Ea Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk
79	Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai
80	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Số 33, Tổ 26, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
81	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
82	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
83	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K	Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia
84	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Bình	Xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
85	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
86	Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh	Tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
87	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siem Riệp	Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia
88	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Tỉnh Oudomxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
89	Công ty TNHH VKETI	Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia
90	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
100,00%	100,00%	Đầu tư, chăm sóc, chế biến, tiêu thụ cao su; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng; Mua bán xuất nhập khẩu cao su
99,86%	99,86%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
95,00%	95,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
97,99%	97,99%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
69,00%	69,00%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Khai thác gỗ; Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
59,64%	95,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi
51,04%	51,04%	Sản xuất găng tay y tế các loại
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
60,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
99,98%	100,00%	Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại; Khai thác quặng kim loại quý hiếm



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động
91	Công ty TNHH Cao su Ea H'leo BM	Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia
92	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa Đắk Lắk	138 Hùng Vương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
93	Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên	Bản Mường Nhé, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
94	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van	Tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
95	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
96	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
97	Công ty TNHH Cao su & Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk	Thôn 2, Xã Ia Iơi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
98	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ cao su Kon Tum	Thôn 01, Xã Đắk La, Huyện Đăk Hà, Tỉnh Kon Tum
99	Công ty Cổ phần Thành phố Nội thất Việt Nam	Tòa nhà U&I, số 158, đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam.

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có mười sáu (16) Công ty liên kết, liên doanh như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động
1	Công ty Cổ phần Thống Nhất	KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	165 Bạch Đằng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
3	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	Số 8 Trần Quý Khoách, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
66,62%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
50,00%	50,00%	Bán buôn cao su
68,17%	68,17%	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ
60,22%	90,40%	Trồng cây ăn quả; Chế biến và bảo quản rau quả; Trồng cây cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
51,00%	51,00%	Khai thác gỗ và lâm sản khác; thu nhặt sản phẩm từ rừng; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
33,97%	51,00%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, kim loại;

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
36,07%	36,07%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; kinh doanh điện, nước sạch; dịch vụ xử lý nước thải
36,25%	39,11%	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh KCN; Xây dựng nhà ở, căn hộ, văn phòng; Khai thác và chế biến các loại khoáng sản; cho thuê đất, kho bãi, văn phòng, nhà ở, bãi đỗ xe
27,78%	27,78%	Trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su



STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	Ấp Hòa Vinh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	Km 72+000, đường ĐT.741, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
6	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha	Lô G, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
7	Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	Số 636 đường Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
8	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Lô B3,1 KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
9	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đường số 1, ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
10	Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	KCN Nhơn Trạch 2, Lộc Khang, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
11	Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	Lô K5, K6, K7 Đường N9A, KCN Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
12	Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	Văn phòng Nông trường Long Thành, Khu 13, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
13	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	Khu Công nghiệp Ia Khươl, thôn Tân Lập, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
14	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	Số 16 Võ Liêm Sơn, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
15	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
16	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	Lô E, KCN Lộc An, Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
29,17%	29,17%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn tổng hợp
16,93%	20,54%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
49,00%	49,00%	Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ, dăm nguyên liệu; Sản xuất, kinh doanh gỗ nhân tạo MDF, hóa chất phục vụ ngành gỗ
27,14%	27,14%	Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su; sản xuất mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu
48,85%	48,85%	Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su; Băng tải, dây curroie, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật
26,91%	31,13%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất vật liệu xây dựng: Bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, ống cống, cấu kiện bê tông đúc sẵn; Trồng, khai thác, chế biến và mua bán sản phẩm cây nông nghiệp và công nghiệp
32,59%	32,59%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp
49,06%	49,06%	Sản xuất sợi nhân tạo, sản xuất sản phẩm khác từ cao su
8,46%	20,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
34,32%	34,32%	Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
36,00%	36,00%	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Thoát nước và xử lý nước thải Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
49,00%	49,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào
31,00%	31,00%	Kinh doanh cơ sở hạ tầng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con. Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Cơ sở chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con

Tập đoàn có một số công ty con tại Lào và Campuchia sử dụng LAK (Kíp) - Lào và KHR (Riel) - Campuchia làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn theo Luật định Việt Nam, Tập đoàn đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính của các công ty con tại Lào và Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập bằng đồng tiền LAK (Kíp) - Lào và KHR (Riel) - Campuchia sang Đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày 31/12/2023 của Ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ước tính kế toán



Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Tập đoàn. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng các khoản phải thu về cho vay khách hàng được sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam:

- Các khoản cho vay khách hàng được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo. Khoản cho vay này được theo dõi như các khoản dư nợ vay tín dụng và thực hiện trích lập dự phòng theo dự phòng rủi ro tín dụng.

- Dự phòng rủi ro tín dụng: được lập theo quý và được ghi nhận vào Báo cáo tài chính trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm;

- Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Khoản vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày	0%
2	Nợ cần chú ý	- Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	- Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc - Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.	20%
4	Nợ nghi ngờ	- Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất vào quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc. - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	- Quá hạn trên 360 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất vào quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ được đã cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc. - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ 2; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 3; hoặc - Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.	100%

- Dự phòng chung: được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

- Tập đoàn phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Quyết định số 22/VBHN-NHNN ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Các khoản cho vay được phân thành năm nhóm nợ căn cứ vào tình hình trả nợ và các yếu tố định tính như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn.

- Ngoài ra, theo Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/03/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: Nợ trong hạn và Nợ quá hạn dựa vào trạng thái của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.
- Hoạt động Repo cổ phiếu được ghi nhận như một khoản phải thu về cho vay khách hàng, dự phòng rủi ro tín dụng trong lĩnh vực Repo được Tập đoàn xác định căn cứ vào giá trị thuần của cổ phiếu Repo tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| • Máy móc, thiết bị | 03 - 10 năm |
| • Phương tiện vận tải | 03 - 08 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| • Các tài sản khác | 08 - 20 năm |
| • Phần mềm quản lý | 03 - 10 năm |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Riêng khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC- TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:



Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động. Thuê tài chính Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị 03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 03 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm
- Các tài sản khác 08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý 03 - 10 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường

thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 - 10 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm khấu hao</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê kho, văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.



Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tập đoàn theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ

nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Hàng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được Tập đoàn ghi nhận tương ứng phần lợi ích của Tập đoàn tại Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu quỹ được Tập đoàn ghi nhận tương ứng phần lợi ích của Tập đoàn tại Công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính hợp nhất và chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thời gian xây dựng cơ bản.

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của các Công ty. Công ty quản lý và sử dụng các quỹ này theo đúng điều lệ và các quy định hiện hành có liên quan.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tập đoàn và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Nguồn vốn đầu tư XDCB được hình thành từ nguồn lợi nhuận mà cơ quan có thẩm quyền để lại cho Tập đoàn với mục đích để đầu tư dài hạn theo kế hoạch.

Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp được hình thành từ nguồn thu bán phần vốn Nhà nước tại các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn trước đây. Hiện nay, Tập đoàn tạm thời được quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài Chính về quản lý và sử dụng quỹ hỗ



trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước, Công mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ, công ty con.

Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ quy đổi ngoại tệ

Đối với doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng:

Đối với Công ty mẹ và các Công ty tại Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước và trả trước cho người bán, doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của năm tài chính.

Đối với Công ty con tại nước ngoài

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối năm liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian không quá 5 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và quy đổi đối với tổ chức tín dụng:

Theo hệ thống kế toán của các tổ chức tín dụng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng được hạch toán bằng VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh thông qua giao dịch mua bán ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lợi nhuận để lại. Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ khác sang VND được xử lý vào doanh số của các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế. Các điều kiện để ghi nhận doanh thu được Tập đoàn áp dụng cụ thể như sau:

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.

- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất và kinh doanh mủ cao su, Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su; Chế biến gỗ; Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng;... Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Tiền mặt	117.250.653.591	125.321.201.333
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.217.397.257.651	2.399.649.450.557
- Các khoản tương đương tiền (i)	3.229.441.099.272	1.845.321.892.632
Cộng	5.564.089.010.514	4.370.292.544.522

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng và được hưởng lãi theo lãi suất áp dụng tại từng thời điểm.

**5.2. Đầu tư tài chính****5.2.1. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Địa ốc MB (i)	1.095.397.161	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp mới Kim Tự Tháp (OTC) (i)	68.237.000	(68.237.000)
Tổng	1.163.634.161	(68.237.000)

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

5.2.2. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023 (VND)	
	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH
	2.028.396.287.412	156.040.196.685
- Công ty Cổ phần Thống Nhất	48.139.152.723	27.844.944.524
- Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	8.749.737.281	(4.140.742.811)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	58.397.844.479	41.383.351.504
- Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	26.350.000.000	27.324.174.492
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	1.004.392.840.663	132.157.394.958
- Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	95.141.495.684	(73.453.060.149)
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	57.440.573.000	43.838.710.889
- Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	9.768.852.055	(1.860.226.720)
- Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	36.000.000.000	1.821.640.405
- Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	150.850.230.247	(240.396.655.672)
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	8.086.578.953	(1.245.526.795)
- Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	4.176.773.239	(257.064.767)
- Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	80.000.000.000	(27.850.510)
- Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng Việt Lào	368.345.953.553	49.542.192.043
- Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	39.527.694.282	153.508.915.293
Công ty Đầu tư Phát triển VRG Long Thành	33.028.561.253	-

01/01/2023 (VND)			
Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
-	1.095.397.161	-	-
-	68.237.000	(68.237.000)	-
-	1.163.634.161	(68.237.000)	-

01/01/2023 (VND)			
Giá trị hợp lý	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý
2.184.436.484.097	1.995.367.727.159	436.019.846.374	2.431.387.573.533
75.984.097.247	48.139.152.723	40.263.906.391	88.403.059.114
4.608.994.470	8.749.737.281	(3.423.149.899)	5.326.587.382
99.781.195.983	58.397.844.479	36.005.794.005	94.403.638.484
53.674.174.492	26.350.000.000	27.399.152.913	53.749.152.913
1.136.550.235.621	1.004.392.840.663	422.407.643.319	1.426.800.483.982
21.688.435.535	95.141.496.684	(68.647.069.116)	26.494.427.568
101.279.283.889	57.440.573.000	44.074.436.858	101.515.009.858
7.908.625.335	9.768.852.055	(2.113.987.179)	7.654.864.876
37.821.640.405	36.000.000.000	1.315.254.010	37.315.254.010
(89.546.425.425)	150.850.230.247	(200.535.179.536)	(49.684.949.289)
6.841.052.158	8.086.578.953	(1.450.401.097)	6.636.177.856
3.919.708.472	4.176.773.239	(257.064.767)	3.919.708.472
79.972.149.490	80.000.000.000	15.684.994	80.015.684.994
417.888.145.596	368.345.953.553	35.368.891.452	403.714.845.005
193.036.609.575	39.527.694.282	105.595.934.026	145.123.628.308
33.028.561.253	-	-	-

**5.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng
	360.702.878.861	(47.107.613.940)
- Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu	3.850.000.000	(215.512.850)
- Công ty CP EVN Quốc Tế (i)	44.118.073.392	-
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn Đông Hà	13.877.341.956	(7.784.515.153)
- Công ty CP Điện Việt Lào (i)	79.567.924.335	-
- Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	24.418.782.000	(4.829.492.440)
- Công ty CP Đầu tư XD & XNK Cao su	1.500.000.000	(1.116.653.096)
- Công ty CP BOT QL13 An Lộc-Hoa Lư	23.082.813.181	(23.082.813.181)
- Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	51.808.000.000	(9.546.693.319)
- Công ty CP Vi sinh Việt Mỹ	4.176.773.239	(531.933.901)
- Công ty CP Địa Ốc MB (i)	600.000.000	-
- Công ty CP Mía đường Thanh Hóa (i)	4.897.408.624	-
- Công ty CP Tuần Lộc Quảng Trị (i)	3.000.000.000	-
- Công ty CP CB Gỗ XK Địa ốc Cao su (i)	303.998.714	-
- Công ty Cổ phần Phú Việt Tín (i)	12.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG (i)	91.001.763.420	-
- Công ty CP Phân vi sinh Quảng Trị (i)	2.000.000.000	-
- Công ty Đầu tư Phát triển VRG Long Thành (i)	-	-

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 31/12/2022 và 29/12/2023. Ngoài các khoản đầu tư này, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

01/01/2023 (VND)

Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
313.595.264.921	393.731.440.114	(50.380.358.133)	339.570.463.662
3.634.487.150	3.850.000.000	(326.439.295)	3.523.560.705
	44.118.073.392	-	
6.092.826.803	13.877.341.956	(7.784.515.153)	6.092.826.803
	79.567.924.335	-	
19.589.289.560	24.418.782.000	(8.131.454.406)	16.287.327.594
383.346.904	1.500.000.000	(1.116.653.096)	383.346.904
-	23.082.813.181	(23.082.813.181)	-
42.261.306.681	51.808.000.000	(9.406.549.101)	38.620.832.580
3.644.839.338	4.176.773.239	(531.933.901)	3.644.839.338
-	600.000.000	-	-
-	4.897.408.624	-	-
-	3.000.000.000	-	-
-	303.998.714	-	-
-	12.500.000.000	-	-
-	91.001.763.420	-	-
-	2.000.000.000	-	-
-	33.028.561.253	-	-



5.2.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	11.354.264.425.848	11.354.264.425.848	11.210.544.080.807	11.210.544.080.807
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	11.354.264.425.848	11.354.264.425.848	11.210.544.080.807	11.210.544.080.807
b. Dài hạn	458.499.993.918	458.499.993.918	52.250.000.000	52.250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	446.499.993.918	446.499.993.918	16.880.000.000	16.880.000.000
Trái phiếu	12.000.000.000	12.000.000.000	35.370.000.000	35.370.000.000

(i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng của Tập đoàn và các Công ty con tại các Ngân hàng thương mại và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng từng thời điểm.

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Phải thu khách hàng mua mủ cao su nội địa	355.324.469.569	353.421.413.586
- Phải thu khách hàng mua mủ cao su xuất khẩu	211.554.771.809	263.359.668.752
- Phải thu khách hàng về hoạt động gia công chế biến mủ cao su, pallet, sản xuất các sản phẩm từ gỗ	391.614.955.000	432.810.134.385
- Phải thu khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng	160.479.249.833	121.373.017.909
- Phải thu khách hàng mua cây cao su thanh lý, gãy đổ	3.362.486.744	23.695.968.920
- Phải thu khách hàng về bán, chuyển giao và lắp đặt công trình cơ khí, máy móc thiết bị	54.021.902.237	39.895.106.931
- Phải thu khách hàng về hoạt động tư vấn, giám sát và các dịch vụ thẩm định trong xây lắp công trình	942.045.250	1.032.270.250
- Phải thu khách hàng về hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.166.068	4.166.068
- Phải thu về khách hàng thuê hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư	44.755.217.323	47.189.011.371
- Phải thu khách hàng hoạt động cho thuê tài sản	4.500.000	168.136.364
- Phải thu khách hàng về mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác	209.373.458.323	158.109.304.086
Cộng	1.431.437.222.156	1.441.058.198.622

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn

Ngắn hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Trả trước người bán về hàng hóa nội địa	77.423.865.865	23.277.857.029
- Trả trước người bán về hàng hóa nhập khẩu	37.282.279.426	32.613.055.290
- Trả trước người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	41.924.006.684	222.163.146.874
- Trả trước người bán về dịch vụ nội địa được cung cấp	19.572.322.267	59.527.073.409
- Trả trước người bán khác	253.304.438.340	111.585.885.540
Tổng	429.506.912.582	449.167.018.142



Dài hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Trả trước người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	191.700.000	191.700.000
- Trả trước người bán khác	3.393.775.244	2.857.884.972
Tổng	3.585.475.244	3.049.584.972

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

Ngắn hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Đông Bắc (i)	519.124.000	2.855.480.160
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Cao su	7.529.125.000	7.529.125.001
Tổng	8.048.249.000	10.384.605.161

(i) Khoản cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc vay theo hợp đồng vay tiền số 08/HĐVT ngày 20/9/2012 với số tiền vay 200.000 USD. Nợ gốc phải thu đến 31/12/2023 là 519.124.000 VND.

Dài hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Cho vay tại các công ty thành viên trong Tập đoàn	65.415.486.245	70.405.875.443
- Cho vay tại Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam được sáp nhập	732.924.430.956	740.712.676.022
+ Cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu (i)	51.736.359.215	51.796.359.215
+ Cho vay khách hàng (i)	681.188.071.741	688.916.316.807
Tổng	798.339.917.201	811.118.551.465

(i) Xem tại thuyết minh số 5.9

5.6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

Ngắn hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Lãi vay phải thu về cho vay	168.434.797.366	134.376.534.169
- Lãi dự thu	194.436.103.642	146.370.265.225
- Tạm ứng	97.688.833.062	100.739.072.584
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	35.333.125.799	31.073.394.440
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	47.209.887.233	23.277.516.126
- Phải thu người lao động	14.324.518.632	52.828.985.707
- Phải thu về các khoản bảo hiểm	8.987.189.589	12.451.428.849
- Phải thu về các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh	20.774.962.320	19.692.510.735
- Phải thu ngắn hạn khác	335.419.721.477	530.568.457.135
Tổng	922.609.139.120	1.051.378.164.970

Dài hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Lãi vay phải thu	11.810.876.616	12.162.499.359
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	33.025.578.621	31.604.550.475
- Phải thu người lao động	-	177.983.310
- Phải thu về các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh	33.072.423.996	46.930.431.622
- Phải thu dài hạn khác	145.558.035.756	187.303.863.699
Tổng	223.466.914.989	278.179.328.465

**5.7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Tiền	6.552.663.359	6.552.663.359
- Hàng tồn kho, gửi bán	41.241.542.904	11.473.109.733
- Tài sản cố định	4.468.222.704	4.468.222.704
- Tài sản khác	14.686.864.843	16.683.173.525
Tổng	66.949.293.810	39.177.169.321

5.8. Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	9.909.112.369	-	16.208.052.550	
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	452.245.063.732	(751.382.751)	223.069.952.103	(407.149.160)
- Công cụ, dụng cụ trong kho	211.621.024.903	(5.905.000)	239.674.503.934	-
- Chi phí SXKD dở dang	715.118.607.652	-	768.333.470.417	
- Thành phẩm tồn kho	1.787.759.336.395	(22.069.281.616)	2.529.550.298.355	(70.160.080.057)
- Hàng hóa tồn kho	186.540.304.553	(5.035.837.383)	422.551.464.866	(28.890.894.085)
- Hàng gửi đi bán	11.198.524.232	(34.865.443)	17.681.211.712	(34.865.443)
- Hàng hóa bất động sản	13.745.601.075	-	13.745.601.075	-
Tổng	3.388.137.574.911	(27.897.272.193)	4.230.814.555.012	(99.492.988.745)

5.9. Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ Xấu	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phạm Duy Khương	28.471.341.389	3.114.530.588	28.471.341.389	3.114.530.588
Công ty CP Chứng khoán Delta	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Làng Biệt thự du lịch sinh thái Quận 9	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	9.378.293.541	-	9.378.293.541	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Cao su	9.184.524.709	-	9.184.524.709	-
Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	-	8.956.471.270	-



Nợ Xấu (Tiếp theo)	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su	8.752.000.000	-	8.752.000.000	-
Công ty TNHH SXTMDV Hữu Nghị	7.843.792.484	-	7.843.792.484	-
Công ty CP Chứng khoán Delta	5.984.360.000	-	5.984.360.000	-
Công ty CP Giấy Ưu Việt	7.320.890.684	2.008.572.684	7.320.890.684	2.008.572.684
Công ty Vật liệu Xây dựng Xây lắp Bộ thương mại	5.007.361.732	-	5.007.361.732	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Vận tải Duy	5.806.301.264	1.473.550.632	5.806.301.264	1.473.550.632
Công ty CP Kết nối Tân Trung Thành	4.262.586.793	-	4.262.586.793	-
Công ty CP SX - XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ	3.870.681.600	-	3.870.681.600	-
Ông Đỗ Minh Tiến	4.454.245.322	622.806.500	4.454.245.322	622.806.500
Romi Spot	3.829.122.900	-	3.829.122.900	-
Công ty TNHH MTV Thủy Trâm	4.346.605.839	1.207.603.526	4.346.605.839	1.207.603.526
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phúc Thịnh Kiên Giang	2.531.929.310	-	2.531.929.310	-
Phạm Duy Mai	2.382.064.541	-	2.382.064.541	-
Xí nghiệp tư doanh Hoàng Nam	2.179.391.892	-	2.179.391.892	-
Công ty TNHH Ngôi sao Mê Kông	2.140.926.587	-	2.140.926.587	-
Các khách hàng cho vay sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam (1)	681.188.071.741	341.294.714.856	688.916.316.807	346.744.790.922
Các khoản cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam (2)	51.736.359.215	6.679.200.000	51.796.359.215	4.634.960.000
Các đối tượng công nợ khác	166.410.408.707	25.548.167.131	108.650.148.576	6.567.888.711
Tổng cộng	1.062.387.731.520	381.949.145.917	1.012.415.716.455	366.374.703.563

(1) Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam ("RFC") đã sáp nhập vào Tập đoàn từ ngày 01/12/2015, số dư nợ gốc cho vay tại ngày 31/12/2023 với số tiền 732,9 tỷ VND bao gồm 181 đối tượng khách hàng cho vay, chi tiết một số thông tin liên quan:



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Tổng số dư nợ cho vay	732.924.430.956	740.712.676.022
Lãi dự thu (*)	2.040.276.494.911	1.941.047.945.842
Giá trị tài sản thế chấp trong các hợp đồng cho vay	1.441.543.902.861	1.449.882.002.861
+ Bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị	1.247.742.337.861	1.256.080.437.861
+ Tài sản cơ quan thi hành án đang giữ	2.206.740.000	2.206.740.000
+ Tài sản là các chứng từ có giá		0
+ Tài sản chưa đăng ký giao dịch đảm bảo	191.594.825.000	191.594.825.000

(*) Khoản lãi dự thu đang được Tập đoàn theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định đối với các tổ chức tín dụng và hướng dẫn theo Công văn số 4222/BTC-ĐKT ngày 30/03/2016.

Tình trạng hồ sơ	Số hồ sơ	Số dư nợ	
		Nợ gốc	Nợ lãi
Hồ sơ đã khởi kiện, chuyển Tòa án	31	394.231.749.273	885.653.243.356
Hồ sơ tín dụng Tòa án đang thụ lý có bản án	4	12.334.454.598	48.443.446.396
Hồ sơ tín dụng Tòa án đã đình chỉ khởi kiện do hết hiệu lực - khởi kiện quyền đòi nợ	4	34.931.920.201	5.531.263.030
Hồ sơ tại cơ quan thi hành án	148	337.412.681.683	1.153.391.838.169
Hồ sơ thi hành án không có tài sản thế chấp	95	10.677.088.628	362.044.198.920
Hồ sơ chưa khởi kiện	2	1.340.000.000	1.210.413.386
	181	732.984.430.956	2.040.255.494.911

(2) Chi tiết các hợp đồng cho vay Repo cổ phiếu

Khách hàng	Tài sản đảm bảo (cổ phần)	Số lượng cổ phiếu	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023	Dự phòng tại 31/12/2023
Tô Đình Chiến	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	1.650.000	16.496.910.403	16.496.910.403
Công ty CP Đầu tư Kiến Quân	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	1.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Kiến Quân	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	900.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Vương Đáng	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	100.000	307.528.611	307.528.611
Lê Thanh Nhã	Công ty CP Đầu tư Kiến Quân	1.200.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Lê Thanh Nhã	Mã CK: HAG	506.000	13.431.920.201	6.752.720.201
			51.736.359.215	45.057.159.215

Đối với các khoản cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu, toàn bộ số lượng cổ phiếu đã được chuyển quyền sở hữu cho RFC và Tập đoàn có quyền chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu này. Giá trị có thể thu hồi khoản cho vay được xác định theo giá trị hợp lý khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2023, 6 bộ hồ sơ repo cổ phiếu này đã được chuyển sang cơ quan cảnh sát điều tra, lãi dự thu tương ứng số dư nợ gốc là 8,866 tỷ đồng

5.10. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí công cụ dụng cụ	3.414.592.485	16.828.764.782
- Chi phí sửa chữa	1.419.471.172	2.720.149.238
- Chi phí khác	64.346.528.933	44.554.643.599
Tổng	69.180.592.590	64.103.557.619
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí công cụ dụng cụ	216.735.601.548	255.933.149.107
- Chi phí sửa chữa	177.755.558.298	165.126.077.147
- Chi phí đề tài nguồn quỹ KHCCN	478.751.506	396.124.406
- Trả trước tiền thuê đất	2.654.566.441.380	2.753.787.313.818
- Chi phí hoa hồng môi giới	34.383.538.132	33.060.918.589
- Chi phí đền bù	103.347.988.610	112.858.613.416
- Chi phí khác	450.321.994.102	353.728.712.974
Tổng	3.637.589.873.576	3.674.890.909.457



5.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.349.855.034.346	6.256.243.983.794	2.045.122.672.088
- Mua trong năm	10.442.747.292	104.743.301.517	57.749.013.511
- Đầu tư XDCB hoàn thành	446.082.372.530	75.546.189.374	26.836.223.550
- Tăng khác	12.222.637.434	3.083.115.412	808.382.422
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	8.623.390.623	19.249.334.514	15.970.484
- Tăng do phân loại lại	3.935.921.334	647.231.818	-
- Thanh lý, nhượng bán	(21.963.107.607)	(22.501.554.181)	(41.330.739.241)
- Giảm khác	(4.088.636.141)	(2.536.346.686)	(631.822.321)
- Giảm do phân loại lại	-	-	-
Số dư cuối năm	12.805.110.359.811	6.434.475.255.562	2.088.569.700.493
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.821.483.246.155	4.009.014.758.588	1.419.337.788.365
- Khấu hao trong năm	534.515.812.299	263.636.576.585	99.945.415.019
- Tăng khác	11.088.472.311	923.989.829	732.530.553
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(5.439.217.110)	(1.248.178.332)	(1.710.167.989)
- Tăng do phân loại lại	289.563.542	773.889.020	1.430.691.954
- Thanh lý, nhượng bán	(21.896.735.645)	(22.425.131.761)	(39.662.154.884)
- Giảm khác	(1.903.822.557)	(2.033.022.017)	(328.614.564)
- Giảm do phân loại lại	(2.708.745.561)	(529.991.854)	(240.227.644)
Số dư cuối năm	7.335.428.573.434	4.248.112.890.058	1.479.505.260.810
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	5.528.371.788.190	2.247.229.225.206	625.784.883.723
- Tại ngày cuối năm	5.469.681.786.376	2.186.362.365.504	609.064.439.683

Đơn vị tính: VND

Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây kinh doanh	Tài sản cố định khác	Cộng
282.515.869.706	31.280.443.835.485	99.919.228.060	52.314.100.623.478
2.313.822.842	-	-	175.248.885.162
2.559.548.206	1.907.977.354.370	-	2.459.001.688.030
59.749.835	185.730.432.448	-	201.904.317.551
(239.847.791)	85.706.635.213	4.139.654	113.359.622.697
-	1	-	4.583.153.153
(1.942.746.734)	(253.777.796.326)	(525.983.234)	(342.041.927.323)
(805.134.286)	(17.391.897.004)	(609.082.780)	(26.062.919.218)
(647.231.819)	-	(3.935.921.334)	(4.583.153.153)
283.814.029.959	33.188.688.564.187	94.852.380.366	54.895.510.290.377
247.014.623.555	5.883.171.348.862	72.273.940.075	18.452.295.705.600
7.181.788.359	1.457.664.399.531	3.320.153.916	2.366.264.145.709
59.749.835	38.916.809.166	-	51.721.551.694
(143.938.676)	(801.680.254)	1.387.302	(9.341.795.059)
416.226.439	1.093.278.534	206.275.568	4.209.925.057
(1.904.361.072)	(199.303.361.956)	(525.983.234)	(285.717.728.552)
(805.134.286)	(72.370.911)	(536.350.156)	(5.679.314.491)
(441.396.518)	-	(289.563.480)	(4.209.925.057)
251.377.557.636	7.180.668.422.972	74.449.859.991	20.569.542.564.901
35.501.246.151	25.397.272.486.623	27.645.287.985	33.861.804.917.878
32.436.472.323	26.008.020.141.215	20.402.520.375	34.325.967.725.476



5.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	125.190.116.178	996.381.619
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	997.194.500	
- Giảm khác	(1.760.250.415)	
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(105.377.201)	
Số dư cuối năm	124.321.683.062	996.381.619
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	26.327.651.451	981.147.289
- Khấu hao trong kỳ	1.826.006.017	-
- Thanh lý, nhượng bán	254.047.211	
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	
- Giảm khác	(471.495.612)	
Số dư cuối năm	27.936.209.067	981.147.289
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
- Tại ngày đầu năm	98.862.464.727	15.234.330
- Tại ngày cuối năm	96.385.473.995	15.234.330

Đơn vị tính: VND

Phần mềm, bản quyền máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
54.480.183.576	22.320.375.610	202.987.056.983
704.339.707	1.173.008.387	1.877.348.094
		997.194.500
		(1.760.250.415)
(654.318.884)	33.391.985	(726.304.100)
54.530.204.399	23.526.775.982	203.375.045.062
46.942.621.615	10.978.004.300	85.229.424.655
1.710.044.184	3.101.778.641	6.637.828.842
-		254.047.211
148.049.900	-	148.049.900
	-	(471.495.612)
48.800.715.699	14.079.782.941	91.797.854.996
7.537.561.961	11.342.371.310	117.757.632.328
5.729.488.700	9.446.993.041	111.577.190.066



Đơn vị tính: VND

5.13. Tài sản cố định thuê tài chính**Máy móc, thiết bị****Tổng cộng****Nguyên giá**

Số dư đầu năm	1.866.940.741	1.866.940.741
- Thuê tài chính trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.866.940.741	1.866.940.741
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	703.141.485	703.141.485
- Khấu hao trong năm	466.735.188	466.735.188
Số dư cuối năm	1.169.876.673	1.169.876.673
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	1.163.799.256	1.163.799.256
- Tại ngày cuối năm	697.064.068	697.064.068

Ngày bắt đầu thuê tài sản từ ngày 26 tháng 08 năm 2020, Khi hết thời hạn thuê Bên thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên cho thuê đồng ý bán Tài sản thuê với giá trị 23.535.072 đồng.

5.14 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

01/01/2023

Biến động trong năm

31/12/2023

VND

Tăng

Giảm

VND

a. Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá	2.236.641.918.049	40.895.241.238	-	2.277.537.159.287
- Quyền sử dụng đất	242.026.264.360		-	242.026.264.360
- Cơ sở hạ tầng	1.994.615.653.689	40.895.241.238		2.035.510.894.927
Giá trị hao mòn lũy kế	817.990.911.912	115.524.001.999	-	933.514.913.911
- Quyền sử dụng đất	72.532.780.363	-		72.532.780.363
- Cơ sở hạ tầng	745.458.131.549	115.524.001.999		860.982.133.548
Giá trị còn lại	1.418.651.006.137	74.628.760.761		1.344.022.245.376
- Quyền sử dụng đất	169.493.483.997	-	-	169.493.483.997
- Cơ sở hạ tầng	1.249.157.522.140	-	74.628.760.761	1.174.528.761.379

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.



	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	196.926.030.106	192.610.413.175
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.577.485.514.327	11.909.823.984.704
+ Vườn cây cao su KTCB	8.773.472.369.139	10.066.108.182.668
+ Vườn cây khác	29.393.348.932	55.386.383.853
+ Nhà máy, dây chuyền chế biến cao su	57.462.305.263	105.764.472.884
+ Đường giao thông, đập thủy lợi	17.580.268.386	100.887.774.981
+ Các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng	768.834.960.256	674.180.517.626
+ Mua sắm tài sản cố định	15.502.635.029	3.175.233.632
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	915.239.627.322	904.321.419.060
Tổng	10.774.411.544.433	12.102.434.397.879

5.16 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	115.055.154.691	168.229.975.157
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	115.055.154.691	168.229.975.157
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.291.419.969	4.291.419.969
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.291.419.969	4.291.419.969

5.17 Lợi thế thương mại

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Lợi thế thương mại đầu năm	36.914.289.619	1.682.296.143
- Lợi thế thương mại tăng trong năm	175.491.522.000	40.000.000.000
- Lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm	(21.771.183.380)	(4.768.006.524)
Lợi thế thương mại cuối năm	190.634.628.239	36.914.289.619

5.18 Phải trả người bán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
- Phải trả người bán về hàng hóa nội địa	515.579.577.023	471.627.248.203
- Phải trả người bán về hàng hóa nhập khẩu	14.366.936.365	16.644.403.664
- Phải trả người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	165.756.525.471	174.439.160.044
- Phải trả người bán về dịch vụ nội địa được cung cấp	115.778.559.907	121.873.922.988
- Phải trả người bán khác	119.912.414.649	131.529.043.388
Tổng	931.394.013.415	916.113.778.287

**5.19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Ngắn hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Người mua trả trước về mua mủ cao su nội địa	255.010.189.431	203.559.968.397
- Người mua trả trước về mua mủ cao su xuất khẩu	64.820.205.385	133.848.148.098
- Người mua trả trước về hoạt động gia công chế biến mủ cao su, chế biến pallet	164.001.600	608.000.000
- Người mua trả trước về mua cây cao su thanh lý, gãy đổ	44.959.517.109	18.889.510.686
- Người mua trả trước về bán, chuyển giao và lắp đặt công trình cơ khí, máy móc thiết bị	10.823.620.000	14.859.373.759
- Người mua trả trước về mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác	20.131.470.310	72.704.940.162
- Người mua trả trước ngắn hạn khác	122.725.397.946	80.118.842.106
Tổng	518.634.401.781	524.588.783.208

Dài hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Người mua trả trước về mua mủ cao su nội địa	-	22.065.886.365
- Người mua trả trước về hoạt động chuyển nhượng bất động sản	78.701.769.117	78.677.027.112
Tổng	78.701.769.117	100.742.913.477

5.20. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2023 VND	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2023 VND
Phải thu	393.113.031.454	692.610.934.090	719.556.199.868	420.058.297.232
- Thuế giá trị gia tăng nội địa	47.518.714.697	92.945.789.709	98.064.834.679	52.637.759.667
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	1.033.073.566	1.132.924.080	99.850.514
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	388.158.865	-	-	388.158.865
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.988.587.806	170.215.524.824	173.006.972.134	133.780.035.116
- Thuế tài nguyên	41.192.281	6.557.781	28.028.807	62.663.307
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	168.496.650.558	391.596.200.659	409.856.501.020	186.756.950.919
- Thuế môn bài	2.000.000	-	-	2.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	14.388.504.040	32.569.530.806	37.191.586.359	19.010.559.593
- Các loại thuế khác	142.569.688	173.428.395	175.338.547	144.479.840
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	31.146.653.519	4.070.828.350	100.014.242	27.175.839.411
Cộng	393.113.031.454	692.610.934.090	719.556.199.868	420.058.297.232



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Chỉ tiêu	01/01/2023 VND	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2023 VND
Phải nộp	652.712.412.987	1.869.923.477.568	1.980.850.556.674	541.785.333.881
- Thuế giá trị gia tăng nội địa	116.248.326.674	540.522.572.832	586.241.915.029	70.528.984.477
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	44.550.167.650	44.498.451.767	51.715.883
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	1.060.476.510	4.979.399.346	5.635.400.157	404.475.699
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.007.237.576	1.393.205.259	15.041.105.152	1.359.337.683
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	381.796.273.308	528.618.038.176	621.751.502.843	288.662.808.641
- Thuế tài nguyên	14.261.491.297	52.016.812.427	59.455.196.294	6.823.107.430
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	41.167.235.823	509.023.352.921	478.052.283.080	72.138.305.664
- Thuế bảo vệ môi trường	781.733.737	2.060.779.734	1.883.301.701	959.211.770
- Thuế môn bài	529.357.413	(107.688.913)	421.668.500	-
- Thuế thu nhập cá nhân	23.958.362.424	53.337.389.131	63.840.826.658	13.454.924.897
- Các loại thuế khác	46.500.396.659	110.536.735.701	77.999.323.766	79.037.808.594
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.401.521.566	22.992.713.304	26.029.581.727	8.364.653.143
Cộng	652.712.412.987	1.869.923.477.568	1.980.850.556.674	541.785.333.881

5.21 Chi phí phải trả

Ngắn hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
	- Lãi vay phải trả	83.438.173.613
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Trích trước tiền thuê đất	16.822.415.017	16.638.052.927
- Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.877.508.789	8.408.433.728
- Chi phí khác	282.256.105.477	307.750.347.707
Tổng	384.394.202.896	430.853.600.076
Dài hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Trích trước giá vốn khu công nghiệp	185.195.828.137	-
- Chi phí khác	147.443.767.795	264.473.290.729
Tổng	332.639.595.932	264.473.290.729

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

Ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	39.183.658.618	33.579.831.724
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	302.357.214.614	290.024.562.903
Tổng	341.540.873.232	323.604.394.627

Dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	3.230.585.284	5.350.548.007
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	8.944.245.194.914	9.088.061.012.934
Tổng	8.947.475.780.198	9.093.411.560.941

5.23 Phải trả khác

Ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	6.930.605.778	1.370.615.626
- Kinh phí công đoàn	18.035.232.533	20.176.632.659
- Các khoản bảo hiểm bắt buộc	19.721.161.601	46.424.146.021
- Phải trả về cổ phần hoá	75.109.000.000	75.109.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	79.720.907.670	91.479.596.404
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	91.504.600.287	258.639.131.106
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	738.327.541.466	1.152.977.137.466
Tổng	1.029.349.049.335	1.646.176.259.282

Dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.685.751.648	19.917.804.691
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.666.609.927	124.025.718.147
Tổng	134.352.361.575	143.943.522.838



5.24. Vay và nợ thuê tài chính

31/12/2023 (VND)

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.002.624.606.830	3.002.624.606.830
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.503.173.571.294	1.503.173.571.294
- Các khoản đi vay	1.503.173.571.294	1.503.173.571.294
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.499.451.035.536	1.499.451.035.536
- Các khoản đi vay	1.499.451.035.536	1.499.451.035.536
b. Dài hạn	3.577.280.067.014	3.577.280.067.014
- Các khoản đi vay	3.577.280.067.014	3.577.280.067.014
Tổng	6.579.904.673.844	6.579.904.673.844

5.26. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000.000	153.449.723.158
- Tăng trong năm trước		45.388.668.461
- Lãi trong năm trước		
- Giảm trong năm trước		
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000.000	198.838.391.619
- Tăng trong năm		126.994.363.803
- Lãi trong năm nay		
- Giảm trong năm nay (*)		
Số dư cuối năm	40.000.000.000.000	325.832.755.422
Chỉ tiêu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu năm trước	446.867.085.315	4.133.367.632.585
- Tăng trong năm trước		955.793.041.550
- Lãi trong năm trước		
- Giảm trong năm trước	(193.089.473.801)	
Số dư đầu năm nay	253.777.611.514	5.089.160.674.135
- Tăng trong năm	206.883.469.908	319.333.799.359
- Lãi trong năm nay		
- Giảm trong năm nay (*)		
Số dư cuối năm	460.661.081.422	5.408.494.473.494

(*) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong đó Tập đoàn thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 112/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 16 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Biến động trong năm			01/01/2023 (VND)
Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
4.851.746.912.513	4.666.168.196.519	2.817.045.890.836	2.817.045.890.836
4.428.587.875.161	3.938.119.923.470	1.012.705.619.603	1.012.705.619.603
4.428.587.875.161	3.938.119.923.470	1.012.705.619.603	1.012.705.619.603
423.159.037.352	728.048.273.049	1.804.340.271.233	1.804.340.271.233
423.159.037.352	728.048.273.049	1.804.340.271.233	1.804.340.271.233
143.414.567.687	1.161.850.262.737	4.595.715.762.064	4.595.715.762.064
143.414.567.687	1.161.850.262.737	4.595.715.762.064	4.595.715.762.064
4.995.161.480.200	5.828.018.459.256	7.412.761.652.900	7.412.761.652.900

Đơn vị tính: VND

Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cộng
10.591.031.002	(959.568.311)	(1.577.764.667.264)	38.585.316.518.585
-	-	3.578.501.160	48.967.169.621
-	-	-	-
10.591.031.002	(959.568.311)	(1.574.186.166.104)	38.634.283.688.206
-	34.301	-	126.994.398.104
-	-	-	-
10.591.031.002	(959.534.010)	(1.574.186.166.104)	38.761.278.086.310
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
1.264.574.242	4.631.590.901.141	4.050.794.456.198	51.849.201.168.066
-	3.881.881.209.633	922.267.698.112	1.004.760.211.171
(1.011.664.821)	(3.493.230.793.791)	(527.632.225.816)	4.804.148.907.745
252.909.421	5.020.241.316.983	4.445.429.928.494	53.443.146.128.753
-	2.623.175.190.293	749.686.472.396	653.211.667.371
-	(2.456.021.395.005)	(76.900.334.179)	3.372.861.662.689
252.909.421	5.187.395.112.271	5.118.216.066.711	54.936.297.729.629
-	-	-	(2.532.921.729.184)

**5.26. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2023 (VND)	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 (VND)
- Vốn đầu tư của Nhà nước	96,77%	38.708.428.190.000	96,77%	38.708.428.190.000
- Vốn của người lao động	0,72%	288.133.710.000	0,72%	288.133.710.000
- Vốn của tổ chức công đoàn	0,02%	7.262.500.000	0,02%	7.262.500.000
- Các cổ đông khác	2,49%	996.175.600.000	2,49%	996.175.600.000
	100%	40.000.000.000.000	100%	40.000.000.000.000

Cổ phiếu	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000.000	4.000.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000.000	4.000.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000.000	4.000.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.400.000.000.000	1.640.000.000.000

d. Các quỹ của Tập đoàn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.408.494.473.494	5.089.160.674.135
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	252.909.421	252.909.421
Tổng	5.408.747.382.915	5.089.413.583.556

**e. Chênh lệch đánh giá lại tài sản**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
	31/12/2023	01/01/2023
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản do cổ phần hóa	(1.574.186.166.104)	(1.574.186.166.104)
Tổng	(1.574.186.166.104)	(1.574.186.166.104)

f. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	460.661.081.422	253.777.611.514
Tổng	460.661.081.422	253.777.611.514

5.26. Nguồn kinh phí

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Nguồn kinh phí đầu năm	(39.714.829.908)	(37.991.052.791)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	79.121.162.382	86.972.926.119
- Chi sự nghiệp	(93.211.030.064)	(88.696.703.236)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(53.804.697.590)	(39.714.829.908)

5.27 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	89.438.137.000	146.956.722.956
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	89.438.137.000	146.956.722.956
- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp	-	-
c. Ngoại tệ các loại (USD)		
- Ngoại tệ USD	30.359.359	24.881.189
- Ngoại tệ EUR	1.022	1.857
- Ngoại tệ LAK	485.765	485.765
- Ngoại tệ KHR	999.738.501	1.059.363.339
- Ngoại tệ khác	240.309	240.297
d. Nợ khó đòi đã xử lý	67.845.979.308	67.845.979.308

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh mủ cao su	16.818.510.922.613	18.167.310.881.277
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	463.839.613.275	790.491.799.380
- Doanh thu chế biến gỗ	2.363.231.642.697	3.930.385.935.333
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	813.653.067.604	801.856.075.019
- Doanh thu dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	21.740.392.009	48.918.148.087
- Doanh thu dịch vụ kinh doanh điện, nước	72.900.357.226	73.035.019.263
- Doanh thu dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	663.720.540	783.157.072
- Doanh thu từ kinh doanh điện năng	587.551.446.908	709.477.240.167
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.025.673.652.071	953.039.975.565
Tổng	22.167.764.814.943	25.475.298.231.163

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chiết khấu thương mại	23.023.859.423	29.990.875.976
- Giảm giá hàng bán	1.312.551.880	5.375.703.020
- Hàng bán bị trả lại	5.025.251.154	18.530.367.044
Tổng	29.361.662.457	53.896.946.040

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh mủ cao su	16.789.149.260.156	18.109.365.223.336
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	463.839.613.275	790.491.799.380
- Doanh thu thuần chế biến gỗ	2.363.231.642.697	3.930.385.935.333
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	813.653.067.604	801.856.075.019
- Doanh thu thuần dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	21.740.392.009	48.918.148.087
- Doanh thu thuần dịch vụ kinh doanh điện, nước	72.900.357.226	73.035.019.263
- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	663.720.540	783.157.072
- Doanh thu thuần từ kinh doanh điện năng	587.551.446.908	709.477.240.167
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.025.673.652.071	957.088.687.466
Tổng	22.138.403.152.486	25.421.401.285.123

**6.4 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn sản xuất và kinh doanh mủ cao su	13.128.446.689.627	13.356.975.967.904
- Giá vốn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	436.964.031.703	742.528.273.654
- Giá vốn chế biến gỗ	2.009.312.392.900	3.387.072.050.641
- Giá vốn kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	300.616.678.578	258.022.137.773
- Giá vốn dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	6.231.018.996	6.837.404.531
- Giá vốn dịch vụ kinh doanh điện, nước	64.298.755.108	72.709.069.776
- Giá vốn dịch vụ khách sạn	146.158.884	412.015.802
- Giá vốn kinh doanh điện năng	275.972.294.186	334.382.021.671
- Giá vốn khác	953.516.652.792	872.503.409.722
Tổng	17.175.504.672.774	19.031.442.351.474

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	949.266.779.492	652.825.822.032
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	15.620.052.307
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	221.965.526	28.303.738.647
- Lãi bán ngoại tệ	1.460.101.584	922.808.099
- Lãi chênh lệch tỷ giá	141.407.131.745	187.867.412.128
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7.148.070.921	2.530.218.633
- Doanh thu hoạt động tài chính khác/ Các khoản ghi giảm doanh thu TC	15.288.547.017	6.115.291.810
Tổng	1.114.792.596.285	894.185.343.656

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền vay	477.578.421.406	490.848.598.668
- Lỗ bán ngoại tệ	24.253.000	46.434.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	107.967.562.998	153.525.339.561
- Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	25.818.360.974	29.855.351.913
- Chi phí tài chính khác	6.623.247.240	19.379.326.897
Tổng	618.011.845.618	693.655.051.039

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Lãi lỗ từ Công ty liên kết

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Thống Nhất	10.376.086.105	23.322.607.707
Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	(717.602.839)	(622.867.430)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	10.433.576.407	14.528.464.415
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	(290.250.248.363)	120.402.866.123
Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	150.842.855	3.151.025.751
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	9.374.463.540	8.988.904.279
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	338.416.338	115.125.141
Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	506.386.395	307.269.096
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	(39.861.476.136)	(24.016.314.827)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	87.350.054	(1.109.603.229)
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	14.173.300.592	33.497.261.641
Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	67.636.479.691	16.796.850.689
	(208.249.655.606)	203.589.622.831

6.8 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân viên	24.915.007.886	29.692.875.969
- Chi phí vật liệu	96.124.999.938	68.269.158.342
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	114.173.527.096	145.101.227.487
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.479.945.154	1.739.851.657
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	307.931.976.880	225.514.830.823
- Chi hoa hồng môi giới	1.431.997.944	31.330.255.068
- Chi phí khác	45.393.839.573	90.664.672.995
Tổng	591.451.294.471	592.312.872.341

6.9 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân viên	938.116.125.729	944.515.302.171
- Chi phí vật liệu	44.664.361.430	49.269.516.561
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.968.405.447	33.630.848.117
- Chi phí khấu hao TSCĐ	89.416.006.435	84.705.906.711
- Thuế, phí và lệ phí	57.050.263.154	48.131.709.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.491.047.606	148.872.716.346
- Trích Quỹ khoa học công nghệ	19.370.425.460	28.393.508.261
- Chi phí dự phòng	23.402.815.771	(65.273.001.886)
- Chi phí khác	515.970.660.923	484.593.546.555
Tổng	1.864.450.111.955	1.756.840.052.036

6.10 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thu nhập từ cây cao su thanh lý, gãy đổ	721.756.764.718	495.712.424.931
- Tiền bồi thường	557.687.068.730	798.683.059.425
- Tiền phạt thu được	19.301.509.790	13.813.236.297
- Thu nhập từ sửa chữa đường lô và các hoạt động hoàn nguyên trong vườn cây cao su	1.130.430.000	1.839.484.930
- Nhượng bán vật tư, phế liệu	19.164.917.538	6.217.262.009
- Hoàn nhập Quỹ PT khoa học công nghệ	19.366.278.686	71.968.359.863
- Nhận hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm xuất khẩu cao su	6.372.855.668	6.780.122.846
- Thu nhập từ trồng xen canh cây nông nghiệp trong vườn cao su	53.395.957.353	31.383.970.834
- Các khoản khác	256.039.315.364	392.257.143.469
Tổng	1.654.215.097.847	1.818.655.064.604

6.11 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Tiền bồi thường	1.216.667.917	3.798.987.847
- Các khoản bị phạt, chậm nộp	4.203.949.319	5.949.703.606
- Nhượng bán vật tư, phế liệu	9.236.696.222	5.210.766.030
- Chi phí sửa chữa đường lô và hoàn nguyên tại vườn cây cao su	2.675.858.363	932.016.656
- Chi phí thiệt hại từ cây cao su	149.738.107	72.559.588.623
- Các khoản khác	318.368.516.702	406.949.874.143
Tổng	335.851.426.630	495.400.936.905

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	663.483.322.966	933.915.849.592
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	24.591.840.402	2.987.196.692
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	688.075.163.368	936.903.046.284

6.13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(42.936.123.990)	(114.466.858.934)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	95.891.137.497	141.594.957.324
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52.955.013.507	27.128.098.390

**6.14 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.475.309.000.444	4.941.699.611.567
- Chi phí nhân công	4.920.067.085.429	4.500.271.796.146
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	216.910.140.726	281.996.464.853
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.632.584.093.650	2.458.765.550.692
- Thuế, phí và lệ phí	75.127.498.755	79.735.064.985
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.011.060.374.485	818.423.916.706
- Chi phí khác bằng tiền	1.027.135.651.940	1.127.074.449.573
Tổng	12.358.193.845.429	14.207.966.854.522

6.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**a. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND Trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty Mẹ (VND)	2.623.175.190.293	3.881.881.209.633
Các khoản điều chỉnh (*)	(682.394.133.969)	(653.890.117.714)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.940.781.056.324	3.227.991.091.919
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	4.000.000.000	4.000.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	485	807

(*) Tại ngày Báo cáo, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành tại Công ty mẹ Tập đoàn. Nếu Công ty mẹ Tập đoàn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính 2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022 được trình bày lại do điều chỉnh Lợi nhuận kế toán sau thuế theo Biên bản kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính và điều chỉnh các khoản trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo các Nghị quyết Đại hội cổ đông của Tổng Công ty và các Công ty con. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:



	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận thuần trong năm - thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.838.821.072.307	3.881.881.209.633	43.060.137.326
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi - thuộc về cổ đông phổ thông	(609.724.432.756)	(653.890.117.714)	(44.165.684.958)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.229.096.639.551	3.227.991.091.919	(1.105.547.632)
Số lượng cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	4.000.000.000	4.000.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	807	807	(0)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Liên quan đến vụ việc tranh chấp giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính ("DaHC") về Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Theo Bản án phúc thẩm số 06/2024/KDTM-PT ngày 24/01/2024 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án quyết định hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016, đồng thời Tập đoàn và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VCBS - CN HCM) phải liên đới hoàn trả phải hoàn trả cho DaHC số tiền đặt cọc là 141.410.529.520 đồng. Ngày 01/03/2024, VCBS - CN HCM đã hoàn tất chuyển trả số tiền 141.410.529.520 đồng cho DaHC theo quyết định tại bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thông tin về các bên liên quan

Tập đoàn có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha
 Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do
 Công ty CP Cao su Bến Thành
 Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành
 Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741
 Xí Nghiệp liên doanh Visorutex
 Công ty CP Thống Nhất
 Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai
 Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào
 Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh
 Công ty CP ĐTXD CSHT Bình Phước
 Công ty CP Cao su TP. Hồ Chí Minh
 Công ty CP Lộc Thịnh
 Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ
 Hà Tĩnh

Quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên
 Công ty CP PTĐT và KCN Cao su Việt Nam
 Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Ảnh hưởng đáng kể



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Trong năm, Tập đoàn có giao dịch với các bên liên quan sau:

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nghịệp vụ	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Phải thu khách hàng ngắn hạn	6.633.973.034	1.463.451.151
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.007.695.900	10.389.912.764
	Phải trả ngắn hạn khác	1.000.769.590	-
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Phải thu khách hàng ngắn hạn	53.158.120.644	49.966.282.628
	Phải trả người bán ngắn hạn	-	294.921.000
Công ty CP Cao su Bến Thành	Phải trả người bán ngắn hạn	12.100.000	12.100.000
	Phải trả ngắn hạn khác	27.000.000	-
Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành	Phải trả ngắn hạn khác	9.468.573.000	9.468.573.000
Xí Nghiệp liên doanh Visorutex	Phải thu khách hàng		
Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	1.784.058.008
Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Phải trả người bán ngắn hạn	-	4.157.130.730

Nghịệp vụ giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm

	Nghịệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Thu nhập từ bán cây cao su thanh lý	-	131.921.970.259
	Bán hàng hóa dịch vụ	49.073.402.360	1.089.949.332
	Mua hàng hóa dịch vụ	13.162.085.988	
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Bán hàng hóa dịch vụ	30.586.231.325	-
	Mua hàng hóa dịch vụ	524.939.091	-
Công ty CP Cao su Bến Thành	Bán hàng hóa dịch vụ	22.028.786.000	2.135.332.000
	Thu nhập từ bán cây cao su thanh lý	-	23.880.686.778
	Mua hàng hóa dịch vụ	1.502.641.000	-
Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Bán hàng hóa dịch vụ	131.022.769	190.099.048
Công ty CP Thống Nhất	Bán hàng hóa dịch vụ	2.520.000	225.728.545
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Bán hàng hóa dịch vụ	491.774.000	638.649.467
	Mua hàng hóa dịch vụ	128.711.523.000	-

**Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị		5.946.286.873	6.282.490.000
Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	1.026.214.711	1.077.265.000
Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	997.708.746	1.047.366.000
Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT	912.190.854	957.669.000
Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	912.190.854	957.669.000
Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	912.190.854	957.669.000
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT	912.190.854	957.669.000
Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	136.800.000	143.640.000
Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT	136.800.000	143.640.000
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên HĐQT	-	39.903.000
Ban Tổng Giám đốc		6.268.368.694	5.416.799.000
Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	912.190.854	957.669.000
Ông Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	594.907.079	957.669.000
Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	912.190.854	957.669.000
Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc	912.190.854	558.640.000
Ông Đỗ Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc	912.190.854	558.640.000
Ông Huỳnh Kim Nhật	Phó Tổng Giám đốc	912.190.854	558.640.000
Ông Phạm Hải Dương	Phó Tổng Giám đốc	285.964.593	-
Ông Phạm Văn Hồi Em	Kế toán trưởng	826.542.753	867.872.000
Ban kiểm soát		1.073.872.961	1.128.272.000
Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng Ban kiểm soát	826.672.961	867.872.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Kiểm soát viên	123.600.000	126.583.000
Ông Võ Văn Tuấn	Kiểm soát viên	123.600.000	126.583.000
Ông Trần Khắc Chung	Kiểm soát viên	-	3.617.000
Tổng cộng		13.288.528.528	12.827.561.000

7.3. Thông tin theo bộ phận

Để phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Sản xuất và kinh doanh mủ cao su: bao gồm hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su: bao gồm hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh mủ các sản phẩm từ cao su thiên nhiên;
- Sản xuất và kinh doanh chế biến gỗ: bao gồm hoạt động sơ chế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ cao su;
- Xây dựng bất động sản, cơ sở hạ tầng: bao gồm các hoạt động đầu tư xây dựng bất động sản và cơ sở hạ tầng cho mục đích để bán và cho thuê tại các dự án của Tập đoàn cũng như các hoạt động bất động sản khác;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ du lịch, cho thuê nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan của Tập đoàn;
- Kinh doanh điện năng: bao gồm các hoạt động kinh doanh điện thương phẩm tại các dự án Nhà máy điện của Tập đoàn;

Các hoạt động kinh doanh khác: bao gồm cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ xây dựng, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ kỹ thuật, nông nghiệp và các dịch vụ khác

**7.3. Thông tin theo bộ phận (Tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng
Doanh thu thuần				
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	16.789.149.260.156	463.839.613.275	2.363.231.642.697	908.293.816.839
Doanh thu thuần giữa các bộ phận (1)	(3.950.767.834.123)	-	(13.926.758.227)	984.760.424
Tổng doanh thu thuần	12.838.381.426.033	463.839.613.275	2.349.304.884.470	909.278.577.263
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao tài sản cố định	1.835.422.092.093	42.231.424.431	92.991.255.613	23.016.929.615
Phần được chia từ lãi/(lỗ) của công ty liên kết	51.262.394.098	-	(290.162.898.309)	30.650.848.605
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)	1.915.824.294.257	(63.333.642.338)	(108.576.766.199)	412.863.927.191
Tổng tài sản (3)	49.727.622.685.975	884.691.837.453	2.804.707.656.461	6.819.204.906.123
Tổng nợ phải trả (4)	9.635.853.839.493	152.476.552.997	387.431.330.582	10.009.153.491.261

Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	Kinh doanh điện năng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
663.720.540	587.551.446.908	1.025.673.652.071	-	22.138.403.152.486
-	-	(320.753.482.609)	4.284.463.314.535	-
663.720.540	587.551.446.908	704.920.169.462	4.284.463.314.535	22.138.403.152.486
463.304.761	123.203.152.852	10.063.871.908	-	2.127.392.031.273
-	-	-	-	(208.249.655.606)
(5.376.906.994)	263.919.268.650	(199.065.830.861)	82.493.073.974	2.298.747.417.680
40.400.189.354	2.409.387.565.380	4.475.222.478.172	(5.279.837.497.179)	61.881.399.821.739
8.120.036.471	107.613.338.674	483.156.433.814	(4.824.895.746.946)	15.958.909.276.346



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng
Doanh thu tài chính	1.149.231.000.562	33.499.422.852	20.662.526.856	593.193.028.419
Chi phí tài chính	473.132.067.513	13.723.889.076	95.266.431.584	10.149.461.774
Thu nhập khác	1.714.212.273.950	3.672.082.060	9.570.410.447	25.715.786.278
Chi phí khác	318.076.588.504	6.428.284.202	5.042.837.109	
Tài sản của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những tài sản này được quản lý tập trung:				
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.840.186.892.892	383.291.235.945	234.101.000.000	5.879.221.257.458
Phải thu về cho vay ngắn hạn	181.127.306.619	-	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	482.539.267.835	17.023.614.299	5.806.747.395	1.838.383.237
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	228.790.543.831	7.232.841.067	2.974.903.514	70.533.506.545
Phải thu về cho vay dài hạn	65.415.486.245	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	14.514.197.883.255	10.867.214.249	9.103.708.201	1.022.871.416.556
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.594.136.970	-	-	-
Tổng cộng	17.320.851.517.647	418.414.905.560	251.986.359.110	6.974.464.563.796
Nợ phải trả của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung:				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	382.888.448.081	6.122.594.951	14.413.626.669	87.933.852.506
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.874.842.357.877	115.198.403.386	985.687.530.571	413.823.796.176
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.887.386.973.457	13.374.188.528	221.668.919.468	-
Tổng cộng	5.149.409.199.384	134.695.186.865	1.221.770.076.708	501.757.648.682

Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	Kinh doanh điện năng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
2.433.658.011	41.020.757.122	1.747.259.181.146	(2.472.506.978.683)	1.114.792.596.285
17.820.274	87.086.892.402	210.481.176.900	(271.845.893.905)	618.011.845.618
365.247.877	371.763.600	18.180.509.031	(117.872.975.396)	1.654.215.097.847
13.738.993	1.152.560.037	976.743.414	(30.000.000)	335.851.426.630
22.462.401.370	566.000.000.000	2.430.097.035.344	-	11.355.359.823.009
-	-	360.069.883.352	(533.148.940.971)	8.048.249.000
614.827.836	449.534.918	19.028.238.770	-	527.300.614.290
989.721.269	937.558.200	108.599.222.806	-	420.058.297.232
-	-	828.069.819.911	(95.145.388.955)	798.339.917.201
968.030.317	62.206.306.681	36.089.662.656.922	(48.753.345.473.245)	2.956.531.742.936
-	-	-	106.461.017.721	115.055.154.691
25.034.980.792	629.593.399.799	39.835.526.857.105	(49.275.178.785.450)	16.180.693.798.360
96.371.035	27.283.749.397	23.046.691.242	-	541.785.333.881
-	111.098.000.000	35.123.459.791	(533.148.940.971)	3.002.624.606.830
-	518.480.758.619	31.514.615.897	(95.145.388.955)	3.577.280.067.014
96.371.035	656.862.508.016	89.684.766.930	(628.294.329.926)	7.125.981.427.695

**7.4. Cam kết khác**

STT	Đơn vị được bảo lãnh	Thư bảo lãnh số	Ngày bảo lãnh	Đơn vị nhận bảo lãnh, ủy thác
1	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	2473/CTBL-TCKT	29/8/2013	SHB
2	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	2720/CTBL-TCKT	23/9/2013	SHB
3	Cty CP VRG Phú Yên	1865/CSVN-TCKT	04/07/2013	Vietinbank - Phú Yên
4	Cty CP VRG Phú Yên	1593/CTBL-CSVN	06/04/2014	Vietinbank - Phú Yên
5	Cty CP Cao su Đồng Nai - Kratie	1346/CSVN-TCKT	21/05/2013	SHB-TP.HCM
6	Cty CP Cao su Đồng Nai - Kratie	496/CSVN-TCKT	10/03/2011	SHB-ĐN
7	Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	420/CSVN-TCKT	20/2/2013	VCB-ĐN
8	Cty CP Cao su Sơn La	2376/CSVN-TCKT	08/10/2012	SHB-TP.HCM
9	Cty CP Cao su Sơn La	3211/CTBL-TCKT	13/11/2013	SHB-TP.HCM
10	Cty CP Cao su Sơn La	482/CTBL-TCKT	27/02/2014	SHB-TP.HCM
11	Cty CP Cao su Sơn La	569/CTBL-TCKT	10/3/2014	SHB-TP.HCM
12	Cty TNHH MTV Cao su Hương Khê HT	3544/CTBL-CSVN	9/12/2013	SHB
13	Cty CP Cao su Lai Châu II	3885/CTBL-TCKT	30/12/2013	SHB-Khánh Hòa
14	Cty CP Cao su Lai Châu	213/CTBL-TCKT	23/01/2014	SHB-Khánh Hòa
15	Cty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	1891/CTBL-TCKT	6/7/2017	Vietinbank - HCM

Tổng cộng

Số tiền bảo lãnh		Mục đích bảo lãnh
USD	VND	
	78.000.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	88.546.900.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su (trả nợ cho RFC)
	191.733.798.000	Thủy điện La Hiêng 2
	100.854.000.000	Trả nợ cho RFC
1.875.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	91.280.000.000	Đầu tư 4.100ha cao su tại CPC
	120.000.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	9.240.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	34.055.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	44.109.738.750	Đầu tư chăm sóc cao su (trả nợ cho RFC)
	39.503.800.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	271.592.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su + trả nợ cho RFC
	52.244.370.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	61.082.948.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
	477.000.000.000	Đầu tư dự án NM CBG và dự án rừng
1.875.000	1.659.242.554.750	



7.5. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Một số chỉ tiêu so sánh đã điều chỉnh lại do điều chỉnh hồi tố Kết luận thanh tra số 516/KL-TTr ngày 16/5/2023 của Thanh tra của Bộ Tài chính về thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần thời kỳ thanh tra năm 2021 và các số liệu có liên quan và Theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP kèm theo Công văn số 99/KTNN-TH ngày 17/7/2023 của Kiểm toán nhà nước. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất kết thúc ngày ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Số dư tại 01/01/2023 VND	Số dư tại 31/12/2022 VND	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	23.450.140.039.254	23.395.887.056.867	54.252.982.387
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.762.927.647.630	2.731.930.551.368	30.997.096.262
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.441.058.198.622	1.449.219.403.616	(8.161.204.994)
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10.384.605.161	10.547.295.649	(162.690.488)
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.051.378.164.970	1.022.960.729.759	28.417.435.211
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(228.237.508.586)	(235.602.862.011)	7.365.353.425
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	39.177.169.321	35.638.966.213	3.538.203.108
IV. Hàng tồn kho	140	4.131.321.566.267	4.115.559.185.816	15.762.380.451
1. Hàng tồn kho	141	4.230.814.555.012	4.216.169.532.635	14.645.022.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(99.492.988.745)	(100.610.346.819)	1.117.358.074
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	973.958.802.867	966.465.297.193	7.493.505.674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	64.103.557.619	63.791.969.619	311.588.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	516.742.213.794	516.763.580.296	(21.366.502)
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	393.113.031.454	385.909.747.278	7.203.284.176
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	54.997.733.643.074	54.981.042.905.335	16.690.737.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	674.543.960.596	674.381.270.108	162.690.488
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	811.118.551.465	810.955.860.977	162.690.488
II. Tài sản cố định	220	33.980.726.349.462	33.943.662.353.232	37.063.996.230
1. Tài sản cố định hữu hình	221	33.861.804.917.878	33.824.878.699.426	36.926.218.452
- Nguyên giá	222	52.314.100.623.478	52.268.338.305.685	45.762.317.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(18.452.295.705.600)	(18.443.459.606.259)	(8.836.099.341)
3. Tài sản cố định vô hình	227	117.757.632.328	117.619.854.550	137.777.778
- Nguyên giá	228	202.987.056.983	202.827.056.983	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(85.229.424.655)	(85.207.202.433)	(22.222.222)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12.102.434.397.879	12.094.646.601.152	7.787.796.727
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài	241	192.610.413.175	192.745.439.256	(135.026.081)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11.909.823.984.704	11.901.901.161.896	7.922.822.808
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.826.988.655.514	2.823.208.037.195	3.780.618.319
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(50.380.358.133)	(54.160.976.452)	3.780.618.319
VI. Tài sản dài hạn khác	260	3.994.389.273.486	4.026.493.637.511	(32.104.364.025)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.674.890.909.457	3.703.457.070.374	(28.566.160.917)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	114.354.099.253	117.892.302.361	(3.538.203.108)
Cộng thay đổi Tài sản				70.943.720.126

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Số dư tại 01/01/2023 VND	Số dư tại 31/12/2022 VND	Chênh lệch
(2)	(1)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	24.932.316.138.862	24.910.884.584.621	21.431.554.241
I. Nợ ngắn hạn	310	10.390.753.370.425	10.368.070.917.440	22.682.452.985
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	916.113.778.287	916.527.004.222	(413.225.935)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	652.712.412.987	617.264.087.548	35.448.325.439
4. Phải trả người lao động	314	1.408.646.288.384	1.431.389.306.932	(22.743.018.548)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	430.853.600.076	431.790.164.016	(936.563.940)
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.646.176.259.282	1.637.475.158.129	8.701.101.153
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.668.066.917.776	1.665.441.082.960	2.625.834.816
II. Nợ dài hạn	330	14.541.562.768.437	14.542.813.667.181	(1.250.898.744)
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	338.984.298.419	340.235.197.163	(1.250.898.744)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	53.515.557.543.466	53.466.045.377.581	49.512.165.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	53.443.146.128.753	53.391.768.872.430	51.377.256.323
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.020.241.316.983	4.976.693.000.886	43.548.316.097
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.138.360.107.350	1.142.630.547.235	(4.270.439.885)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	3.881.881.209.633	3.834.062.453.651	47.818.755.982
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4.445.429.928.494	4.437.600.988.268	7.828.940.226
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	72.411.414.713	74.276.505.151	(1.865.090.438)
1. Nguồn kinh phí	431	(39.714.829.908)	(37.849.739.470)	(1.865.090.438)
Cộng thay đổi Nguồn vốn				70.943.720.126

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	25.475.298.231.163	25.483.889.270.011	(8.591.038.848)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	53.896.946.040	57.945.657.941	(4.048.711.901)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01 - 02)	10	25.421.401.285.123	25.425.943.612.070	(4.542.326.947)
4. Giá vốn hàng bán	11	19.031.442.351.474	19.083.830.556.212	(52.388.204.738)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 11)	20	6.389.958.933.649	6.342.113.055.858	47.845.877.791
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	894.185.343.656	885.462.783.210	8.722.560.446
7. Chi phí tài chính	22	693.655.051.039	696.015.303.251	(2.360.252.212)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	490.848.598.668	490.848.598.668	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	203.589.622.831	203.589.622.831	-
9. Chi phí bán hàng	25	592.312.872.341	591.230.197.005	1.082.675.336
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.756.840.052.036	1.762.820.187.016	(5.980.134.980)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22+24-25-26)	30	4.444.925.924.720	4.381.099.774.627	63.826.150.093
12. Thu nhập khác	31	1.818.655.064.604	1.793.484.267.865	25.170.796.739
13. Chi phí khác	32	495.400.936.905	472.964.711.548	22.436.225.357
14. Lợi nhuận khác (31 - 32)	40	1.323.254.127.699	1.320.519.556.317	2.734.571.382
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50	5.768.180.052.419	5.701.619.330.944	66.560.721.475
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	936.903.046.284	921.231.942.328	15.671.103.956
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27.128.098.390	27.128.098.390	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50-51-52)	60	4.804.148.907.745	4.753.259.290.226	50.889.617.519
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	3.881.881.209.633	3.838.821.072.307	43.060.137.326
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	922.267.698.112	914.438.217.919	7.829.480.193



BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.768.180.052.419	5.701.619.330.944	66.560.721.475
2. Điều chỉnh cho các khoản		1.743.988.310.076	1.756.251.639.894	(12.263.329.818)
- Các khoản dự phòng	03	16.249.907.119	28.513.236.937	(12.263.329.818)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.512.168.362.495	7.457.870.970.838	54.297.391.657
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	129.477.105.416	153.271.538.741	(23.794.433.325)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(697.830.350.179)	(683.185.327.802)	(14.645.022.377)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(646.341.127.416)	(666.397.745.585)	20.056.618.169
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.773.239.836)	(30.027.812.753)	28.254.572.917
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.769.620.082.443)	(4.705.450.955.402)	(64.169.127.041)

Số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ thay đổi do các điều chỉnh tại Bảng Cân đối kế toán. Dòng tiền thuần của các Hoạt động kinh doanh, Hoạt động đầu tư và Hoạt động tài chính không bị ảnh hưởng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Hồng Minh

Kế toán trưởng


Phạm Văn Hải Em


Tổng Giám đốc




Lê Thanh Hưng



 177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

 (84-28) 39 325 234

 (84-28) 39 327 341

 vrg@rubbergroup.vn

 <https://rubbergroup.vn>